

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ SỸ TÙNG

GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG
CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SỸ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ SỸ TÙNG

**GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG
CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành : Chính trị học

Chuyên ngành : Công tác tư tưởng

Mã số : 9310201

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. PHẠM HUY KỲ

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS. TS Phạm Huy Kỳ. Các số liệu, nội dung nghiên cứu được nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và đã được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận của luận án chưa được công bố ở bất cứ công trình nghiên cứu khoa học liên quan nào.

Tác giả

Lê Sỹ Tùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	11
1.1. Các công trình nghiên cứu về xây dựng đội ngũ trí thức và cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ	11
1.2. Các công trình nghiên cứu về chính trị, tư tưởng và giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học	19
1.3. Kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu đã tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	33
Chương 2: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	39
2.1. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam – Một số khái niệm.....	39
2.2. Các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.....	61
2.3. Những yếu tố tác động và sự cần thiết phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay	73
Chương 3: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	80
3.1. Ưu điểm và nguyên nhân	80
3.2. Hạn chế và nguyên nhân.....	104
3.3. Những vấn đề đặt ra về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay	123

Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI.....	133
4.1. Dự báo tình hình và phương hướng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian tới.....	133
4.2. Giải pháp tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian tới.....	146
KẾT LUẬN	177
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	180
TÀI LIỆU THAM KHẢO	181
PHỤ LỤC	191

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết đầy đủ	Viết tắt
1	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CNH, HĐH
2	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Viện HLKH&CN Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu của luận án

Giáo dục chính trị, tư tưởng là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giữ vai trò truyền tải hệ tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; qua đó góp phần hình thành niềm tin chính trị, củng cố lập trường, bản lĩnh cách mạng và định hướng hành động thực tiễn. Về phương diện lý luận, giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ là quá trình truyền bá tri thức chính trị – tư tưởng, mà còn là hoạt động có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng, bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn xã hội. Vì vậy, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu phải “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả...” [23, tr. 181] và Đại hội XIV tiếp tục khẳng định cần phải “Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng” [24, tr.131].

Đội ngũ trí thức giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước, là lực lượng trực tiếp sáng tạo, truyền bá và ứng dụng tri thức khoa học, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và tham gia hoạch định chính sách. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế toàn diện, vấn đề xây dựng và củng cố bản lĩnh chính trị, niềm tin lý tưởng, định hướng giá trị xã hội chủ nghĩa cho đội ngũ trí thức, nhà khoa học trở nên đặc biệt quan trọng. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là lực lượng trực tiếp sáng tạo tri thức, phát triển khoa học – công nghệ, đồng thời tham gia tư vấn, tham mưu hoạch định chủ trương, chính sách phát triển đất nước. Do đó, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ này không chỉ nhằm nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp, mà còn góp

phần định hướng lý tưởng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, bồi dưỡng trách nhiệm xã hội và tạo động lực tinh thần bền vững cho hoạt động nghiên cứu, cống hiến lâu dài.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nhấn mạnh yêu cầu: “Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. Để hiện thực hóa yêu cầu đó, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học chính là lực lượng nòng cốt, trước hết cần được xây dựng vững vàng về bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, ý thức trách nhiệm xã hội và hệ giá trị nghề nghiệp phù hợp với định hướng phát triển của đất nước.

Viện HLKH&CN Việt Nam là cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng đầu của đất nước, đồng thời là tổ chức tham mưu, tư vấn chiến lược quan trọng cho Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Với đội ngũ cán bộ nghiên cứu có trình độ chuyên môn cao, giữ vai trò nòng cốt trong triển khai các chương trình nghiên cứu trọng điểm và đào tạo nguồn nhân lực khoa học – công nghệ chất lượng cao, Viện có vị trí đặc biệt trong việc hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng, sự bùng nổ thông tin và tác động đa chiều của môi trường xã hội, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện cũng chịu ảnh hưởng ngày càng rõ nét từ nhiều yếu tố phức tạp, làm nảy sinh những vấn đề mới đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh tuyệt đại đa số cán bộ nghiên cứu khoa học có bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết và trách nhiệm nghề nghiệp cao, vẫn còn một bộ phận bộc lộ những biểu hiện đáng chú ý về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Ở mức độ khác nhau, có người chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập lý luận chính trị, nghị quyết của Đảng; nhận thức chưa đầy đủ mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học với trách nhiệm chính trị

- xã hội; còn biểu hiện ngại va chạm, né tránh đấu tranh với những nhận thức lệch lạc, thiếu nhạy bén trước các vấn đề chính trị - xã hội mới nảy sinh, thậm chí bị tác động bởi thông tin xấu, độc trên không gian mạng. Về đạo đức, lối sống và văn hóa nghề nghiệp, một số cán bộ còn biểu hiện thiên về lợi ích cá nhân, coi trọng thành tích, danh vị; giảm sút ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện; chưa thật sự gương mẫu trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Những biểu hiện đó, nếu không được nhận diện và khắc phục kịp thời, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đội ngũ, môi trường học thuật và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nghiên cứu khoa học.

Thời gian qua, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và tinh thần cống hiến của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, hiệu quả công tác này nhìn chung vẫn còn những hạn chế nhất định. Một bộ phận cán bộ chưa nhận thức đầy đủ vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học; nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục ở một số đơn vị chậm đổi mới, chưa gắn chặt với đặc thù lao động sáng tạo và môi trường học thuật; việc nắm bắt, định hướng tư tưởng có lúc chưa kịp thời; sự gắn kết giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với xây dựng đạo đức nghề nghiệp và văn hóa khoa học còn chưa thật chặt chẽ. Thực tế đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ cả về lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp phù hợp, khả thi để nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện hiện nay.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đó cho thấy, việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay là yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu này không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận về giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ trí thức khoa học, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, xây dựng môi trường khoa học lành mạnh, phát huy vai trò của Viện HLKH&CN Việt Nam trong sự nghiệp phát triển khoa học – công nghệ

và đổi mới sáng tạo của đất nước. Đó chính là lý do nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài luận án: ***“Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay”***.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; trên cơ sở đó, dự báo xu hướng tác động và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ này trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài; phân tích, đánh giá các kết quả nghiên cứu đã đạt được, qua đó chỉ ra những vấn đề còn bỏ ngỏ và khoảng trống nghiên cứu mà luận án cần tiếp tục làm rõ.

- Hệ thống hóa và làm rõ các khái niệm cơ bản; xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; xác lập khung lý thuyết và các yếu tố tác động đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian qua; làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết.

- Phân tích tác động của bối cảnh quốc tế và trong nước đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay.

- Khách thể nghiên cứu của luận án là đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đang công tác tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, bao gồm cán bộ nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong luận án, thuật ngữ “*công tác giáo dục chính trị, tư tưởng*” được sử dụng thống nhất với nghĩa tương đương “*hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng*”.

- *Phạm vi về không gian:* Luận án được triển khai nghiên cứu tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng đầu của cả nước, có hệ thống tổ chức đa dạng, quy mô lớn, với đội ngũ cán bộ nghiên cứu đông đảo, tiêu biểu cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong các cơ quan nghiên cứu công lập hiện nay.

- *Phạm vi về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2025, tương ứng với thời kỳ triển khai Nghị quyết Đại hội XII và Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng thời tham chiếu một số nội dung trước năm 2016 và dự báo xu hướng sau năm 2025 nhằm bảo đảm tính hệ thống và định hướng phát triển.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu là các nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cơ sở chính trị, pháp lý của việc nghiên cứu là các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Viện HLKHCN Việt Nam và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên các quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để triển khai nội dung và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Bao gồm:

- *Phương pháp sưu tầm và nghiên cứu các tài liệu.* Phương pháp này là quá trình tìm kiếm, thu thập các công trình khoa học, sách, tài liệu chuyên ngành, bài báo, luận án, luận văn đã được công bố liên quan đến đề tài, từ đó tổng thuật để làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống lý thuyết về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp.* Phương pháp này được sử dụng để phân tích là quá trình chia nhỏ các vấn đề nghiên cứu thành những bộ phận để lý giải, diễn đạt. Còn phương pháp tổng hợp thì ngược lại liên kết các nội dung đã phân tích thành một chỉnh thể thống nhất, từ đó cho phép nhận diện các dấu hiệu đặc trưng, cấu trúc bên trong của giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam.

- *Phương pháp lịch sử và logic.* Phương pháp lịch sử là nghiên cứu các sự vật, hiện tượng theo trình tự thời gian, từ quá khứ đến hiện tại, nhằm tái hiện quá trình phát sinh, phát triển và biến đổi của nó trong các điều kiện cụ thể. Phương pháp logic là cách nghiên cứu sự vật thông qua các mối liên hệ bản chất, quy luật vận động bên trong, bỏ qua những yếu tố ngẫu nhiên không cốt yếu. Trong luận án, sử dụng phương pháp này để vừa trình bày các nội dung liên quan và theo quá trình lịch sử, vừa theo những mối liên hệ bản chất, quy luật của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam

- *Phương pháp tổng kết thực tiễn.* Phương pháp tổng kết thực tiễn là quá trình thu thập, phân tích, đánh giá những kinh nghiệm từ hoạt động thực tế giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam. Đây là phương pháp sử dụng chủ yếu cho đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng và giải pháp cho luận án.

- *Phương pháp điều tra xã hội học.* Đây là phương pháp sử dụng một công cụ phổ biến đó là bảng hỏi để thu thập thông tin từ những nhóm đối tượng cần nghiên cứu thông qua các câu hỏi được chuẩn bị sẵn. Phương pháp này giúp thu thập những thông tin định tính và định lượng một cách khách quan, hệ thống phục vụ việc nghiên cứu vấn đề giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam. Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu này, tác giả tiến hành điều tra xã hội học các đơn vị trực thuộc Viện, với số lượng 300 phiếu.

5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

Câu hỏi 1: Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học hiện nay như thế nào? Những kết quả chủ yếu đã đạt được và những vấn đề còn bỏ ngỏ là gì?

Câu hỏi 2: Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam cần được nghiên cứu trên cơ sở khung lý thuyết nào? Những yếu tố chủ yếu nào tác động đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ này?

Câu hỏi 3: Thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay diễn ra như thế nào? Những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra cần giải quyết là gì?

Câu hỏi 4: Trong bối cảnh mới, cần xác định những phương hướng và giải pháp chủ yếu nào nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian tới?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Luận án được triển khai trên cơ sở các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết 1: Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục chính trị, tư tưởng nói chung và đối với cán bộ, đảng viên nói riêng, song

chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam, đặc biệt dưới góc độ gắn kết giữa lý luận chính trị với hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

Giả thuyết 2: Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cần được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng sáng tạo lý luận chung về công tác tư tưởng của Đảng, đồng thời xây dựng khung lý thuyết phù hợp với đặc thù lao động trí óc, hoạt động nghiên cứu khoa học và tham mưu chính sách của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Giả thuyết 3: Thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế, xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan; việc làm rõ các nguyên nhân này và những vấn đề đang đặt ra là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp.

Giả thuyết 4: Trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế, phát triển khoa học – công nghệ và chuyển đổi số, nếu xác định đúng phương hướng và triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp, thì hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam sẽ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

6. Điểm mới của luận án

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và tổng thuật có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng, qua đó chỉ ra những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn bỏ ngỏ và khoảng trống nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án kế thừa có chọn lọc và phát triển các kết quả nghiên cứu trước để triển khai nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam.

Thứ hai, luận án tiếp cận và luận giải một cách hệ thống các khái niệm liên quan, làm rõ khái niệm giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong điều kiện cụ thể của Viện HLKH&CN Việt Nam; đồng thời xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu bao gồm các yếu tố cấu thành

và các yếu tố tác động đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù lao động trí óc, nghiên cứu khoa học và tham mưu chính sách.

Thứ ba, trên cơ sở khảo sát và phân tích thực trạng, luận án đã làm rõ bức tranh toàn diện về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam; qua đó chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập và hạn chế chủ yếu, đồng thời phân tích nguyên nhân của những hạn chế đó trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Thứ tư, từ việc phân tích các yếu tố thuận lợi và khó khăn trong bối cảnh mới, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp tương đối đồng bộ, có tính khả thi, nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian tới, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

7.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ các kết quả nghiên cứu đã được công bố trong và ngoài nước về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; qua đó bổ sung và làm phong phú thêm cơ sở lý luận của khoa học về công tác tư tưởng trong điều kiện mới.

Trên cơ sở kế thừa lý luận chung về giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng, luận án làm rõ hơn những vấn đề lý luận đặc thù của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, bao gồm: chủ thể, đối tượng, mục tiêu, nội dung, phương thức, các yếu tố cấu thành, điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng, phù hợp với đặc điểm lao động trí óc và môi trường nghiên cứu khoa học.

Thông qua việc phân tích các yếu tố tác động trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, luận án góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho việc vận dụng và phát triển lý luận giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở Việt Nam hiện nay.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn giúp lãnh đạo Viện HLKH&CN Việt Nam nhận diện đầy đủ hơn thực trạng, những vấn đề đặt ra trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; từ đó làm căn cứ tham khảo cho việc đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

Các phương hướng và giải pháp được đề xuất trong luận án có thể vận dụng trực tiếp trong thực tiễn giáo dục chính trị, tư tưởng ở Viện HLKH&CN Việt Nam; đồng thời có giá trị tham khảo đối với các viện nghiên cứu, trường đại học và cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ trong cả nước.

Ngoài ra, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và bồi dưỡng về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ trí thức, cán bộ nghiên cứu khoa học ở Việt Nam hiện nay.

8. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận án được kết cấu thành 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu về xây dựng đội ngũ trí thức và cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Tại Pháp, năm 1906, Thủ tướng Pháp Clemenceau đã ký ban hành một văn bản gọi là “Tuyên ngôn của trí thức” (Manifeste Des Intellectuels); trong đó thuật ngữ “trí thức” được dùng để chỉ những thứ thuộc về đời sống tinh thần, trí tuệ và lao động trí óc, và được dùng để chỉ tầng lớp có văn hóa, biết bảo vệ lương tri và công lý xã hội”.

Trong tác phẩm “Chiến lược khoa học công nghệ” (1950) [31] của Israel, tác giả Ben Gurion đã đề ra các mục tiêu là: đưa Israel từ quốc gia thiếu lương thực trở thành nước đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu lương thực; phát triển nhân tài khoa học công nghệ trong nước để đảm bảo tự chủ về khoa học công nghệ; phát triển khoa học quốc phòng, nhất là vũ khí thông thường, bom hạt nhân, vệ tinh, để đảm bảo an ninh quốc gia và đối phó với các thách thức an ninh đến từ các lực lượng bên ngoài. Để làm được việc này, Israel phải phát huy mọi tiềm năng trí tuệ của cả nước, nhất là đội ngũ trí thức, huy động các tiềm năng khoa học trí tuệ của cộng đồng người Do thái sống ở nước ngoài dưới các khẩu hiệu nêu cao chủ nghĩa yêu nước, lòng ái quốc và tinh thần dân tộc. Trên thực tế, Israel đã thực hiện rất thành công chiến lược phát triển khoa học, công nghệ của mình.

Trong *Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Liên bang Nga (2001)* [63], ngay từ năm 2001, không lâu sau khi trở thành người đứng đầu trong hệ thống quyền lực của nước Nga, Tổng thống V. I. Putin đã đề ra mục tiêu: đến năm 2020 Nga trở thành một trong 3 quốc gia dẫn đầu thế giới về phát triển khoa học, công nghệ cơ bản, tiến tới tự chủ công nghệ bên cạnh một số lĩnh vực truyền thống mà nước này có thế mạnh, như: vũ khí hạt nhân, công nghiệp quốc phòng, lọc hóa dầu, nghiên cứu, chiết xuất tài nguyên... Để thực hiện được mục tiêu chiến lược này, theo Tổng thống Nga V.I Putin, cần

xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ với tinh thần ái quốc, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, phục vụ cho Tổ quốc và nhân dân.

Trong tác phẩm “Ấn Độ toàn cầu” (2023) [57], Thủ tướng Ấn Độ Modi đã đề ra 3 mục tiêu chiến lược là: đến năm 2047, Ấn Độ trở thành một trong hai nền kinh tế lớn nhất thế giới với nền khoa học công nghệ phát triển cao, đội ngũ trí thức lớn và nền kinh tế có độ mở. Để hiện thực hóa mục tiêu này, công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức Ấn Độ rất được coi trọng, nhất là trong các ngành công nghệ mũi nhọn hiện nay. Đảng Nhân dân PGP, đảng cầm quyền hiện nay ở Ấn Độ, đặc biệt coi trọng công tác đối với đội ngũ trí thức Ấn Độ, trong đó có công tác giáo dục quan điểm, đường lối của Đảng, giáo dục lòng yêu nước trong thanh niên, giúp các đảng viên, các nhà lãnh đạo, giới trí thức, các nhà khoa học nước này có định hướng rõ ràng trong chiến lược phát triển quốc gia mang tính toàn cầu do Đảng đề ra. Qua đó, Đảng phối hợp với chính quyền Modi để xây dựng một đất nước Ấn Độ tự cường, tự chủ, hiện đại và có mối quan hệ quốc tế sâu rộng với các cường quốc khác trên thế giới nhất là với Nga, Mỹ, Nhật Bản, EU.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết được công bố về đội ngũ trí thức Việt Nam trong giai đoạn phát triển triển mới của đất nước. Nghiên cứu các bài viết về đội ngũ trí thức Việt Nam giúp làm rõ hơn đối tượng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay.

Trong bài viết “Kinh nghiệm của một số quốc gia về xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức” (2014) [4] đăng trên Tạp chí Khoa học, của Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh số 60, năm 2014, các tác giả Lê Trọng Ân và Trương Văn Tuấn đã viết: “... nghiên cứu những bài học kinh nghiệm của một số quốc gia phát triển về chiến lược xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức - nguồn nhân lực trình độ cao, sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn đối với đội ngũ trí thức và công tác xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức nước nhà; từ đó, gợi mở những suy nghĩ, hướng tiếp cận mới để bổ sung, hoàn thiện các giải pháp xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

Kinh nghiệm xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức của một số quốc gia có nền kinh tế phát triển cao trên thế giới hiện nay, như: Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore... đều khẳng định vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức, nguồn lực trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ xã hội. Vì thế, khi xây dựng chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, các quốc gia này đều gắn với chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực tài năng.

Tác giả Nguyễn Duy Quỳnh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, trong bài viết: “Xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh” (2021) [68] đã chỉ rõ: Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đội ngũ trí thức yêu nước và đưa ra những quan điểm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, là kim chỉ nam cho việc xây dựng đội ngũ trí thức hiện nay, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bài viết đã khái quát những quan niệm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gồm: Thứ nhất, Trí thức là một lực lượng đặc biệt quan trọng của cách mạng. Người cho rằng: “Lực lượng chủ chốt của cách mạng là công nhân và nông dân... Nhưng cách mạng cũng cần có lực lượng của trí thức”. Thứ hai, Trí thức là “vốn liếng” quý báu của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn thêm nhiều”. Người dẫn lại lời dạy của V.I. Lê-nin rằng: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới có thể thâm thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”; Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ thâm thái những điều hiểu biết quý báu của “đời trước để lại”, mà còn bổ sung nhiều tư tưởng có giá trị sâu sắc về xây dựng đội ngũ trí thức cho cách mạng Việt Nam.

Tác giả Vũ Trọng Lâm trong bài viết: “*Đổi mới nhận thức lý luận về đội ngũ trí thức và tiếp tục xây dựng đội ngũ trí thức trong điều kiện phát triển mới của đất nước*”, (2023) [42] đã khẳng định: “Trong suốt tiến trình phát triển của nhân loại, trí thức luôn được đặt ở một vị trí đặc biệt và được

xem là nền tảng của tiến bộ xã hội”. Tác giả đã trình bày kỹ về khái niệm trí thức, như trong các tài liệu của nước Nga, trí thức “là một nhóm người lao động trí óc trong xã hội, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực sáng tạo có tính chất phức tạp; phát triển và phổ biến giáo dục, văn hóa và có sự khác biệt về những khát vọng tinh thần, đạo đức, nghĩa vụ và danh dự”.

Theo tác giả Vũ Trọng Lâm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trí thức là hiểu biết... Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Đồng thời, Người mở rộng quan niệm trí thức, khi coi ngoài việc có học thức, người trí thức phải có năng lực thực hành và ứng dụng, vận dụng hiểu biết của mình để phục vụ trực tiếp cho xã hội. Tại Hội nghị Trung ương 7 khóa X, Đảng ta lần đầu tiên đưa ra quan niệm có tính chất định nghĩa về trí thức: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội” (2008) [5, tr.792-793].

Bài viết cũng nêu những đặc điểm của trí thức Việt Nam, gồm: *Thứ nhất*, đội ngũ trí thức Việt Nam được hình thành từ nhiều thành phần xã hội khác nhau. *Thứ hai*, trí thức Việt Nam được đào tạo chuyên sâu từ nhiều nền giáo dục khác nhau, đồng thời là lực lượng tiên phong trong tiếp thu, lan tỏa và sáng tạo trí thức mới. *Thứ ba*, trí thức Việt Nam trong mọi thời đại luôn có lòng yêu nước, gắn bó mật thiết với các giai tầng khác trong xã hội, sẵn sàng cống hiến hết mình vì độc lập, tự do và sự phát triển bền vững của quốc gia - dân tộc. *Thứ tư*, trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, tầng lớp trí thức ngày càng có vị trí quan trọng trong cơ cấu xã hội - nghề nghiệp.

Tác giả Nguyễn Thắng Lợi, Nguyễn Thị Trang trong công trình nghiên cứu “Cơ hội và thách thức đối với trí thức Việt Nam, giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới” của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội (2024) [46] đã khẳng định: Trí thức là bộ phận tinh hoa của xã hội, là một tầng lớp đặc biệt, chuyên lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn, đại diện cho trí tuệ xã hội. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tác phẩm đã nêu những đặc điểm nổi bật của bối cảnh hiện nay tác động đến đội ngũ trí thức Việt Nam là:

Thứ nhất, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức đã tạo ra lực đẩy mạnh mẽ trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Đây là một công cuộc có phạm vi rộng lớn, hết sức phức tạp nhưng có ý nghĩa nền tảng đối với sự phát triển của đất nước. Để đất nước bước sang một chặng đường phát triển hoàn toàn mới, cần tạo ra môi trường thuận lợi cho trí thức phát triển.

Thứ hai, sự phát triển của khoa học, công nghệ, trọng tâm là công nghệ thông tin, tạo ra những thay đổi căn bản, toàn diện, tác động mạnh mẽ đến quá trình tiếp nhận trí thức, thay đổi nhận thức và hành động của xã hội; dẫn đến yêu cầu phải thay đổi chất lượng nguồn nhân lực, nhân lực lao động trí óc, sáng tạo.

Thứ ba, đất nước ta đang tiến hành hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tham gia vào hệ thống kinh tế, chính trị, văn hóa thế giới... Hội nhập quốc tế đang đặt ra những yêu cầu rất lớn đối với nguồn nhân lực Việt Nam, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, mà đội ngũ trí thức đóng vai trò quan trọng hàng đầu.

Thứ tư, nhiều biến động lớn đang diễn ra, có nguy cơ đe dọa an ninh con người và sự phát triển của quốc gia. Những hiểm họa khắc nghiệt từ thiên tai, sự cố, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, dịch bệnh...; những vấn đề toàn cầu, như: ô nhiễm môi trường, tội phạm kinh tế quốc tế, tội phạm công nghệ cao... tác động, đe dọa nghiêm trọng, trực tiếp đến quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh con người, an toàn thông tin, an ninh mạng, ... Những bất ổn đó đang đặt tầng lớp trí thức - tinh hoa của đất nước trước những bài toán khó cần được giải đáp.

Bài viết cũng nêu những thách thức đặt ra đối với đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, thách thức do áp lực của quá trình CNH, HĐH và đổi mới đất nước. Áp lực, gánh nặng trên đang đặt lên vai đội ngũ trí thức với tư cách là bộ phận đứng ở vị trí trung tâm, giữ vai trò then chốt trong nguồn lực phát triển xã hội. Mục tiêu đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao là những mục tiêu lớn, rất khó của cả nước và cũng là một thách thức vô cùng khó đối với đội ngũ trí thức

Thứ hai, thách thức do yêu cầu ngày càng cao và chặt chẽ của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện. Thực tiễn này đang tạo ra những thách thức vô cùng to lớn mà trực tiếp là những người tham gia đối thoại, thương lượng, thực thi, vận hành; nòng cốt vẫn là đội ngũ trí thức. Bởi trí thức là lực lượng quyết định đến thành công của quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ ba, thách thức từ những biến động mạnh mẽ do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động, làm thay đổi toàn bộ các hoạt động xã hội, các hệ thống quản lý và sản xuất. Nền kinh tế - xã hội các quốc gia, trong đó có Việt Nam, buộc phải tìm mọi cách để gia tăng hàm lượng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo nếu không muốn bị “bỏ lại phía sau”. Trong khi đó, các nước, nhất là nước lớn, có thể sử dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào mục đích chính nghĩa, can dự, chi phối về chính trị; thực hiện “điều khiển” từ xa, từ bên ngoài, buộc các nước phát triển, chậm phát triển phải phụ thuộc, khó nhận thấy hoặc nhận thấy nhưng khó cưỡng lại. Những nguy cơ này đòi hỏi Việt Nam phải có một đội ngũ trí thức thực sự lớn mạnh, có khả năng thích nghi, năng lực nắm bắt điểm mới, điểm mạnh của khoa học - công nghệ, có óc đổi mới sáng tạo, tiếp cận, sử dụng, ứng dụng được các công nghệ thông minh và có năng lực giao tiếp xã hội, làm việc trong môi trường quốc tế...

Thứ tư, thách thức từ sự xâm lấn, đan xen của các luồng tư tưởng, hệ giá trị khác nhau trên các mạng thông tin xã hội hiện nay. Đây còn là “mảnh đất màu mỡ” dung dưỡng nhiều luồng tư tưởng, ý thức chính trị khác nhau, các “màn tư tưởng” được phát triển một cách tự do, khó kiểm soát. Một bộ phận đề cao sử dụng chiếc “áo choàng học thuật” hoặc “tấm áo văn hóa, văn minh” để quảng bá hệ tư tưởng và giá trị phương Tây. Lối suy nghĩ, hệ giá trị và cách ứng xử của phương Tây thể hiện trong những nội dung văn hóa này đều có tác động nhất định đến hệ tư tưởng của nước ta hiện nay và đặc biệt là trong đội ngũ trí thức.

Theo tác giả Nguyễn Sỹ Họa và Dương Xuân Mạnh trong bài viết: “*Xây dựng đội ngũ trí thức - động lực phát triển đất nước*” (2024) [34] đã khẳng định: Đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra sâu rộng, cuộc Cách mạng công

nghiệp lần thứ tư và nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) tiếp tục khẳng định, nhất quán chủ trương xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ tri thức và xác định đó là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển đất nước.

Về vai trò động lực thúc đẩy phát triển đất nước của đội ngũ tri thức được khái quát trên một số vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng đội ngũ tri thức vững mạnh là yếu tố quyết định đến nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển đất nước. Vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta cho rằng, “nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”. Chính vì vậy, xây dựng và phát triển đội ngũ tri thức nước nhà vững mạnh cả về số lượng và chất lượng là yếu tố quan trọng, quyết định nhất đến nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn lực nội sinh để phát triển đất nước.

Thứ hai, sự cống hiến trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội của đội ngũ tri thức là động lực trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc trong thời đại mới. Với vai trò là lao động sáng tạo và phổ biến tri thức trong xã hội, sự cống hiến của đội ngũ tri thức trên các lĩnh vực đời sống xã hội thực sự là động lực nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc để phát triển đất nước. Đồng thời, đội ngũ tri thức đã đóng góp tích cực, hiệu quả thông qua góp ý, phản biện khoa học, trực tiếp tham gia xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, cùng các quyết sách lớn, hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,... của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ tri thức vững mạnh là động lực thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong phát triển đất nước. Đội ngũ tri thức là lực lượng sáng tạo đặc biệt, có trình độ học vấn cao, kiến thức sâu rộng về một lĩnh vực chuyên môn, có trí tuệ, năng lực, tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng tạo ra sản phẩm vật chất hoặc tinh thần chất lượng cao, nên hoàn toàn có đủ điều kiện, khả năng đáp ứng quá trình đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển và tạo động lực mới cho phát triển đất nước.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ tri thức chất lượng cao góp phần trực tiếp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và phát triển nền kinh tế tri

thức. Đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các lĩnh vực khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của các ngành kinh tế, tạo động lực trực tiếp đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ năm, xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức góp phần bồi đắp nguyên khí quốc gia vững mạnh, chấn hưng nền văn hoá, xây dựng con người Việt Nam thời đại mới. Trí thức là bộ phận tiêu biểu cho trí tuệ của đất nước, có nhiều khả năng để tiếp cận thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất của thời đại. Chính vì vậy, xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao, có đủ phẩm chất, uy tín, năng lực trong lao động sáng tạo, xứng tầm là nguyên khí của quốc gia, sẽ góp phần chấn hưng văn hoá, xây dựng con người Việt Nam thời đại mới.

Tại buổi gặp mặt đại biểu trí thức, nhà khoa học toàn quốc đầu Xuân 2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định: Trí thức là lực lượng đại diện cho trí tuệ, tài năng của nhân dân và dân tộc, là một trong những nguồn lực và động lực quan trọng nhất mang lại sự đột phá và sự phồn vinh cho đất nước. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta luôn có truyền thống quý trọng nhân tài; khẳng định "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn".

Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, trong lịch sử cách mạng Việt Nam, trí thức và nhà khoa học luôn là lực lượng tiên phong trong việc khai sáng dân trí, xây dựng lý luận cách mạng và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn. Các trí thức tiêu biểu đã truyền bá những tư tưởng yêu nước, tiên bộ và cách mạng, tạo tiền đề quan trọng cho phong trào đấu tranh giành độc lập. Có thể khẳng định, thành quả cách mạng, đặc biệt là thành tựu vĩ đại đạt được của đất nước sau 40 năm đổi mới có đóng góp đặc biệt quan trọng của đội ngũ trí thức, nhà khoa học.

Hiện nay, trên thế giới đang diễn ra những thay đổi nhanh chóng trên quy mô toàn cầu về nhiều phương diện, tác động trực tiếp đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển nhanh chóng trí tuệ nhân loại và văn minh toàn cầu, trong đó vai trò của đội ngũ trí thức, nhà khoa học có tầm quan trọng đặc biệt. Chỉ

có khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo mới nâng cao được năng suất lao động, là động lực cho tăng trưởng, là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển nhanh và bền vững ở nước ta. Với thế và lực của đất nước sau 40 năm đổi mới, với thời cơ, vận hội mới, Đảng, Nhà nước, Nhân dân đang kỳ vọng, mong chờ sự cống hiến, đóng góp ở quy mô, tầm mức mới, với những bút phá mạnh mẽ của đội ngũ trí thức, nhà khoa học. Chỉ có khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo mới là con đường giúp chúng ta bắt kịp, tiến cùng, bút phá và vượt lên chính chúng ta và thế giới.

1.2. Các công trình nghiên cứu về chính trị, tư tưởng và giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

1.2.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Về khái niệm giáo dục chính trị, tư tưởng: hiện nay trong các tài liệu nghiên cứu có nhiều cách diễn đạt khác nhau về thuật ngữ này. Các cụm từ “giáo dục chính trị tư tưởng”, “giáo dục chính trị - tư tưởng”, “giáo dục chính trị, tư tưởng”, đã được sử dụng khá phổ biến trong các văn kiện, các công trình nghiên cứu khoa học chính trị hoặc tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài. Nhìn chung, các khái niệm nêu trên đều thể hiện một nội hàm chung là hoạt động giáo dục lý luận, chính trị, tư tưởng, văn hóa cho cán bộ, đảng viên, cho các tầng lớp nhân dân và các đối tượng xác định trong xã hội. Tùy theo tính chất đặc điểm hoạt động của đối tượng để gắn hai cụm từ chính trị và tư tưởng theo một cách phù hợp.

Trong những năm qua, ở Việt Nam đã xuất bản một số cuốn sách của các tác giả Liên Xô trước đây, như X.I. Xurnitrenco (chủ biên) tác phẩm “*Hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản Liên Xô*”; D.A, Vonconogop, tác phẩm “*Phương pháp luận công tác giáo dục tư tưởng*”; A.M. Rumianxep, tác phẩm “*Chủ nghĩa xã hội khoa học từ điển*” ... Trong các tài liệu nêu trên các tác giả có đưa ra các định nghĩa về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Theo quan điểm của các tác giả Liên Xô, nội dung giáo dục cộng sản chủ nghĩa rất rộng, bao gồm giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục lao động, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông...

Ở Trung Quốc, các tác giả thường sử dụng thuật ngữ “Giáo dục chính trị - tư tưởng” (giữa chính trị tư tưởng có dấu gạch ngang hoặc dấu phẩy) để chỉ nội dung cơ bản của giáo dục chính trị, tư tưởng là “lấy giáo dục niềm tin

vào lý tưởng làm cốt lõi, triển khai mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục trên các lĩnh vực lý luận cơ bản, đường lối, cương lĩnh cơ bản của Đảng, chủ nghĩa yêu nước...”. Tài liệu: “Công tác tuyên truyền tư tưởng trong thời kỳ mới” của Cục cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, cho rằng, “giáo dục chính trị, tư tưởng là giáo dục những quan niệm tư tưởng, quan điểm chính trị, quy phạm đạo đức của một xã hội hoặc một tập thể xã hội và nó có ảnh hưởng mang tính mục đích, kế hoạch, tổ chức lên mỗi thành viên trong xã hội đó, từ đó khiến họ hình thành nên những hoạt động thực tiễn và phẩm chất đạo đức phù hợp với yêu cầu của xã hội”. (Tài liệu tiếng Trung Quốc, dịch: “Bách khoa toàn thư”, trang 198)

Các nhà lãnh đạo cũng như các tác giả phương Tây cũng quan tâm đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng với các mục tiêu rất cụ thể trong chính sách của họ.

Cuốn sách “*Chiến lược diễn biến hòa bình*” (1953) [60], đã đưa quan điểm của Richard Nixon về cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa tư bản tự do với chủ nghĩa xã hội. Ngoài yếu tố liên quan đến sức mạnh cứng (vũ khí hạt nhân, vũ khí thông thường, sức mạnh tổng hợp quốc gia) thì yếu tố chính trị, tư tưởng đóng vai trò rất quan trọng. Theo R. Nixon, trong các nước xã hội chủ nghĩa về cơ bản là các quốc gia đa dân tộc, có trình độ phát triển khác nhau, có sự khác biệt về tôn giáo, dân tộc và nhận thức chính trị, nhất là chủ nghĩa xã hội, hình thái kinh tế - xã hội... Cần tăng cường tác động để làm suy yếu sự cố kết của họ vì mục tiêu chủ nghĩa xã hội..., qua đó, giúp Mỹ có thể củng cố vị trí lãnh đạo toàn cầu của mình.

Trong cuốn “*Chiếc Lexus và càn Ô Liu*” (2002) [30] Thomas L. Friedman đã khẳng định: Chiến tranh Lạnh kết thúc đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử phát triển của nhân loại, nơi mà công nghệ thông tin, các yếu tố liên quan đến khoa học kỹ thuật, công nghệ đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các quốc gia, dân tộc, góp phần hình thành lên một thế giới phẳng. Tuy nhiên, trong thế giới vẫn còn có khoảng cách giữa các quốc gia, dân tộc do sự khác biệt về thể chế chính trị, chính trị tư tưởng, sắc tộc, tôn giáo giữa các nước phương Đông với phương Tây, giữa châu Âu với châu Á, giữa các nước Bắc bán cầu với Nam bán cầu... Yếu tố này đã tạo nền tảng để công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đóng một vai

trò quan trọng giúp kết nối các quốc gia, dân tộc và mở rộng ảnh hưởng của chính trị trên phạm vi toàn cầu dựa trên thế giới phẳng, không có khoảng cách. Đây chính là cơ sở, tiền đề quan trọng dẫn tới sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0) với nước Đức là điểm khởi đầu, còn các quốc gia khác là nơi kết nối của cuộc cách mạng này, dựa trên không gian phẳng và toàn cầu hóa.

Về vai trò của Đảng cầm quyền trong giáo dục chính trị, tư tưởng, cũng có một số công trình nghiên cứu đáng chú ý. Trong cuốn “Một số vấn đề đặt ra đối với công tác phát triển lý luận xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc trong thời đại ngày nay” (2015) [8], Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã khẳng định: việc liên tục đổi mới, làm mới, liên tục tổng kết lý luận không chỉ giúp Đảng Cộng sản Trung Quốc có được hệ lý luận mang đặc sắc của riêng mình mà còn tạo cơ sở, tiền đề quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Bài viết của Chủ tịch Tập Cận Bình được coi là tài liệu cơ bản trong giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, đội ngũ các nhà nghiên cứu học thuật, học giả, học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Bài viết cũng được coi là nội dung cơ bản của “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới”, với “một hệ giá trị”, đứng ngang hàng với tư tưởng Mao Trạch Đông, đứng trên lý luận Đặng Tiểu Bình, thuyết ba đại diện của Giang Trạch Dân và quan điểm phát triển khoa học của Hồ Cẩm Đào...

Phát biểu tại Trường Đảng Trung ương Trung Quốc (2018), Chủ tịch Tập Cận Bình đưa ra quan điểm về *giáo dục chính trị, tư tưởng* là: Đảng là gì? Đảng là ở Bắc-Trung-Nam; từ thành thị đến nông thôn; từ trường học đến các viện nghiên cứu; từ nhà máy đến các công ty, xí nghiệp; từ trung ương đến các địa phương ... đâu đâu cũng do Đảng lãnh đạo. Đảng là tổng hòa của tất cả, lãnh đạo toàn diện mọi mặt và là người lãnh đạo duy nhất của toàn thể dân tộc Trung Hoa. Đảng Cộng sản Trung Quốc là lực lượng chính trị duy nhất đúng, lãnh đạo toàn diện sự phát triển của dân tộc Trung Hoa trong tầm nhìn 2 lần 100 năm. Để hiện thực hóa mục tiêu này thì *giáo dục chính trị, tư tưởng* đóng một vai trò cốt lõi, giúp Đảng kiểm soát hoàn toàn các giai cấp, giai tầng trong xã hội, giành được trái tim và khối óc của người dân, đưa dân tộc Trung Quốc vững bước tiến lên.

Trong cuốn “*Tư tưởng của lãnh tụ lịch sử Fidel Castro*” (2017) [13] các tác giả Cu Ba đã đưa ra quan điểm của Phidel “*giáo dục chính trị, tư tưởng là: tổng hòa và là sự kết hợp truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Cuba từ thế hệ 100 năm đầu tiên của Jose Marti đến thế hệ 100 lần thứ Hai*”. Tư tưởng lịch sử của Fidel đã dẫn dắt dân tộc Cuba giành được thắng lợi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia đưa chủ nghĩa quốc tế của Cuba lên tầm cao mới. Trong tương lai, hệ tư tưởng luôn có giá trị do nó có tính giai cấp, dân tộc và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đảng Cộng sản và nhân dân Cuba đã ghi nhận, thừa nhận, coi tư tưởng của lãnh tụ lịch sử Fidel Castro là một học thuyết, kim chỉ nam dẫn dắt sự phát triển của cách mạng Cuba trong tương lai, bên cạnh chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Jose Marti. Theo các tác giả cuốn sách, giá trị tư tưởng chính trị mà Fidel để lại đã vượt qua lãnh thổ Cuba và trở thành hệ tư tưởng có tính chất quốc tế, nhất là với các nước đang phát triển.

Về vai trò của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, các nhà lãnh đạo, nhà nghiên cứu, cả những phân tử cơ hội, thế lực thù địch của chủ nghĩa xã hội, đã có những nhận xét đáng chú ý.

Trở lại cuốn “*Chiến thắng không cần chiến tranh*” (1988) [61] Richard Nixon đã đưa ra quan điểm về *giáo dục chính trị, tư tưởng* đó là quan điểm: Mặt trận chính trị tư tưởng là khâu quan trọng nhất, định hình mọi lĩnh vực khác nhau trong cuộc chiến chống lại các thế lực đối kháng với nước Mỹ, nhất là Liên Xô. Theo đó, để giành chiến thắng trong cuộc cạnh tranh, đối đầu ý thức hệ toàn diện với các nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu thì bên cạnh các yếu tố an ninh, kinh tế, quân sự, tư tưởng chính trị được coi là nền tảng quan trọng quyết định sự thành công trong chiến lược này. Bởi chỉ có tư tưởng chính trị mới giúp Mỹ chia rẽ nội bộ, phân hóa tư tưởng trong hàng ngũ cấp cao trong Đảng Cộng sản Liên Xô về các vấn đề đối nội, đối ngoại, khoét sâu vào điểm yếu như dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khiến cho các nước cộng hòa trong Liên bang Xô viết tự mâu thuẫn, xung đột với nhau, làm cho Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa tự tan rã.

Trong cuốn “*Đường lối kinh tế-xã hội của Đảng và cách mạng*” (2011) [14] Raul Castro đã khẳng định tầm quan trọng của công cuộc Đổi mới kinh tế đối với sự phát triển của Cuba, nhất là khi quốc đảo tự do này đang gặp rất

nhieu khó khăn về kinh tế từ các chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý điều hành nền kinh tế của các nhà lãnh đạo. Theo đó, để đổi mới tư duy kinh tế, Cuba cần đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ trí thức, giới tinh hoa, giới chính trị, nhất là lực lượng quân đội. Bởi nếu không đổi mới Cuba sẽ có những hạn chế trong nhận thức và điều hành đất nước. Tác phẩm này cũng giúp cho cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Cuba hiểu rõ hơn về tình hình đất nước, từ đó, có thể phối hợp xây dựng chính sách, giúp Cuba vượt qua khó khăn, thách thức mang tính nội tại.

Còn trong cuốn “Giấc mơ Trung Quốc - Tư duy nước lớn và định vị chiến lược trong thời đại hậu Mỹ” (2010) [62], tác giả Lưu Minh Phúc (Trung Quốc) đã chỉ ra rằng: công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chính là nền tảng quan trọng giúp Trung Quốc không chỉ củng cố sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự trong nội tại mà còn có thể vươn ra toàn cầu để cạnh tranh trực diện với Mỹ và các nước tư bản phương Tây trong thập niên thứ hai của thế kỷ XX dựa trên chiến lược hai giai đoạn. Công trình này được coi là kim chỉ nam để cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc chuyển hóa thành “Giấc Mơ Trung Hoa”, là nền tảng, động lực quan trọng để Trung Quốc thúc đẩy chiến lược Phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa...

Qua việc phân tích các công trình có liên quan trên đây, có thể thấy những điểm chung và điểm riêng của các công trình này là:

- Các tác giả đều tập trung vào yếu tố chính trị, tư tưởng, coi đây như là một nền tảng quan trọng để hỗ trợ cho các chính thể, đảng cầm quyền trong tiến trình phát triển của quốc gia, dân tộc mình, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa.

- Trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hướng vào việc giác ngộ quần chúng, tập hợp lực lượng theo Đảng chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc, đấu tranh giành chính quyền. Sau khi giành được chính quyền, mục tiêu xây dựng các nhà nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng các thể chế, trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và thế giới phẳng không có khoảng cách.

- Các công trình liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng đều hướng về giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Các công trình của các học giả ở các nước xã hội chủ nghĩa thường

tập trung vào mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp và tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, với xây dựng, củng cố chính quyền. Các công trình của các học giả tư sản lại đề cập chủ yếu vào mối quan hệ cạnh tranh giữa các nước lớn, đến việc xây dựng trật tự quốc tế dựa trên mô hình Mỹ hay phương Tây, đến vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng trong thực hiện ‘điển hình hòa bình’.

- Các công trình nghiên cứu trên là đều đề cập đến vai trò của chính trị và hình thái kinh tế - xã hội trong xây dựng xã hội mới, nhà nước mới đại diện cho giai cấp và đảng cầm quyền. Các học giả phương Tây nhìn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thông qua lăng kính của cạnh tranh kinh tế, cạnh tranh chính trị và cạnh tranh giữa các nước lớn, coi cạnh tranh là công cụ để tranh giành quyền lực giữa các quốc gia, dân tộc với nhau, trong đó có sự cạnh tranh ảnh hưởng của ý thức hệ qua giáo dục chính trị tư tưởng...

1.2.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Trong cuốn “*Công tác tư tưởng trong thời kỳ đổi mới*” (1995) [97] tác giả Đào Duy Tùng đã khẳng định tầm quan trọng của đổi mới công tác tư tưởng, đổi mới lý luận về công cuộc Đổi mới đất nước. Theo tác giả: “Sự nghiệp Đổi mới là một thời kỳ hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Do đó, công tác Đổi mới lý luận phải được đổi mới để theo kịp sự nghiệp này”. Muốn làm được như vậy, đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là các nhà lý luận, nhà nghiên cứu cần phải học hỏi kinh nghiệm trong công tác xây dựng lý luận của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cần phải có những tham khảo kinh nghiệm mà các nước phương Tây đã thực hiện và áp dụng vào Việt Nam cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam. Trong đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là đối với cán bộ, đảng viên; nhất là cán bộ cấp cao, cấp chiến lược cần được quan tâm và ưu tiên trong hoạt động của Đảng.

Trong cuốn “*Đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tư tưởng*” (2002) [35] của các tác giả Hà Học Hợi, Ngô Văn Thọ, đã làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến công tác tư tưởng, nhất là việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tổng kết kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn trong

công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, cuốn sách đã đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo ra sự thống nhất, đồng thuận trong Đảng và xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường; vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”. Cuốn sách giúp người đọc hình dung rõ hơn về nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng trong bối cảnh mới.

Trong cuốn “Công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam” (2010) [65] tác giả Đào Duy Quát đã tập trung làm rõ các khía cạnh liên quan đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, như xác định khái niệm, hệ thống, cấu trúc, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, mục đích, chức năng và nhiệm vụ của công tác này trong công cuộc đổi mới. Tác giả đã khẳng định vai trò quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong đấu tranh phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, chống chủ nghĩa tư bản thân hữu, lợi ích nhóm, sân sau gia đình. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trở thành đội quân tiên phong trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, mỗi đảng viên của Đảng phải là một chiến sỹ trên mặt trận tư tưởng của Đảng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Đây cũng được coi là tác phẩm chuyên sâu, hệ thống hóa, khái quát hóa về các vấn đề lý luận trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới.

Tác giả Lưu Văn An trong cuốn “Thế chế chính trị Việt Nam - Lịch sử hình thành và phát triển” (2012) [1] đã đưa ra những đúc kết về giáo dục chính trị, tư tưởng mang bản sắc Việt Nam, đó là: tư tưởng chính trị Việt Nam được hình thành song hành với lịch sử 4.000 năm dựng và giữ nước của dân tộc ta, là sự tổng hòa của chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng đề cao pháp luật, tư tưởng bảo vệ độc lập dân tộc, tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc... Các yếu tố này đã góp phần hình thành lên hệ tư tưởng truyền thống Việt Nam. Tác giả đã khẳng định: lịch sử giáo dục chính trị, tư tưởng Việt Nam đã có trong lịch sử hàng nghìn năm và được nhiều thế hệ nhân tài đất việt dày công vun đắp. Đây chính là nền tảng làm nên sức mạnh Việt Nam, giúp dân tộc ta vượt qua những thời khắc khó khăn, hiểm nghèo, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược,

giành lại độc lập tự do cho dân tộc và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc Đổi mới hiện nay.

Trong cuốn sách “Xử lý tình huống trong công tác tư tưởng” (2015) [57] tác giả Mai Đức Ngọc đã khẳng định việc xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là rất quan trọng, nhất là đối với vấn đề an ninh ở nông thôn, hải đảo, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Theo tác giả, kinh nghiệm thực tiễn ở Thái Bình (1996-1997), ở Tây Nguyên (2000, 2004) đã chỉ ra rằng: việc giải quyết các yếu tố liên quan đến hội nhập và phát triển, đến phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội, đến lợi ích của mọi tầng lớp nhân dân ở các vùng miền khác nhau, đến đảm bảo an ninh nông thôn... có ý nghĩa quan trọng chiến lược đối với sự ổn định và phát triển của đất nước. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chính là nền tảng giúp hiện thực hóa các mục tiêu này, giúp gắn kết các giai tầng, giai cấp, người dân trong xã hội; tạo ra sự hài hòa về lợi ích giữa chính quyền với người dân; tạo sự thống nhất giữa ý đảng với lòng dân.

Trong cuốn “*Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*” (2017) [33] của tác giả Lương Khắc Hiếu, là một tài liệu quan trọng về giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng. Tác giả đã đi sâu phân tích một cách chi tiết và cặn kẽ về cơ sở lý luận công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, trong đó, nhấn mạnh tới việc gắn công tác này với thực tiễn cuộc sống, tạo nền tảng hình thành ý thức cách mạng và định hướng tư tưởng trong Nhân dân. Tác giả nhấn mạnh vai trò, vị trí của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với xây dựng chính quyền, xây dựng chính đôn đảng, đấu tranh phòng chống tiêu cực, tạo cơ sở thống nhất ý chí, hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, giữa các cán bộ cấp cao với cấp thấp, giữa đảng viên với quần chúng nhân dân, giữa chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ với thực tiễn cuộc sống...

Luận án tiến sĩ “*Chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*” (2016) [98] của Nguyễn Văn Út đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận liên quan đến chất lượng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên các cấp ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long; đưa ra các yếu tố tác động đến

thực trạng và các giải pháp nâng cao chất lượng của công tác này tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong cuốn chuyên khảo “*Chất lượng lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay*” (2020) [28] các tác giả Trần Thị Anh Đào, Phan Sỹ Thanh đã tập trung vào việc phân tích các vấn đề cơ bản liên quan đến chất lượng lãnh đạo của Đảng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay. Các tác giả đã tập trung phân tích bối cảnh về tình hình công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng hiện nay, thực trạng của công tác này, đi sâu phân tích, làm rõ nguyên nhân của những làm hạn chế trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đề ra các giải pháp, biện pháp cụ thể để khắc phục, nhằm nâng cao hơn nữa về chất lượng trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Trong bài viết “*Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của Đảng hiện nay - Thực tiễn và kinh nghiệm*” (2021) [45] tác giả Phạm Văn Linh đã chỉ rõ những nguyên nhân, kết quả và bài học kinh nghiệm trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên hiện nay. Tác giả đã rút ra một số bài học kinh nghiệm và đề xuất, trong thời gian tới, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cần dựa trên các nguyên tắc sau: *Thứ nhất*, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng phải luôn kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn đất nước; không ngừng bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh chống lại biểu hiện đến từ chủ nghĩa giáo điều, cơ hội, xét lại; tăng cường phản bác và đấu tranh có hiệu quả phê phán các quan điểm sai trái, thù địch chống lại Đảng và cách mạng. *Thứ hai*, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo toàn diện trong công tác cán bộ, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; các lĩnh vực giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức phải được chú trọng, ưu tiên hàng đầu. Luôn quan tâm đến công tác tổng kết lý luận, tổng kết thực tiễn và đẩy mạnh nghiên cứu lý luận; nắm vững tình hình chính trị, tư tưởng, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ đảng viên, để kịp thời định hướng tư tưởng cho phù hợp. *Thứ ba*, đổi mới về

nội dung, phương thức, phương pháp lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. *Thứ tư*, chú trọng tới việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng, nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng đi đôi với hoàn thiện văn bản pháp luật, quy định về quản lý cán bộ, đảng viên.... Tác phẩm của tác giả Phạm văn Linh có thể coi là công trình có giá trị, định hướng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên các cấp, bao gồm cả cán bộ cấp cao, cấp chiến lược, tạo nền tảng để đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, ngang tầm với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong bài viết “*Quan điểm của Đảng về công tác tư tưởng trong thời kỳ mới*” (2021) [32] tác giả Phùng Thị Hiền chỉ rõ tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên về vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức, củng cố hệ thống chính quyền các cấp. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên, coi đây như là một bộ phận cấu thành quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới. Tác giả nhấn mạnh: 1- Công tác tư tưởng là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng và khẳng định vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, và đạo đức; thể hiện vai trò đi trước, mở đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 2- Công tác tư tưởng phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng. 3- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên là nhiệm vụ của toàn Đảng và tất cả đảng viên, trước hết là cấp uỷ các cấp và đồng chí bí thư cấp uỷ, của cả hệ thống chính trị với sự tham gia, đóng góp của nhân dân, trong đó lực lượng nòng cốt là đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí của Đảng. Phải phát huy dân chủ, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo của toàn Đảng và toàn xã hội để tạo bước phát triển mạnh mẽ trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí. Từ đó, khẳng định tầm quan trọng trong việc vận

dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Trong bài viết: “Nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng trong giai đoạn hiện nay” (2021) [59] tác giả Nguyễn Mộng Nguyên đã nhấn mạnh về sự cần thiết và tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và chỉ ra rằng đây là nhiệm vụ không chỉ quan trọng mà còn là trách nhiệm của toàn Đảng, cấp uỷ và hệ thống chính trị. Đặc biệt, các cấp uỷ, nhất là bí thư và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải tăng cường sự lãnh đạo và quản lý công tác này. Sự thành công hay thất bại của mọi hoạt động đều bắt nguồn từ nhận thức tư tưởng. Chỉ khi nhận thức được sâu sắc và thống nhất các hành động mới có thể đạt được mục tiêu đúng đắn. Do đó, việc làm tốt công tác tư tưởng, kết hợp giải quyết đúng đắn và kịp thời các vấn đề liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng, cũng như liên kết chặt chẽ công tác này với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, và xây dựng hệ thống chính trị là yếu tố then chốt, quyết định sự vững chắc của nền tảng tư tưởng trong toàn Đảng. Điều này cũng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Trong cuốn “Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay” (2022) [92] Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu lên những thời cơ, cơ hội mà sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta đang có được, đó là: sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội luôn đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa; đời sống của người dân từng bước được nâng cao; lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được nhận thức rõ; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là công cuộc xây dựng chính đốn đảng, đấu tranh phòng chống tham nhũng tiêu cực ngày càng được đẩy mạnh, giúp Đảng loại bỏ ra khỏi hàng ngũ nhiều phần tử giặc nội xâm, thoái hóa biến chất, giúp Đảng trở lên trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ vừa là người lãnh đạo, người đầy tớ thực sự trung thành của nhân dân. Cuốn sách cũng chỉ rõ, bên cạnh những thành tựu, công tác lý luận của Đảng cũng phải đối mặt với một

số khó khăn, thách thức, đó là tình trạng thiếu sáng tạo trong nghiên cứu lý luận, ngay trong đội ngũ cán bộ cấp cao. Công tác xây dựng chính đồn đảng còn nhiều hạn chế, nhất là cấp cơ sở. Sự hình thành các nhóm lợi ích theo kiểu chủ nghĩa thân hữu, sân sau gia đình, dòng họ, đồng hương diễn ra phổ biến, đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng và chế độ. Lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa được làm sáng tỏ... Các yếu tố này đã ảnh hưởng trực tiếp đến Đảng và chế độ, đòi hỏi đội ngũ cán bộ đảng viên, nhà khoa học thấm nhuần hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giúp cho Đảng ta triển khai thành công các nghị quyết về đổi mới kinh tế, chính trị, đưa Việt Nam hoàn thành mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2045.

Trong bài viết *“Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng mới”* (2022) [103] tác giả Phạm Ngọc Yến đã phân tích và làm rõ những nội dung, yêu cầu quan trọng của Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ năm, khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Theo đó, Đảng cần tiếp tục đổi mới, tăng cường bồi dưỡng chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới của Việt Nam. Tác giả đã đưa ra những giải pháp trong việc đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đó là: *Thứ nhất*, các cơ quan, tổ chức trong toàn hệ thống chính trị cần duy trì sự thống nhất về nhận thức và tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Đây được coi là bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ hoạt động của các tổ chức đảng và cán bộ đảng viên; là lĩnh vực trọng tâm để xây dựng, bồi đắp nền tảng tư tưởng và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ đảng viên, qua đó tuyên truyền, giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. *Thứ hai*, các cấp ủy đảng cần có chương trình, kế hoạch, đề án nhằm triển khai hiệu quả tinh thần, nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW, khóa XIII, mà trọng tâm là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Phải đạt được mục tiêu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các nghị quyết của Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh

đồn Đảng và hệ thống chính trị; củng cố, tăng cường sự thống nhất, đồng thuận về tư tưởng, chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH, hội nhập quốc tế. *Thứ ba*, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên. Định kỳ tổ chức giao ban, đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của các tổ chức đảng với chính quyền cùng cấp để thống nhất đánh giá và xếp loại về đảng, chính quyền. *Thứ tư*, tiếp tục đổi mới nội dung công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Tập trung đổi mới cách tiếp cận những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những định hướng trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho sát với điều kiện thực tiễn đất nước và nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, tổ chức trong toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

Liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ làm công tác nghiên cứu khoa học công nghệ có các công trình nghiên cứu tiêu biểu sau:

Trong công trình nghiên cứu về “Tư tưởng Hồ Chí Minh” (2006) [9] tác giả Trần Văn Bính đã làm rõ nền tảng, nguồn gốc hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa ra mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với các lĩnh vực trong đời sống kinh tế-xã hội của đất nước, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, công nghệ. Tác giả nhấn mạnh vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, đạo đức, con người tạo nền tảng để xây dựng một nền văn hóa, khoa học Việt Nam, cách mạng, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hòa nhập nhưng không hòa tan trong quan hệ quốc tế. Đây là công trình nghiên cứu lý luận có giá trị, khi làm rõ tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với tiến trình phát triển của khoa học công nghệ, giúp vận dụng vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Trong bài viết “*Nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp trí thức cho Quân đội trong tình hình mới*” (2023) [96] tác giả Nguyễn Quốc Tuấn đã chỉ ra đội ngũ trí thức, cán bộ quản lý giáo dục đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh toàn diện, là công việc “đầu tư cho xây dựng, bồi đắp nguyên khí quốc gia và phát

triển bền vững”. Nhờ đó, chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường có nhiều đột phá; công tác nghiên cứu khoa học không ngừng phát triển cả về diện rộng và chiều sâu; hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị đi vào nền nếp, chất lượng tốt với nhiều dấu ấn đậm nét. Do đó, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giữ vững định hướng chính trị trong quá trình đào tạo; tổ chức tốt việc nghiên cứu, học tập quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Trung ương, Quân ủy TW, Bộ Quốc phòng. Thông qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp về sự cần thiết phải xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao trong sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Bài viết *“Đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức tinh hoa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Thành tựu và những vấn đề đặt ra”* (2024) [58] của Nguyễn Cẩm Ngọc đã khẳng định đội ngũ trí thức Việt Nam có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng; là lực lượng đi đầu trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, hội nhập quốc tế”. Đặc biệt, đội ngũ trí thức tinh hoa đã có khả năng làm chủ các tri thức hiện đại, có tinh thần tự tôn dân tộc sâu sắc cần tiếp tục được quan tâm, có chính sách đột phá trong đãi ngộ, trọng dụng để dẫn dắt nền khoa học - công nghệ nước nhà và có đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của đất nước. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ cần được động viên, khuyến khích tham gia tích cực vào các công tác hoạch định và thực thi chính sách, thúc đẩy sự phát triển của khoa học và giáo dục, sáng tạo và truyền bá văn hóa - nghệ thuật. Để thực hiện được nhiệm vụ nặng nề này, cần thiết thống nhất và tạo chuyển biến nhận thức của toàn xã hội về phát huy vai trò của trí thức tinh hoa. Cần đổi mới mạnh mẽ tư duy, nâng cao, thống nhất nhận thức trong các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ trí thức trong tình hình mới. Trong đó, nhận thức đúng đắn của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, người đứng đầu các ban, bộ, ngành là nhân tố có ý nghĩa quyết định. Bên cạnh đó, cần sử dụng hợp lý người tài, chú

trọng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam cả trong và ngoài nước, nhất là trọng dụng đội ngũ trí thức, tinh hoa, chuyên gia đầu ngành của đất nước; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lớp trí thức trẻ kế cận.

Trong tác phẩm “*Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*” (2022) [92] Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định tầm quan trọng của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển đất nước và đề ra các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch định hướng chính sách, giúp khoa học công nghệ. Cuốn sách cũng đề cập đến công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong nghiên cứu, phát minh khoa học. Bởi nếu khoa học không có tính chính trị thì khoa học sẽ trở thành công cụ để các nhóm lợi ích chi phối, biến khoa học thành thị trường chứ không phải khoa học phục vụ cho đời sống của nhân dân và phát triển đất nước.

1.3. Kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu đã tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Thông qua việc tổng quan các tác phẩm, công trình nghiên cứu, tài liệu tiêu biểu có liên quan đến đề tài nghiên cứu, có thể đưa ra những đánh giá về những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra đối với nhiệm vụ nghiên cứu đề tài như sau:

1.3.1. Những kết quả đạt được của các công trình đã tổng quan

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước được khảo sát đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Một là, khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ trí thức trong phát triển đất nước. Các công trình đều thống nhất nhận định rằng đội ngũ trí thức, đặc biệt là các nhà khoa học – công nghệ, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của quốc gia, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và trí tuệ nhân tạo đang diễn ra mạnh mẽ. Trí thức không chỉ là “nguyên khí quốc gia” mà còn là lực lượng then chốt tạo ra tri thức mới, thúc đẩy tiến bộ và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước. Do đó, xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức trở thành chiến lược quan trọng trong cạnh tranh toàn cầu hiện nay.

Hai là, làm rõ vai trò và yêu cầu của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Nhiều công trình đã phân tích sâu sắc vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng trong việc nâng cao nhận thức chính trị, trách nhiệm xã hội và định hướng giá trị cho cán bộ nghiên cứu khoa học. Qua đó, khẳng định rằng hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học không chỉ phụ thuộc vào trình độ chuyên môn mà còn gắn chặt với bản lĩnh chính trị, lý tưởng và tinh thần cống hiến của đội ngũ này.

Ba là, hệ thống hóa nội dung, mục tiêu, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng. Các nghiên cứu đã góp phần làm rõ mục tiêu, nội dung cốt lõi và phương pháp tổ chức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp, trình độ và môi trường làm việc đặc thù của cán bộ nghiên cứu khoa học – công nghệ. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng chương trình giáo dục chính trị hiệu quả, linh hoạt, thiết thực.

Bốn là, phân tích thực trạng và rút ra bài học kinh nghiệm từ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay. Một số công trình đã khảo sát thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ trí thức và cán bộ nghiên cứu khoa học, bước đầu nhận diện những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra các hạn chế, bất cập và bài học kinh nghiệm cần lưu ý trong quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng công tác này.

Năm là, làm rõ bối cảnh và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Các công trình đã đề cập đến những tác động đa chiều của bối cảnh trong nước và quốc tế, bao gồm sự biến đổi của môi trường nghiên cứu, sự phát triển của công nghệ thông tin, tính tự chủ của các viện nghiên cứu... từ đó nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp và mô hình giáo dục chính trị cho phù hợp với yêu cầu mới.

Sáu là, định hướng một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng. Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, một số nghiên cứu đã đề xuất hướng giải quyết nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng như: tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng đội ngũ giảng viên chính trị có chất lượng, đổi mới phương pháp giáo dục và lồng ghép hiệu quả giữa giáo dục chính trị với các hoạt động chuyên môn và xây dựng văn hóa nghiên cứu.

Bấy là, gọi mở cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu. Kết quả tổng quan góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặc biệt tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, về vai trò, ý nghĩa và trách nhiệm chính trị - xã hội của bản thân. Đồng thời, tạo nền tảng khoa học để luận án tiếp tục đi sâu làm rõ các vấn đề còn bỏ ngỏ, góp phần xây dựng mô hình giáo dục chính trị, tư tưởng hiệu quả trong môi trường nghiên cứu khoa học đặc thù.

Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, có thể rút ra một số nhận xét tổng quát như sau:

Thứ nhất, các công trình đã bước đầu hình thành cơ sở lý luận khá rõ ràng về giáo dục chính trị, tư tưởng, từ vai trò, nội dung, phương pháp đến các yếu tố tác động và yêu cầu đổi mới công tác này trong điều kiện hiện nay. Đặc biệt, các nghiên cứu đã làm rõ mối liên hệ giữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và việc phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của đội ngũ trí thức, trong đó có cán bộ nghiên cứu khoa học – công nghệ.

Thứ hai, một số công trình đã tập trung phân tích thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ khoa học – công nghệ ở cấp ngành, cấp địa phương hoặc trong hệ thống giáo dục – đào tạo, qua đó cung cấp những kinh nghiệm và bài học quý báu để tham khảo.

Thứ ba, nhiều nghiên cứu đã đề cập đến bối cảnh thay đổi nhanh chóng của khoa học – công nghệ, từ đó nhấn mạnh tính cấp thiết của việc đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, bảo đảm phù hợp với đặc thù nghề nghiệp và yêu cầu phát triển mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khoảng trống nhất định mà các công trình trước chưa nghiên cứu đầy đủ:

- Chưa có công trình nào chuyên sâu, hệ thống và toàn diện về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – nơi tập trung đông đảo trí thức trình độ cao, có ảnh hưởng lớn đến định hướng và chất lượng phát triển khoa học – công nghệ quốc gia.

- Chưa có sự tích hợp giữa nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và đề xuất giải pháp khả thi, phù hợp với đặc điểm tổ chức, cơ cấu hoạt động và môi trường làm việc đặc thù của Viện Hàn lâm – một cơ quan có tính học

thuật cao, tính tự chủ lớn, và nhu cầu khẳng định giá trị nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị sâu sắc của đội ngũ nghiên cứu.

- Thiếu các nghiên cứu đánh giá mức độ tác động cụ thể của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với nhận thức, thái độ, hành vi và hiệu quả công tác của cán bộ nghiên cứu trong bối cảnh phát triển mới, khi các giá trị xã hội có nhiều biến động và trí thức ngày càng có vai trò lớn trong hoạch định chính sách, phát triển khoa học và đổi mới sáng tạo.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án

Kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan cho thấy, để đáp ứng yêu cầu của đề tài “Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay”, luận án cần tập trung nghiên cứu sâu một số vấn đề cơ bản, có tính chất then chốt sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Mặc dù công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã được nghiên cứu khá toàn diện đối với nhiều đối tượng xã hội, song đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học – lực lượng lao động trí óc đặc thù, hoạt động trong môi trường học thuật, có tính độc lập, sáng tạo cao thì vẫn còn thiếu những nghiên cứu chuyên biệt. Do đó, việc làm rõ đặc điểm tâm lý, nghề nghiệp, phương thức tư duy và hệ giá trị của đội ngũ này có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để xác định nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp, nâng cao hiệu quả trong bối cảnh bùng nổ thông tin và đa dạng hóa các nguồn tác động hiện nay.

Hai là, làm rõ mối quan hệ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng đối với quá trình xây dựng và phát triển Viện HLKH&CN Việt Nam. Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, mà còn tạo nền tảng tinh thần, động lực nội sinh thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Việc làm rõ mối quan hệ biện chứng này là cơ sở khoa học để xác định vai trò, phương thức và hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với sự phát triển đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ trong giai đoạn mới.

Ba là, nghiên cứu, hệ thống hóa và làm rõ nội hàm các khái niệm, phạm trù khoa học liên quan đến đề tài. Luận án cần tiếp tục luận giải cơ sở lý luận của các khái niệm như: giáo dục chính trị, giáo dục tư tưởng, trí thức khoa học, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học... trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là tiền đề lý luận quan trọng để xây dựng khung phân tích và hệ thống công cụ nghiên cứu phục vụ việc khảo sát thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp.

Bốn là, khảo sát và đánh giá thực trạng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện HLKH&CN Việt Nam trong những năm gần đây. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn, luận án cần phân tích khách quan những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặt trong bối cảnh có nhiều yếu tố mới tác động như biến động tình hình thế giới, yêu cầu phát triển khoa học – công nghệ và việc triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Năm là, dự báo xu hướng tác động và đề xuất định hướng, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong thời gian tới. Luận án cần nghiên cứu các yếu tố mang tính dự báo như toàn cầu hóa, chuyển đổi số, sự phát triển của khoa học – công nghệ, trí tuệ nhân tạo và những thay đổi trong tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; trên cơ sở đó đề xuất các phương hướng, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu phát triển của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 1

Trong chương này, luận án đã tiến hành tổng quan, hệ thống hóa có chọn lọc các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng và đội ngũ trí thức, cán bộ nghiên cứu khoa học. Nội dung tổng quan được triển khai theo ba nhóm vấn đề chủ yếu: (1) các công trình nghiên cứu về xây dựng đội ngũ trí thức và cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ; (2) các công trình nghiên cứu về giáo dục chính trị, tư tưởng, cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; (3) khái quát kết quả nghiên cứu đã đạt được và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.

Thông qua phân tích các công trình đã công bố, chương này đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về vị trí, vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng trong sự nghiệp phát triển đất nước; mối quan hệ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ; đồng thời bước đầu nhận diện các yếu tố cấu thành quá trình giáo dục chính trị, tư tưởng như chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức và môi trường tác động. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về đội ngũ trí thức cũng góp phần làm rõ đặc điểm, vai trò và những yêu cầu mới đối với cán bộ nghiên cứu khoa học trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trên cơ sở tổng quan, luận án đã khái quát được những kết quả chủ yếu mà các công trình trước đó đã đạt được thể hiện ở bảy nội dung cơ bản, đồng thời chỉ ra những hạn chế và khoảng trống nghiên cứu tập trung ở năm vấn đề cần tiếp tục làm rõ. Nổi bật là sự thiếu vắng các công trình nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong một thiết chế nghiên cứu cụ thể như Viện HLKH&CN Việt Nam.

Những kết quả tổng quan này là cơ sở quan trọng để luận án xác định hướng tiếp cận, xây dựng khung lý thuyết và lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp; đồng thời định hướng nội dung nghiên cứu ở các chương tiếp theo, nhằm làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 2

GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam – Một số khái niệm

2.1.1. Giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

2.1.1.1. Chính trị, tư tưởng

Khái niệm chính trị, theo Từ điển Triết học Liên Xô (1975), được hiểu là tổng thể những hoạt động và quan hệ xã hội gắn liền với sự tham gia của các chủ thể xã hội vào các công việc của nhà nước, thông qua việc tổ chức, thực thi và bảo vệ quyền lực nhà nước của các giai cấp, tầng lớp và các lực lượng chính trị trong xã hội [100, tr.158 -159]. Chính trị biểu hiện thông qua hoạt động của bộ máy quyền lực nhà nước từ trung ương đến địa phương, cũng như thông qua các thiết chế chính trị như đảng phái, tổ chức chính trị - xã hội.

Về bản chất, chính trị phản ánh tập trung lợi ích căn bản của các giai cấp và mối quan hệ biện chứng giữa các giai cấp trong xã hội. Thông qua chính trị, giai cấp cầm quyền sử dụng quyền lực nhà nước và các công cụ chính trị để định hướng, điều tiết và quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, qua đó bảo đảm và củng cố địa vị thống trị của mình.

Từ điển Bách khoa Việt Nam (1996) xác định: Chính trị là tổng hợp các hoạt động liên quan đến mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, giữa các quốc gia và dân tộc; bản chất của chính trị là cuộc đấu tranh giành và sử dụng quyền lực, trước hết là quyền lực nhà nước, nhằm điều hành các công việc chung của xã hội theo những lợi ích nhất định [95, tr.478]. Chính trị đồng thời thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa chính sách với các lĩnh vực cấu thành đời sống xã hội như kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, qua đó góp phần hình thành và vận hành các thiết chế nhà nước và thiết chế xã hội của mỗi quốc gia.

Trong lý luận mácxít, V.I. Lênin khẳng định: “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế” [44, tr.202]. Theo đó, kinh tế giữ vai trò quyết định đối với

đời sống xã hội, song trong những thời điểm lịch sử nhất định, chính trị có thể giữ vai trò đi trước, lãnh đạo và định hướng sự phát triển kinh tế, đặc biệt trong điều kiện đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội và xây dựng xã hội mới. Chính trị và kinh tế có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau; không thể tuyệt đối hóa vai trò của chính trị tách rời cơ sở kinh tế, đồng thời cũng không thể phủ nhận vai trò tổ chức, định hướng của chính trị đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.

Từ các cách tiếp cận trên có thể khái quát: *Chính trị là quan hệ lợi ích gắn với đấu tranh giai cấp, trước hết vì lợi ích của giai cấp cầm quyền; cái căn bản nhất của chính trị là việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, là sự tham gia vào công việc nhà nước, nhằm xác định mục tiêu, phương hướng, nội dung và nhiệm vụ hoạt động của nhà nước và hệ thống chính trị.* Thông qua chính trị, nhà nước và các lực lượng cầm quyền củng cố thiết chế xã hội, định hướng sự phát triển của xã hội và bảo đảm lợi ích căn bản của giai cấp thống trị trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

Khái niệm tư tưởng, theo Từ điển Triết học Liên Xô: "Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện của quan hệ của con người với thế giới xung quanh" [100, tr.877]. Trên ý nghĩa đó, tư tưởng là một hình thức tồn tại của ý thức, là kết quả của quá trình nhận thức hiện thực khách quan, được tích lũy và khái quát thành tri thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết của con người. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin: "mọi tư tưởng đều được rút ra từ kinh nghiệm. Chúng là sự phản ánh đúng đắn hay phản ánh xuyên tạc hiện thực" [39, tr.704].

Do gắn liền với mục đích của quá trình nhận thức và phục vụ cho hoạt động thực tiễn của con người, tư tưởng không chỉ dừng lại ở sự phản ánh hiện thực, mà còn hình thành những quan điểm, chủ kiến, mục tiêu, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng và chỉ đạo hành động. V.I. Lênin coi tư tưởng là hình thức cao của nhận thức, giữ vai trò chi phối hoạt động thực tiễn của con người; khi tư tưởng được quần chúng tiếp nhận, thống nhất trong nhận thức và được hiện thực hóa thông qua hành động, nó sẽ trở thành lực lượng vật chất, tạo nên sức mạnh to lớn trong đời sống xã hội.

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng thuộc phạm trù ý thức xã hội và chịu sự quy định của tồn tại xã hội; khi tồn tại xã hội thay đổi thì tư

tưởng cũng có sự biến đổi tương ứng. Tuy nhiên, với tư cách là một hình thức của ý thức xã hội, tư tưởng vừa mang tính kế thừa, bảo thủ nhất định, vừa có khả năng vượt trước, định hướng sự vận động của hiện thực. Gắn liền với hoạt động thực tiễn, tư tưởng luôn gắn với lợi ích xã hội; như C. Mác đã chỉ rõ, tách rời tư tưởng khỏi lợi ích là làm mất đi bản chất và giá trị thực tiễn của tư tưởng.

Trong mỗi xã hội tồn tại nhiều dạng tư tưởng khác nhau, như tư tưởng cá nhân, tư tưởng của các nhóm xã hội, tầng lớp và giai cấp, cũng như tư tưởng xã hội. Những giai cấp có vị trí và lợi ích tương đồng trong hệ thống sản xuất xã hội sẽ hình thành hệ tư tưởng phản ánh lợi ích và mục tiêu của giai cấp đó. Trong lịch sử, một số hệ tư tưởng giai cấp đã phát triển thành hệ tư tưởng thống trị khi giai cấp ấy đại diện cho một phương thức sản xuất nhất định. Trong tư tưởng của mỗi giai cấp, tư tưởng chính trị giữ vị trí trung tâm, bên cạnh tư tưởng kinh tế, văn hóa, xã hội và tư tưởng về con người.

Tư tưởng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mỗi cá nhân, mỗi đảng chính trị và toàn xã hội, bởi nó định hướng nhận thức, điều chỉnh hành vi và thúc đẩy hoạt động thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Tư tưởng mà không thông thì làm việc gì cũng không tốt”, qua đó nhấn mạnh vai trò nền tảng của công tác tư tưởng và phê phán quan điểm coi nhẹ công tác tư tưởng trong hoạt động cách mạng và xây dựng xã hội.

Trên cơ sở các cách tiếp cận nêu trên, trong phạm vi luận án, có thể hiểu: *Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực khách quan trong ý thức con người, được hình thành trên cơ sở tồn tại xã hội và lợi ích giai cấp, thể hiện thành hệ thống quan điểm, mục tiêu và định hướng hành động, giữ vai trò chi phối nhận thức và hoạt động thực tiễn của cá nhân và xã hội.*

Khái niệm này cho thấy tư tưởng là sự phản ánh hiện thực khách quan trong ý thức con người, được quy định bởi điều kiện tồn tại xã hội và lợi ích giai cấp, qua đó hình thành hệ thống quan điểm, mục tiêu và định hướng hành động nhất định. Vì vậy, tư tưởng không chỉ chi phối nhận thức mà còn định hướng hoạt động thực tiễn của cá nhân và xã hội.

Bên cạnh hai khái niệm nêu trên, cần làm rõ các khái niệm có liên quan khác như khái niệm hệ tư tưởng và khái niệm hệ tư tưởng chính trị, từ đó có cơ sở để tiếp cận khái niệm chính trị, tư tưởng và làm rõ bản chất khái niệm giáo dục chính trị, tư tưởng.

Khái niệm hệ tư tưởng, theo Từ điển tiếng Việt là “Hệ thống tư tưởng và quan điểm, thường phản ánh quyền lợi cơ bản khác nhau của các giai cấp, các tầng lớp xã hội” [104, tr.562]. Trong đời sống xã hội, các tư tưởng khi được khái quát, sắp xếp và phát triển thành một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh sẽ hình thành hệ tư tưởng. Hệ tư tưởng không phải là tập hợp rời rạc những suy nghĩ, quan niệm đơn lẻ, mà là kết quả của quá trình khái quát hóa, hệ thống hóa các tư tưởng thành một chỉnh thể lý luận tương đối hoàn chỉnh. Trong xã hội có giai cấp, hệ tư tưởng luôn gắn với lợi ích, mục tiêu và lập trường của những giai cấp hoặc lực lượng xã hội nhất định. Và vì vậy, có thể hiểu: *Hệ tư tưởng là một hệ thống quan điểm, tư tưởng được khái quát và hệ thống hóa ở trình độ lý luận, phản ánh lợi ích, mục tiêu và lập trường của một giai cấp hoặc lực lượng xã hội nhất định, qua đó định hướng nhận thức và hoạt động cải tạo xã hội.*

Với khái niệm hệ tư tưởng nêu trên, cần chú ý các nội dung cốt lõi sau: *Thứ nhất*, hệ tư tưởng là một hệ thống quan điểm, tư tưởng, chứ không phải là những ý kiến rời rạc, cảm tính hay nhất thời, mà là tập hợp các quan điểm, tư tưởng có mối liên hệ tương đối chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất. *Thứ hai*, hệ tư tưởng được khái quát và hệ thống hóa ở trình độ lý luận, đó là dấu hiệu phân biệt hệ tư tưởng với những nhận thức thông thường hoặc quan niệm xã hội tản mạn. Các quan điểm, tư tưởng trong hệ tư tưởng đã được nâng lên thành những luận điểm, nguyên lý có tính khái quát, tương đối ổn định và có khả năng định hướng cho nhận thức, hành động xã hội. *Thứ ba*, hệ tư tưởng phản ánh lợi ích, mục tiêu và lập trường của một giai cấp hoặc lực lượng xã hội nhất định, điều đó thể hiện rõ tính giai cấp, tính xã hội của hệ tư tưởng. Bất kỳ hệ tư tưởng nào cũng không tồn tại một cách trung tính, mà đều gắn với nhu cầu, lợi ích, mục tiêu lịch sử và vị thế xã hội của chủ thể đại diện cho nó. *Thứ tư*, hệ tư tưởng có chức năng định hướng nhận thức và hoạt động cải tạo xã hội. Hệ tư tưởng không chỉ phản ánh hiện thực mà còn định hướng con người nhìn nhận hiện thực theo một lập trường nhất định, từ đó chi phối thái độ, niềm tin và hành động thực tiễn nhằm duy trì hoặc biến đổi xã hội theo mục tiêu mà giai cấp, lực lượng xã hội đó theo đuổi.

Tuy nhiên, hệ tư tưởng không tồn tại như một khối đồng nhất, mà được cấu thành bởi nhiều bộ phận khác nhau, trong đó tư tưởng chính trị giữ vị trí

trung tâm, trực tiếp liên quan đến vấn đề quyền lực, nhà nước, chế độ chính trị và phương thức tổ chức đời sống xã hội. Vì vậy, để làm rõ bản chất của giáo dục chính trị, tư tưởng, cần tiếp tục tiếp cận và luận giải khái niệm tư tưởng chính trị như một phạm trù bộ phận nhưng có ý nghĩa hạt nhân trong hệ tư tưởng.

Khái niệm tư tưởng chính trị, theo Từ điển Triết học Liên Xô, tư tưởng chính trị được hiểu là một hệ thống các quan điểm, đường lối về tư tưởng của một đảng cách mạng hoặc một tổ chức chính trị, được truyền đạt tới các chi bộ, tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm tập hợp lực lượng thành một khối thống nhất dưới sự lãnh đạo của đảng, kiên định đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại, chủ nghĩa thực dân, đế quốc, giành độc lập, tự do cho các dân tộc bị áp bức và củng cố chính quyền của các quốc gia xã hội chủ nghĩa [100, tr. 879]. Từ điển Bách khoa Việt Nam (1996) cho rằng, tư tưởng chính trị là tư tưởng của một giai cấp được thể hiện trong đường lối, chủ trương, chính sách đang được thực hiện. Đảng cầm quyền đưa tư tưởng chính trị và quan điểm của mình vào đường lối chính trị, pháp luật, các chủ trương, chính sách nhằm thực hiện mục tiêu chính trị đã xác định; qua đó bảo đảm sự thống nhất giữa tư tưởng với đường lối, chủ trương, chính sách, gắn kết giữa cấp trên với cấp dưới, giữa đảng viên với nhân dân [95, tr. 478].

Từ các cách tiếp cận trên có thể hiểu: *Tư tưởng chính trị là bộ phận quan trọng, giữ vị trí hạt nhân trong hệ tư tưởng của một giai cấp hoặc lực lượng xã hội nhất định, phản ánh lợi ích, mục tiêu và lập trường của giai cấp, lực lượng đó về vấn đề giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước; về chế độ chính trị, hình thức tổ chức nhà nước; và về cách thức giải quyết mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội.*

Từ khái niệm trên có thể hiểu, tư tưởng chính trị là bộ phận hạt nhân của hệ tư tưởng, giữ vai trò định hướng trung tâm trong toàn bộ hệ thống quan điểm của một giai cấp hoặc lực lượng xã hội nhất định. Tư tưởng chính trị luôn mang tính giai cấp rõ rệt, phản ánh lợi ích, mục tiêu và lập trường chính trị của chủ thể xã hội sản sinh ra nó. Nội dung cốt lõi của tư tưởng chính trị bao gồm những quan điểm về giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước; về chế độ chính trị và hình thức tổ chức nhà nước; đồng thời thể hiện cách nhìn nhận, giải quyết mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội.

Khái niệm chính trị, tư tưởng. Đây là một khái niệm kép bao gồm khái niệm “chính trị” và khái niệm “tư tưởng”, dùng để chỉ một lĩnh vực gắn bó hữu cơ giữa lập trường, quan điểm chính trị với nhận thức, niềm tin, tư tưởng, ý thức xã hội. Đây là lĩnh vực phản ánh và thể hiện những vấn đề về quyền lực chính trị, mục tiêu, lợi ích giai cấp, quốc gia - dân tộc, cùng hệ thống quan điểm, nhận thức, niềm tin và định hướng giá trị chi phối nhận thức và hành động xã hội của con người. Trong khoa học chính trị, bên cạnh các khái niệm tư tưởng và chính trị, khái niệm *chính trị, tư tưởng* được sử dụng để chỉ sự gắn bó hữu cơ giữa lĩnh vực tư tưởng và lĩnh vực chính trị trong đời sống xã hội. Tư tưởng là kết quả của quá trình nhận thức hiện thực, là hệ thống những quan điểm, chủ kiến, mục tiêu và định hướng hành động của cá nhân, tầng lớp và giai cấp xã hội, gắn liền với lợi ích của họ; trong những điều kiện lịch sử nhất định, tư tưởng của một giai cấp có thể phát triển thành hệ tư tưởng của giai cấp đó. Chính trị là sự hiện thực hóa hệ tư tưởng và lợi ích giai cấp thông qua việc tổ chức, sử dụng quyền lực nhà nước, xây dựng bộ máy, thiết chế và các hình thức hoạt động nhằm giành, giữ và bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền.

Trong mối quan hệ giữa tư tưởng và chính trị, tư tưởng có trước và giữ vai trò nền tảng lý luận, định hướng giá trị cho hoạt động chính trị; chính trị là sự vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tư tưởng trong đời sống xã hội thông qua quyền lực và các thiết chế chính trị. Sự thống nhất giữa tư tưởng và chính trị tạo thành cơ sở tinh thần và phương hướng hành động cho các đảng chính trị và các lực lượng xã hội trong việc thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

Trong các tài liệu nghiên cứu, hai khái niệm “chính trị” và “tư tưởng” thường được ghép nối theo những cách khác nhau như: Chính trị tư tưởng, chính trị – tư tưởng và chính trị, tư tưởng. Về mặt nội hàm, “chính trị tư tưởng” thường được dùng như một tổ hợp từ để chỉ hệ thống quan niệm, quan điểm, hệ tư tưởng của một giai cấp mà đảng chính trị tổ chức phổ biến, truyền bá trong xã hội nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên lĩnh vực tư tưởng. Theo nghĩa đó, chính trị tư tưởng được xem là một nội dung hoạt động quan trọng của đảng chính trị, gắn với công tác tư tưởng và việc xây dựng nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị cho các hoạt động của đảng. Còn chính trị - tư tưởng là phạm trù chỉ mối quan hệ hữu cơ, thống nhất giữa tư tưởng và chính

trị, trong đó tư tưởng giữ vai trò nền tảng, định hướng, còn chính trị là sự hiện thực hóa tư tưởng thông qua đường lối, chủ trương, tổ chức và hoạt động quyền lực của một giai cấp, một đảng hay một nhà nước. Nói cách khác, chính trị - tư tưởng phản ánh quá trình tư tưởng thâm nhập, chi phối và dẫn dắt hoạt động chính trị, bảo đảm cho hoạt động chính trị diễn ra đúng định hướng giai cấp, mục tiêu và giá trị đã xác lập.

Tuy nhiên, trong phạm vi luận án này, tác giả sử dụng thuật ngữ “chính trị, tư tưởng” (có dấu phẩy) nhằm nhấn mạnh sự phân biệt tương đối nhưng thống nhất hữu cơ giữa hai lĩnh vực: Chính trị - sự vận dụng hệ tư tưởng trong cầm quyền, quản lý xã hội, hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách; và Tư tưởng - hệ tư tưởng, nền tảng lý luận, giá trị tinh thần định hướng cho hoạt động chính trị. Cách sử dụng này cho phép tiếp cận toàn diện cả nội dung tư tưởng lý luận và nội dung chính trị thực tiễn trong hoạt động giáo dục và bồi dưỡng cho đối tượng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Trong thực tiễn, khái niệm “chính trị, tư tưởng” thường được sử dụng để chỉ lĩnh vực hoạt động và nội dung giáo dục nhằm bồi dưỡng, củng cố thế giới quan khoa học, bản lĩnh chính trị, niềm tin lý tưởng cách mạng và lập trường tư tưởng đúng đắn cho các tầng lớp xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên và trí thức. Trong tư duy lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chính trị và tư tưởng không tách rời mà luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo thành nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, giữ vai trò định hướng cho hành động cách mạng và sự phát triển bền vững của đất nước.

Vì vậy, có thể hiểu: *Chính trị, tư tưởng là tổng thể những quan điểm, lý tưởng, mục tiêu chính trị của giai cấp cầm quyền, được thể hiện và hiện thực hóa thông qua đường lối, chủ trương, chính sách, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, nhằm định hướng nhận thức, điều chỉnh hành vi và huy động các lực lượng xã hội thực hiện những mục tiêu chính trị xác định.*

2.1.1.2. Giáo dục và giáo dục chính trị, tư tưởng

Khái niệm giáo dục. Theo Từ điển tiếng Việt, “giáo” có nghĩa là dạy cho biết, “dục” có nghĩa là nuôi nấng; giáo dục được hiểu là dạy dỗ, gây nuôi con người. Trong thực tiễn và trong khoa học, khái niệm giáo dục thường được gắn với các yếu tố chỉ đối tượng, nội dung hoặc cấp độ giáo dục, như:

giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, sau đại học; giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục chính trị, giáo dục pháp luật...

Dưới góc độ khoa học giáo dục, giáo dục được xem là quá trình truyền đạt và tiếp thu những kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người, đồng thời là quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho con người tham gia đời sống xã hội và lao động sản xuất. Quá trình này không chỉ trang bị tri thức mà còn hình thành nhân cách, bồi dưỡng năng lực, phẩm chất và giá trị xã hội của con người.

Từ những quan niệm trên có thể hiểu rằng, *giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc thù của loài người, với bản chất là quá trình có tổ chức, có mục đích nhằm trao truyền tri thức, kinh nghiệm, hiểu biết và giá trị văn hóa - xã hội giữa con người với con người, thông qua các hệ thống ngôn ngữ và ký hiệu khác nhau, nhằm kế thừa và duy trì sự tồn tại, bảo đảm sự tiến hóa và phát triển của nhân loại.*

Khái niệm giáo dục chính trị, tư tưởng. Giáo dục chính trị, tư tưởng là thuật ngữ được hình thành từ sự kết hợp giữa khái niệm giáo dục và chính trị, tư tưởng, phản ánh một lĩnh vực hoạt động đặc thù trong đời sống chính trị - xã hội. Đây là quá trình giáo dục nhằm truyền đạt, bồi dưỡng và củng cố những giá trị chính trị, tư tưởng nhất định cho các chủ thể xã hội, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Theo Từ điển Triết học Liên Xô, giáo dục chính trị, tư tưởng được hiểu là sự truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách, lập trường và quan điểm của đảng cầm quyền tới đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhằm giúp họ thấu hiểu, tiếp nhận và hiện thực hóa một cách thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đề ra, qua đó góp phần bảo đảm sự ổn định và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa [100, tr.1168]. Trong quan niệm này, giáo dục chính trị, tư tưởng được xem là khâu then chốt trong việc hình thành sự thống nhất về nhận thức và hành động trong xã hội, tạo cơ sở cho sự đoàn kết các giai cấp, tầng lớp và cộng đồng dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng cầm quyền.

Từ góc độ nghiên cứu ở Việt Nam, Phan Thị Phương Anh và Trần Thị Như Tuyền (2016) [3, tr. 133] cho rằng, giáo dục chính trị, tư tưởng là một bộ phận của công tác tuyên truyền, nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và những giá trị tinh hoa của văn hóa dân tộc và nhân loại; làm cho các nội dung đó trở thành nhân tố chi phối đời sống tinh thần của xã hội, đồng thời khơi dậy và phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thông qua giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng tạo ra sự thống nhất trong nhận thức, ý chí và hành động giữa Đảng với nhân dân, hạn chế tình trạng nhận thức sai lệch, thực hiện không đúng chủ trương, chính sách trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tên cơ sở kế thừa và tổng hợp các quan niệm trên, có thể hiểu rằng: *Giáo dục chính trị, tư tưởng là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức và có hệ thống đến nhận thức, tình cảm, niềm tin và hành vi của đối tượng giáo dục, nhằm truyền đạt và bồi dưỡng những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, thông qua các hình thức, phương pháp và phương tiện phù hợp; qua đó góp phần từng bước hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội và năng lực hành động của con người, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Về vai trò, giáo dục chính trị, tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giúp đội ngũ cán bộ, đảng viên nắm vững và thấm nhuần quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời góp phần khắc phục những hạn chế, lệch lạc trong nhận thức và hành vi chính trị - xã hội. Thông qua đó, giáo dục chính trị, tư tưởng tạo nền tảng tinh thần và tiền đề quan trọng cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự đồng thuận xã hội và bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước.

2.1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học và đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

2.1.2.1. Cán bộ, cán bộ nghiên cứu khoa học và đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Khái niệm cán bộ. Trong Đại từ điển tiếng Việt (1996), “Cán bộ được hiểu là những người thừa hành, thực thi các công việc do cấp trên giao phó,

đưa các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên đến với quần chúng và là cầu nối giữa lãnh đạo với nhân dân [12, tr. 4]. Theo cách hiểu này, cán bộ giữ vai trò trực tiếp tổ chức, triển khai và hiện thực hóa các chủ trương, đường lối, chính sách trong đời sống xã hội.

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ khi khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém” [54, tr. 309]. Quan điểm đó cho thấy cán bộ không chỉ là người thực thi nhiệm vụ, mà còn là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả và sự thành bại của mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực tiễn.

Theo quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam, cán bộ là những người có chức, có quyền, giữ vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị và bộ máy chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, trực tiếp tham gia lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực tiễn. Cán bộ là lực lượng nòng cốt trong việc đưa nghị quyết, chỉ thị của cấp trên đến với quần chúng nhân dân, bảo đảm sự thống nhất giữa ý chí, chủ trương của Đảng với hành động của toàn xã hội.

Về phương diện tổ chức và pháp lý, cán bộ là những người thừa hành công vụ, làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Đội ngũ cán bộ bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ đảng, cán bộ nhà nước; cán bộ trong các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; cán bộ trong lực lượng vũ trang; cán bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp công lập; cán bộ chuyên môn, tham mưu, chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức (2013): “Cán bộ là những cá nhân được bầu cử, phê chuẩn hoặc bổ nhiệm để giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, hưởng lương từ ngân sách nhà nước” [11, tr. 4]. Quy định này đã xác định rõ vị trí pháp lý, phạm vi và đặc trưng cơ bản của cán bộ trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay.

Như vậy, cán bộ là bộ phận giữ vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị, trực tiếp quyết định hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy lãnh đạo, quản lý và là nhân tố then chốt bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự ổn định, phát triển của xã hội.

Từ các quan niệm nêu trên, có thể hiểu: *Cán bộ là những người được tổ chức giao phó trách nhiệm, giữ vai trò nòng cốt trong việc triển khai và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; là lực lượng trực tiếp quyết định hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và bộ máy quản lý nhà nước.* Vì vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn và uy tín là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Đại hội XIII của Đảng xác định, xây dựng đội ngũ cán bộ là một trong 5 nội dung cơ bản của công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, gồm “chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”. Đến Đại hội XIV, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh “Chú trọng xây dựng Đảng về cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu” [24, tr. 137]. *Công tác cán bộ* là toàn bộ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền nhằm phát huy cao nhất tiềm năng của cán bộ trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ.

Khái niệm cán bộ nghiên cứu khoa học. Trong hệ thống cán bộ của Đảng và Nhà nước, cán bộ nghiên cứu khoa học là một bộ phận đặc thù, vừa mang đầy đủ những đặc điểm chung của đội ngũ cán bộ, vừa có những đặc trưng riêng gắn với lĩnh vực khoa học và công nghệ. Hoạt động của đội ngũ này gắn trực tiếp với quá trình nghiên cứu, sáng tạo tri thức khoa học, phát triển công nghệ, cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định đường lối, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Xét về phương diện tổ chức, cán bộ nghiên cứu khoa học chủ yếu làm việc trong các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước; là lực lượng trí thức nòng cốt,

được đào tạo cơ bản, chuyên sâu, có trình độ chuyên môn cao, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở các cấp độ khác nhau.

Xét về phương diện chính trị - xã hội, cán bộ nghiên cứu khoa học là bộ phận quan trọng của đội ngũ trí thức Việt Nam, có trách nhiệm chính trị trong việc quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, thông qua hoạt động nghiên cứu và tư vấn khoa học, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong lĩnh vực khoa học, lý luận và thực tiễn.

Từ những luận giải trên, có thể hiểu: *Cán bộ nghiên cứu khoa học là những người làm việc trong các tổ chức khoa học và công nghệ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nghiên cứu, trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và tư vấn khoa học; đồng thời là chủ thể chính trị - xã hội, tham gia thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Với khái niệm trên, cần lưu ý mấy phương diện cơ bản sau về cán bộ nghiên cứu khoa học:

Thứ nhất, về vị trí và tư cách xã hội - chính trị: Cán bộ nghiên cứu khoa học là một bộ phận của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đồng thời là lực lượng nòng cốt của đội ngũ trí thức. Họ không chỉ là người lao động trí óc đơn thuần, mà còn là chủ thể có trách nhiệm chính trị, chịu sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Thứ hai, về chức năng và nhiệm vụ chủ yếu: Nghiên cứu, phát hiện và luận giải các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy; Sáng tạo tri thức khoa học mới, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực thi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Trong điều kiện hiện nay, chức năng nghiên cứu của đội ngũ này ngày càng gắn chặt với yêu cầu phục vụ phát triển bền vững, chuyển đổi số, đổi mới mô hình tăng trưởng và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, về đặc điểm hoạt động nghề nghiệp mang tính: Trí tuệ cao, đòi hỏi tư duy độc lập, sáng tạo; Lâu dài, chuyên sâu, gắn với quá trình tích lũy tri thức; Nhạy cảm về tư tưởng, dễ chịu tác động của các luồng tư tưởng, quan điểm khác nhau trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chính đặc điểm này làm cho vấn đề giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ nghiên cứu khoa học trở nên đặc biệt quan trọng.

Thứ tư, về mối quan hệ giữa chuyên môn khoa học và lập trường chính trị: Cán bộ nghiên cứu khoa học vừa là chủ thể sáng tạo tri thức, vừa là chủ thể tiếp nhận và lan tỏa các giá trị tư tưởng - chính trị trong xã hội. Sự thống nhất giữa trình độ chuyên môn khoa học với bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng đúng đắn là điều kiện bảo đảm để hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đúng mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, về vai trò của cán bộ nghiên cứu khoa học đối với sự phát triển xã hội: Nâng cao tiềm lực khoa học – công nghệ quốc gia; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực khoa học và lý luận; Góp phần hình thành và lan tỏa các giá trị khoa học, nhân văn, tiến bộ trong đời sống xã hội.

2.1.2.2. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là tập thể những người làm công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được tổ chức thành một lực lượng nhằm thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học. Theo Quyết định số 11/2006/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ, đội ngũ này bao gồm nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính và nghiên cứu viên cao cấp, tương ứng với mức độ phức tạp và quy mô của các nhiệm vụ nghiên cứu từ cấp cơ sở đến cấp bộ, ngành và cấp nhà nước.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là những người có trình độ chuyên môn cao, phương pháp làm việc khoa học, tư duy độc lập, sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu; lập và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu một cách khoa học, hiệu quả; đồng thời có khả năng trình bày, truyền đạt kết quả nghiên cứu một cách logic, thuyết phục. Phẩm chất cốt lõi của cán bộ nghiên cứu khoa học là đam mê khoa học, trung thực, cẩn trọng, kiên trì và trách nhiệm nghề nghiệp. Ở Việt Nam, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học giữ vai trò quan trọng trong phát triển khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Như vậy, có thể hiểu: *Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là tập thể những người làm công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tại các tổ chức khoa học - công nghệ, hoạt động trong khuôn khổ hệ thống chính trị và pháp luật Việt Nam, góp phần trực tiếp vào sự phát triển bền vững của đất nước.*

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là lực lượng lao động trí tuệ có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, có tư duy độc lập, sáng tạo và phương pháp làm việc khoa học. Hoạt động của đội ngũ này mang tính chuyên sâu, đòi hỏi sự chính xác, khách quan và tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực đạo đức khoa học. Cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn mà còn gắn bó chặt chẽ với yêu cầu phát triển khoa học - công nghệ, phục vụ nhiệm vụ chính trị, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước.

2.1.3. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện

2.1.3.1. Khái quát về Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Tiền thân của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam là Viện Khoa học Việt Nam. Viện Khoa học Việt Nam là cơ quan trực thuộc Chính phủ, được thành lập vào ngày 20/5/1975, theo Nghị quyết số 118/CP của Hội đồng Chính phủ. Đây là một cơ quan đa ngành, ngang bộ, chuyên nghiên cứu về khoa học tự nhiên đầu tiên của Việt Nam với 3 viện nhỏ, gồm: Viện Vật lý, Viện Toán học và Viện Nghiên cứu Biển. Trong giai đoạn 1975-1993, với vai trò là cơ quan trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), Viện đã có nhiều đóng góp quan trọng của đất nước, như xây dựng và hoàn thiện Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; các đề án khoa học về san hô, thủy sinh vật, hải sản, khoáng sản tại Trường Sa và các vùng biển phụ cận thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, nhất là ở Vịnh Bắc Bộ, các bể trầm tích Trung Bộ, Cửu Long, Nam Côn Sơn. Viện đã trực tiếp tham gia xây dựng, doanh nghiệp dầu khí đầu tiên của Việt Nam, Liên doanh Dầu khí Việt-Xô Petro và Đặc khu Bà Rịa Vũng Tàu (1981), khai thác thành công lô dầu khí đầu tiên tại mỏ Bạch Hổ (1986). Viện đã phối hợp với Tổng

cục Địa chất tiến hành thăm dò, nghiên cứu địa chất cho thiết kế và thi công nhiều công trình thủy điện với quy mô lớn, như: Thủy điện Trị An (1977), Thủy điện Hòa Bình (1979)...; đào tạo ra nhiều nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực vật lý lý thuyết, nông nghiệp, sinh học, hóa học, như: Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Văn Khải, Văn Như Cương, Lê Bá Khánh Trình [19]... Đó có thể coi là những dấu ấn lớn trong giai đoạn hình thành và phát triển của Viện Khoa học Việt Nam.

Đến năm 1993, theo Nghị định số 24/CP ngày 22/5/1993 của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia đã được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Viện Khoa học Việt Nam [89]. Đây được coi là một mốc mới trong lịch sử hình thành và phát triển của Viện. Viện được tách khỏi Bộ Khoa học và Công nghệ, trở thành một cơ quan ngang Bộ, trực thuộc Chính phủ, đứng đầu là một Chủ tịch, hàm Bộ trưởng, Ủy viên Trung ương Đảng. Việc thành lập Trung tâm đã tạo cơ sở, tiền đề quan trọng để có những bước đột phá trong phát triển khoa học tự nhiên, công nghệ Việt Nam.

Tiếp theo, ngày 16/01/2004, theo Nghị định số 27/2004/NĐ-CP về triển khai mục tiêu vừa nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên, vừa phát triển khoa học công nghệ của đất nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã quy định lại chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, đổi tên thành Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam [17]. Đây được coi là một bước ngoặt mới trong lịch sử phát triển của Viện.

Trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, xuất phát từ yêu cầu mới đối với khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, ngày 25/12/2012 Chính phủ đã ban hành Nghị định 108/2012/NĐ-CP [18]; ngày 15/5/2017 ban hành Nghị định số 60/2017/NĐ-CP [92] quy định rõ và đầy đủ hơn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Theo các nghị định nêu trên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam là cơ quan tham mưu, tư vấn chính sách hàng đầu cho Đảng, Chính phủ trong các vấn đề liên quan đến chính sách, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ của đất nước trong giai đoạn 2017-2030 và các tầm nhìn xa hơn.

Trải qua gần 50 năm hình thành và phát triển, Viện HLKH&CN Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển khoa học, công nghệ của đất nước nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung, thể hiện rõ vai trò và giá trị của Viện đối với sự phát triển của đất nước, đồng thời hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ Việt Nam từ phạm vi trong nước vươn ra khu vực về công nghệ, phấn đấu cho mục tiêu 2030 và đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước phát triển.

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Viện HLKH&CN Việt Nam là cơ quan trực thuộc Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội về các chính sách phát triển khoa học, công nghệ, về phát triển khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Viện có chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy như sau:

- Về chức năng:

Viện HLKH&CN Việt Nam thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên và phát triển công nghệ; cung cấp luận cứ khoa học cho công tác quản lý khoa học, công nghệ và xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội; đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ có trình độ cao theo quy định của pháp luật.

- Về nhiệm vụ:

Viện HLKH&CN Việt Nam thực hiện 4 nhiệm vụ chiến lược quan trọng là: 1). Nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên; 2). Nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; 3). Điều tra cơ bản, xây dựng luận cứ khoa học, xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội; 4). Đào tạo nhân lực, khoa học, công nghệ có trình độ cao cho đất nước.

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, Viện HLKH&CN Việt Nam còn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao một số nhiệm vụ khác, như: triển khai các nhiệm vụ, phương hướng phát triển khoa học, công nghệ quan trọng, gồm: công nghệ thông tin - điện tử - tự động hóa - công nghệ vũ trụ; công nghệ sinh học; đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học; vật lý - cơ học; khoa học dược liệu; khoa học trái đất; khoa học công nghệ biển; môi trường và năng lượng. Viện thực hiện các nhiệm vụ cơ bản trong phạm vi

của Viện do Thủ tướng Chính phủ giao, là: phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Công thương triển khai các đề án, dự án khoa học, các chương trình, đề án nghiên cứu, các dự án sản xuất, thử nghiệm cấp quốc gia về khoa học, công nghệ; các dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ theo Nghị định thư cấp quốc gia, cấp Viện Hàn lâm song và đa phương, các dự án viện trợ ODA, phi chính phủ của các tổ chức, các quốc gia trên thế giới có quan hệ khoa học, công nghệ với Viện HLKH&CN Việt Nam và Chính phủ Việt Nam; các dự án điều tra cơ bản bảo vệ môi trường, các chương trình mục tiêu quốc gia, như nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, Biển Đông, hải đảo.... Phối hợp nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Viện Hàn lâm. Các viện nghiên cứu, cơ sở khoa học trực thuộc Viện hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ với các bộ, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong việc phát triển mô hình nông nghiệp xanh-sạch, nông thôn mới, kinh tế 4.0, kinh tế số; phối hợp triển khai các dự án, đề án cấp cơ sở, giải quyết các vấn đề môi trường, sự cố thiên tai bất ngờ ở các địa phương trên cả nước và cấp quốc tế; mở rộng hợp tác giáo dục, khoa học với thế giới nhằm thu hút các nhà khoa học gốc Việt và thế giới đến Việt Nam, đẩy mạnh chương trình hỗ trợ các cán bộ khoa học trẻ, chương trình nghiên cứu sau nghiên cứu sinh, chương trình hỗ trợ cán bộ trình độ cao về khoa học [19].

- Về tổ chức bộ máy:

Viện HLKH&CN Việt Nam có Chủ tịch và không quá 04 Phó Chủ tịch. Viện có 38 đơn vị, trong đó 5 đơn vị chuyên môn giúp việc cho Chủ tịch Viện; 26 tổ chức khoa học và công nghệ công lập; 7 đơn vị sự nghiệp công lập khác.

Như vậy, với các chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định về tổ chức bộ máy, Viện HLKH&CN Việt Nam là trung tâm khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên hàng đầu của Việt Nam, đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới; trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Đây là những nhiệm vụ rất nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang của Viện HLKH&CN Việt Nam.

- Về cơ cấu, số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ.

Viện HLKH&CN Việt Nam là đơn vị có số lượng, cơ cấu cán bộ, viên chức đông và có chất lượng cao hàng đầu của Việt Nam. Theo số liệu của

Viện HLKH&CN Việt Nam tháng 10/2024, Viện có 3.498 cán bộ, viên chức, nhà khoa học và người làm việc với 2.075 biên chế, trong đó có 52 GS, 172 PGS, 13 TSKH và 903 TS, 786 ThS [103, tr.22]. Viện hiện có nguồn nhân lực trình độ ở mức cao nhất khi so sánh với các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu khác của Việt Nam. Những năm gần đây, số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, tiến sĩ của Viện có sự biến động theo từng năm, có xu hướng giảm do các cán bộ trẻ chưa lấp đầy khoảng trống mà thế hệ đi trước để lại khi về nghỉ hưu, nhưng vẫn đứng hàng đầu trong số các viện nghiên cứu, trường đại học ở Việt Nam.

Số lượng nghiên cứu viên cao cấp và tương đương của Viện tính đến thời điểm hiện tại có 219 người, cao hơn nhiều so với mức 82 người vào năm 2017 (mặc dù thấp hơn mức 238 người năm 2020 và 223 người năm 2021). Các con số này cũng lý giải một thực tế là đội ngũ các nhà khoa học của Viện ngày càng được nâng cao về chuyên môn và Viện HLKH&CN Việt Nam xứng đáng là trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu về khoa học, công nghệ của Việt Nam. Tính theo tỷ lệ, trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, số lượng giáo sư, phó giáo sư trong biên chế chiếm 9,55%; số lượng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học trong biên chế chiếm 30,75% và số lượng thạc sĩ, nghiên cứu viên cao cấp trong biên chế, chiếm 55,01%.... Chất lượng cán bộ, viên chức của Viện HLKH&CN Việt Nam rất cao, ổn định và có chiều sâu, góp phần tạo lên sự phát triển ổn định của Viện trong những năm qua.

- Về đặc thù chuyên môn:

Là cơ quan tham mưu, tư vấn chính sách khoa học, công nghệ hàng đầu và đặc thù, nên Viện tập trung nghiên cứu vào 4 nhóm chuyên môn chính là: 1). Nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên; 2). Nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, điều tra cơ bản, xây dựng luận cứ khoa học xác thực; 3). Xây dựng chính sách chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; 4) Đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ có trình độ cao cho đất nước trên các lĩnh vực khác nhau, nhất là công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ vũ trụ, khoa học biển...

Bằng việc nghiên cứu sâu các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện đã đóng góp nhiều vào sự phát triển khoa học, công nghệ của đất nước. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay,

hoạt động nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia và tư vấn, tham mưu chính sách trong lĩnh vực khoa học, công nghệ cho Đảng và Chính phủ.

Trong giai đoạn hiện nay, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đông, có trình độ chuyên môn cao và chất lượng tốt là nền tảng quan trọng giúp cho Viện HLKH&CN Việt Nam nâng cao năng lực giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên môn, nghiệp vụ, và là cơ sở, tiền đề để Viện từ một cơ quan nghiên cứu khoa học chuyên sâu cấp quốc gia trở thành viện nghiên cứu đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế, đóng góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu, tầm nhìn “hai lần 100 năm” về khoa học công nghệ mà Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) đã đề ra. Đây cũng là yêu cầu đặt ra với việc xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện, trong đó có việc tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự phát triển toàn diện, đóng góp nhiều hơn trong thực hiện mục phát triển đất nước đến năm 2030 và 2045.

2.1.3.3. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Giáo dục chính trị, tư tưởng là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu của công tác tư tưởng, giữ vai trò then chốt trong sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền Viện HLKH&CN Việt Nam, nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tính tích cực trong công tác cũng như trong hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan nêu trên, có thể hiểu: *Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức và có hệ thống của các chủ thể giáo dục nhằm truyền bá những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, thông qua các hình thức, phương pháp, phương tiện và môi trường giáo dục phù hợp; qua đó, góp phần hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin và lý tưởng, thúc đẩy cán bộ thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao,*

đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học - công nghệ và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Từ khái niệm giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam nêu trên có thể thấy rằng, đây là quá trình giáo dục có mục đích, có tổ chức và có hệ thống của các chủ thể nhằm truyền bá nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Quá trình đó được thực hiện bằng những hình thức, phương pháp, phương tiện phù hợp, nhằm hình thành thế giới quan khoa học, củng cố bản lĩnh chính trị, niềm tin, lý tưởng và nâng cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

2.1.3.4. Tính đặc thù của giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam có những nét đặc thù riêng, xuất phát từ vị trí, chức năng của Viện, từ đặc điểm lao động khoa học và từ chính đặc trưng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Những nét đặc thù này quy định cả nội dung, phương thức, yêu cầu và tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Trước hết, tính đặc thù của hoạt động này thể hiện ở đối tượng giáo dục là đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học có trình độ học vấn cao, tư duy độc lập, chuyên sâu và giàu khả năng phản biện. Khác với nhiều nhóm cán bộ, công chức ở lĩnh vực hành chính hoặc quản lý thuần túy, cán bộ nghiên cứu khoa học là những người hoạt động chủ yếu bằng tư duy lý luận, tư duy phân tích, tư duy phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề trên cơ sở chứng cứ khoa học. Vì vậy, họ có xu hướng tiếp nhận các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ bằng sự lĩnh hội một chiều mà còn bằng sự đối chiếu, phân tích, kiểm nghiệm và phản biện. Điều đó đòi hỏi hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ này không thể dừng ở việc truyền đạt mang tính áp đặt, kinh viện hoặc đơn thuần hành chính hóa, mà phải bảo đảm tính khoa học, tính logic, tính thuyết phục và khả năng đối thoại cao. Nói cách khác, đây là hoạt động giáo dục đối với một đội ngũ trí thức đặc thù, nên nội dung và phương thức giáo dục phải phù hợp với đặc điểm tư duy trí tuệ và phong cách lao động khoa học của họ.

Thứ hai, tính đặc thù còn thể hiện ở sự thống nhất chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo tri thức. Đối với cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm, giáo dục chính trị, tư tưởng không tồn tại như một hoạt động tách rời, biệt lập với chuyên môn, mà phải gắn trực tiếp với quá trình nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ khoa học, tư vấn chính sách và đào tạo nhân lực khoa học – công nghệ. Nếu trong nhiều lĩnh vực khác, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng chủ yếu được biểu hiện ở nhận thức, thái độ và hành vi chính trị nói chung, thì ở đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, hiệu quả đó còn được phản ánh thông qua định hướng nghiên cứu, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm khoa học, ý thức phụng sự Tổ quốc và Nhân dân trong từng sản phẩm nghiên cứu cụ thể. Chính điều đó cho thấy giáo dục chính trị, tư tưởng ở đây phải hướng tới sự chuyển hóa từ nhận thức chính trị thành động cơ nghiên cứu đúng đắn, thành trách nhiệm xã hội và bản lĩnh nghề nghiệp trong hoạt động khoa học.

Thứ ba, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện mang tính đặc thù bởi nó diễn ra trong môi trường lao động trí tuệ chuyên sâu, có tính học thuật cao, đa ngành, đa lĩnh vực và gắn với hội nhập quốc tế mạnh mẽ. Viện HLKH&CN Việt Nam là trung tâm nghiên cứu đầu ngành của cả nước, quy tụ đội ngũ cán bộ nghiên cứu thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, khoa học vật liệu, công nghệ thông tin, khoa học trái đất, khoa học biển, môi trường, công nghệ vũ trụ... Sự đa dạng này làm cho nhu cầu nhận thức, môi trường làm việc, hệ giá trị nghề nghiệp và phương thức tiếp cận thông tin của cán bộ nghiên cứu khoa học không hoàn toàn giống nhau. Hơn nữa, do thường xuyên tiếp xúc với các nguồn tri thức quốc tế, các trào lưu học thuật mới, các giá trị và chuẩn mực đa chiều, đội ngũ này chịu ảnh hưởng trực tiếp của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bởi vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ nhằm củng cố lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị mà còn phải giúp họ nâng cao khả năng “miễn dịch” trước những quan điểm sai trái, lệch lạc, những biểu hiện thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, tuyệt đối hóa tự do học thuật hoặc xem nhẹ trách nhiệm chính trị – xã hội của hoạt động khoa học.

Thứ tư, tính đặc thù của hoạt động này còn bắt nguồn từ vị trí, vai trò của Viện HLKH&CN Việt Nam là cơ quan nghiên cứu chiến lược hàng đầu,

đồng thời là tổ chức tham mưu quan trọng cho Đảng và Nhà nước về khoa học và công nghệ. Do đó, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện không chỉ thực hiện chức năng nghiên cứu thuần túy mà còn tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước. Chính vì thế, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ này không chỉ dừng ở việc nâng cao nhận thức chính trị cá nhân, mà còn nhằm bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm chính trị trong hoạt động tham mưu, tư vấn, phản biện khoa học. Mỗi kết quả nghiên cứu, mỗi kiến nghị khoa học, mỗi luận cứ chuyên môn do cán bộ của Viện đề xuất đều có thể tác động đến quá trình hoạch định chủ trương, chính sách ở tầm vĩ mô. Điều đó đòi hỏi đội ngũ này phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có quan điểm khoa học đúng đắn, khách quan nhưng đồng thời phải quán triệt sâu sắc lợi ích quốc gia – dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa trong hoạt động chuyên môn của mình.

Thứ năm, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện có tính đặc thù ở chỗ phải đặc biệt coi trọng tính nêu gương, tính tự giác và tự giáo dục. Với đội ngũ trí thức khoa học, hiệu quả giáo dục không thể chỉ dựa vào sự tác động từ bên ngoài, mà phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu tự nhận thức, tự rèn luyện, tự điều chỉnh của chính mỗi cá nhân. Cán bộ nghiên cứu khoa học là những người có năng lực tự học, tự nghiên cứu và thường làm việc trong môi trường đề cao tính độc lập sáng tạo. Vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng chỉ có thể đạt hiệu quả bền vững khi biết kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục của tổ chức với tự giáo dục của cá nhân; giữa yêu cầu, kỷ luật, định hướng chung với việc khơi dậy tinh thần tự giác, danh dự nghề nghiệp và trách nhiệm công dân của người làm khoa học. Ở đây, vai trò nêu gương của cấp ủy, người đứng đầu đơn vị, của các nhà khoa học đầu ngành, các cán bộ chủ chốt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi trong môi trường trí thức, sự thuyết phục bằng nhân cách, bằng uy tín học thuật và bằng thực tiễn hành động thường có sức lan tỏa sâu sắc hơn nhiều so với những lời tuyên truyền đơn thuần.

Thứ sáu, nét đặc thù của hoạt động này còn thể hiện ở yêu cầu phải gắn giáo dục chính trị, tư tưởng với xây dựng văn hóa khoa học và đạo đức nghề nghiệp. Đối với cán bộ nghiên cứu khoa học, bản lĩnh chính trị không chỉ biểu

hiện ở sự kiên định về lập trường tư tưởng, mà còn thể hiện trong thái độ trung thực khoa học, tinh thần khách quan, trách nhiệm với chân lý, ý thức tôn trọng chuẩn mực nghề nghiệp và lợi ích của quốc gia, cộng đồng. Do đó, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ này phải hướng mạnh vào việc bồi dưỡng văn hóa khoa học, đạo đức nghiên cứu, tinh thần hợp tác, ý thức trách nhiệm xã hội, chống các biểu hiện cơ hội trong nghiên cứu, chạy theo thành tích, sao chép học thuật, thương mại hóa cực đoan hoạt động khoa học hoặc tách rời nghiên cứu với yêu cầu phát triển đất nước. Đây là điểm rất riêng của giáo dục chính trị, tư tưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tóm lại, tính đặc thù của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam được quy định bởi chính đặc điểm của đội ngũ trí thức khoa học, bởi môi trường lao động trí tuệ chuyên sâu, bởi yêu cầu gắn chính trị với chuyên môn, gắn giáo dục tư tưởng với đạo đức nghề nghiệp và văn hóa khoa học, cũng như bởi vị trí chiến lược của Viện trong hệ thống khoa học – công nghệ quốc gia. Nhận thức đầy đủ những nét đặc thù đó là cơ sở quan trọng để xác định đúng nội dung, phương thức và giải pháp nâng cao chất lượng giáo, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện hiện nay.

2.2. Các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Cũng như các hoạt động giáo dục khác, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được cấu thành bởi các yếu tố cơ bản: chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục, nội dung giáo dục, phương thức và phương tiện giáo dục, cùng với kết quả giáo dục. Đây là những yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành chỉnh thể thống nhất, đồng thời là các căn cứ quan trọng để tổ chức thực hiện và đánh giá chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam.

2.2.1. Chủ thể của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Trên bình diện toàn xã hội, chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng là các cơ quan, tổ chức đại diện cho hệ tư tưởng của một giai cấp nhất định. Đối với

Đảng Cộng sản Việt Nam – đảng cầm quyền, giáo dục chính trị, tư tưởng là một nội dung cơ bản, thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng, nhằm truyền bá, củng cố và bảo vệ nền tảng tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng trong xã hội.

Trong các cơ quan, đơn vị nghiên cứu khoa học, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện thông qua nhiều loại chủ thể khác nhau, có vai trò, chức năng và mức độ tham gia không giống nhau, nhưng thống nhất trong mục tiêu chung. Cụ thể:

Thứ nhất, chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo. Chủ thể giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp đối với hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam là Đảng ủy Viện. Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương Đảng và các cơ quan chuyên trách, Đảng ủy Viện lãnh đạo, định hướng nội dung, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện.

Thứ hai, chủ thể tổ chức thực hiện ở các cấp. Căn cứ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Viện, đảng ủy, chi ủy và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Viện là các chủ thể trực tiếp tổ chức, triển khai hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học tại đơn vị mình theo sự phân công, phân nhiệm. Đây là lực lượng giữ vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa chủ trương, kế hoạch chung thành các hình thức, nội dung giáo dục phù hợp với đặc điểm từng đơn vị nghiên cứu.

Thứ ba, chủ thể chuyên trách và trực tiếp tham gia giáo dục. Chủ thể trực tiếp tiến hành hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng còn bao gồm cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác tuyên giáo; cán bộ phụ trách đơn vị; giảng viên lý luận chính trị cơ hữu hoặc thỉnh giảng. Các chủ thể này trực tiếp truyền đạt nội dung giáo dục, tổ chức sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thứ tư, chủ thể phối hợp. Các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị của Viện, như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác, đây là những chủ thể phối hợp quan trọng. Thông qua các phong trào, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội, nhân đạo, về nguồn..., các tổ chức này góp phần nâng cao

nhận thức chính trị, bồi dưỡng lý tưởng, củng cố niềm tin và trách nhiệm xã hội cho cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thứ năm, chủ thể tự giáo dục. Mỗi cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam đồng thời là chủ thể của quá trình tự giáo dục chính trị, tư tưởng. Với đặc điểm là đội ngũ trí thức trưởng thành, có trình độ chuyên môn cao, ý thức, trách nhiệm và tinh thần tự học tập, tự nghiên cứu của mỗi cán bộ có ý nghĩa quan trọng, thậm chí mang tính quyết định đối với kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng. Việc hình thành và phát huy ý thức tự giác, chủ động tham gia các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vì vậy là yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

2.2.2. Đối tượng của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Đối tượng của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện HLKH&CN Việt Nam là toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động trong Viện, được phân hóa theo vị trí, vai trò và chức trách công tác. Cụ thể, đối tượng giáo dục bao gồm: Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong Viện (gồm lãnh đạo Viện và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc); cán bộ trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học (đối tượng chủ yếu); cán bộ làm công tác phục vụ, hỗ trợ nghiên cứu trong các đơn vị trực thuộc; cùng toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Viện. Bên cạnh đó, đối tượng tuyên truyền, phổ biến nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng còn bao gồm đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong Viện, với nội dung và mức độ phù hợp. Việc xác định đối tượng giáo dục chính trị, tư tưởng một cách toàn diện là vấn đề mang tính nguyên tắc. Trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, Đảng bộ của Viện phải thường xuyên quan tâm đến việc truyền bá hệ tư tưởng, giáo dục chính trị, tư tưởng cho các tầng lớp trong cơ quan, đơn vị, qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, củng cố nền tảng tư tưởng và sự đồng thuận trong toàn Viện.

Trong các nhóm đối tượng nêu trên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Việc quan tâm, chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ này có ý nghĩa thiết thực, trực tiếp đối với hiệu quả chung của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện. Trách nhiệm tham gia các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng của cán bộ lãnh đạo, quản

lý không chỉ mang ý nghĩa cá nhân, mà còn có tác động lan tỏa, định hướng nhận thức, thái độ và hành vi của đội ngũ cán bộ, đảng viên cấp dưới. Trong lĩnh vực giáo dục chính trị, tư tưởng, người làm công tác giáo dục phải được giáo dục trước, người lãnh đạo phải gương mẫu trong học tập, nghiên cứu và vận dụng lý luận chính trị vào thực tiễn.

Sự cần thiết phải chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trong Viện còn xuất phát từ đặc điểm tính lặp lại tương đối của chương trình giáo dục lý luận chính trị ở các cấp độ (sơ cấp, trung cấp, cao cấp) theo mô hình “xoáy tròn ốc”. Thực tiễn cho thấy, điều này dễ dẫn đến tâm lý chủ quan, thỏa mãn, coi nhẹ việc học tập lý luận chính trị ở một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, cho rằng “đã học rồi”, “đã biết rồi”, mà chưa nhận thức đầy đủ rằng việc nâng cao tri thức lý luận chính trị là một quá trình liên tục, gắn liền với sự phát triển của khoa học và yêu cầu mới của thực tiễn. Do đó, việc tôn trọng, đề cao và thực hiện nghiêm túc hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam, đối tượng nghiên cứu trực tiếp của luận án, có những đặc thù riêng. Đây là đội ngũ trí thức có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, có tư duy khoa học, năng lực sáng tạo và khả năng đổi mới. Hoạt động nghiên cứu khoa học của họ thường mang tính cá nhân, tính độc lập tương đối cao, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận. Vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ này đòi hỏi phải lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp và cách tiếp cận phù hợp, tránh áp đặt, hành chính hóa, đồng thời tôn trọng tính độc lập, sáng tạo trong tư duy khoa học. Trên cơ sở đó, cần làm rõ những hạn chế, tác hại của các cách tiếp cận một chiều, máy móc, phiến diện trong nghiên cứu lý luận và khoa học chính trị, qua đó góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ trong Viện.

2.2.3. Nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam là bộ phận cấu thành của nội dung

giáo dục chính trị, tư tưởng nói chung của Đảng, được triển khai thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Về cơ bản, đó là hệ thống tri thức lý luận chính trị gồm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, cơ sở lý luận - thực tiễn của các chủ trương, chính sách của Nhà nước; các văn kiện đại hội Đảng; nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tuy nhiên, xuất phát từ yêu cầu, đặc điểm và phương thức tư duy của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học - lực lượng trí thức có trình độ chuyên môn cao, tư duy độc lập, sáng tạo, đòi hỏi nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cần được lựa chọn có trọng tâm, thể hiện linh hoạt, tránh trùng lặp, khuôn mẫu, sáo mòn, gắn chặt với thực tiễn nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học - công nghệ và yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trên cơ sở đó, nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

2.2.3.1. Giáo dục những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Giáo dục các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được triển khai thông qua các nội dung cốt lõi của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mục tiêu của nội dung giáo dục này không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức lý luận, mà quan trọng hơn là làm cho phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thấm sâu vào tư duy khoa học của cán bộ nghiên cứu, góp phần hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng, định hướng đúng đắn cho hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học, phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc và Nhân dân.

2.2.3.2. Giáo dục truyền thống chính trị của Đảng, của dân tộc và tiếp thu có chọn lọc các giá trị chính trị tiến bộ của nhân loại

Giáo dục chính trị, tư tưởng bao gồm giáo dục truyền thống chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống yêu nước và tinh thần dân tộc

được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong các giai đoạn cách mạng, mở ra các thời kỳ phát triển mới của đất nước, từ giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, đến mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và phồn vinh trong kỷ nguyên mới.

Trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội giữ vai trò trung tâm, chi phối đời sống chính trị - tinh thần của xã hội. Giáo dục truyền thống chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhằm bồi đắp lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội, khơi dậy khát vọng cống hiến trí tuệ khoa học cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Cùng với đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị chính trị tiên bộ của nhân loại là yêu cầu khách quan. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cần giúp họ có năng lực phân tích, đánh giá, tiếp nhận những giá trị phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, đồng thời kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, tránh sao chép, lai ghép hoặc phủ nhận các giá trị cốt lõi của con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

2.2.3.3. Giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước là nội dung trọng yếu của giáo dục chính trị, tư tưởng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, hình thành hệ thống quan điểm, đường lối về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thể chế hóa các quan điểm đó thành hệ thống chính sách và pháp luật, làm cơ sở quản lý xã hội và tổ chức thực tiễn. Giáo dục nội dung này giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhận thức đầy đủ mối quan hệ giữa khoa học - công nghệ với đường lối phát triển đất nước, bảo đảm hoạt động nghiên cứu khoa học đúng định hướng

chính trị, gắn với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

2.2.3.4. Cập nhật tình hình chính trị, thời sự; giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng, niềm tin chính trị

Trong bối cảnh thế giới và khu vực biến động nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, giáo dục tình hình chính trị, thời sự trong nước và quốc tế là nội dung không thể thiếu của giáo dục chính trị, tư tưởng. Việc kịp thời cung cấp thông tin chính thống, phân tích khoa học các vấn đề thời sự giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nâng cao khả năng nhận diện bản chất sự kiện, xu thế vận động của tình hình, tránh dao động, hoang mang trước các luồng thông tin đa chiều, phức tạp.

Cùng với đó, giáo dục lý tưởng chính trị, củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Giáo dục chính trị, tư tưởng cần thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo, quản lý, không né tránh khó khăn, nhưng trên cơ sở đó làm rõ bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn của mục tiêu xã hội chủ nghĩa; giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phân biệt đúng - sai, cái bản chất - cái hiện tượng, cái lâu dài - cái nhất thời, từ đó giữ vững niềm tin, bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của đất nước.

2.2.3.5. Giáo dục bản lĩnh chính trị, ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, bùng nổ thông tin và chuyển đổi số, các thế lực thù địch gia tăng hoạt động chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng với thủ đoạn ngày càng tinh vi. Vì vậy, giáo dục bản lĩnh chính trị, sự nhạy bén và ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nội dung có ý nghĩa cấp thiết đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Bản lĩnh chính trị được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng đắn, sâu sắc về lý tưởng chính trị, về tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Đối với cán bộ nghiên cứu khoa học, việc nâng cao bản lĩnh chính trị còn gắn với năng lực phản biện khoa học, khả năng lập luận chặt chẽ, đấu tranh bằng lý lẽ khoa học trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Giáo dục chính trị, tư tưởng đồng thời nhằm hình thành tính tích cực chính trị - xã hội, khắc phục thái độ thờ ơ với thời cuộc, chống chủ nghĩa thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội chính trị. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tăng cường sự gắn bó giữa đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học với Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

2.2.4. Phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được hiểu là tổng thể các phương pháp và hình thức tổ chức mà các chủ thể giáo dục sử dụng trong quá trình tác động nhằm truyền bá, định hướng và hình thành nhận thức, thái độ, niềm tin và hành vi chính trị cho đối tượng giáo dục. Phương thức giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, là cầu nối trực tiếp giữa nội dung giáo dục và kết quả giáo dục.

Phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng.

Phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng là hệ thống các cách thức, biện pháp được sử dụng để truyền đạt, trang bị tri thức chính trị - tư tưởng và định hướng nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng giáo dục. Xét về bản chất, phương pháp giáo dục là cách thức tác động qua lại giữa chủ thể giáo dục và đối tượng được giáo dục, trong đó chủ thể giáo dục giữ vai trò chủ đạo nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục đã xác định. Do đó, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng trước hết phải quán triệt đầy đủ các yêu cầu chung của phương pháp giáo dục nói chung, đồng thời phù hợp với đặc thù của nội dung chính trị - tư tưởng.

Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cần khuyến khích tính chủ động, tích cực và sáng tạo của người học, coi trọng việc phát huy năng lực tư duy độc lập, khả năng tự nghiên cứu và tự giác học tập. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, những người có trình độ học vấn cao, phương pháp tư duy khoa học và khả năng phản biện tốt thì yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng càng trở nên cấp thiết.

Theo đó, cần chuyển mạnh từ phương thức giảng dạy nặng về truyền thụ một chiều theo chủ đề sang giảng dạy theo chuyên đề, gắn lý luận với

thực tiễn, có tính khái quát cao nhưng đồng thời bảo đảm chiều sâu khoa học. Nội dung các chuyên đề cần tập trung vào những vấn đề lý luận và thực tiễn mới, mang tính “mở”, gắn với thực tiễn phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong tình hình mới. Cách tiếp cận này phù hợp với đặc điểm tư duy khoa học của cán bộ nghiên cứu, đồng thời góp phần nâng cao khả năng vận dụng lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở phương pháp giảng dạy theo chuyên đề, cần đặc biệt chú trọng phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Việc giáo dục chính trị, tư tưởng chỉ đạt hiệu quả bền vững khi người học có ý thức tự giác, tích cực trong học tập lý luận chính trị. Do đó, cần khuyến khích tư duy sáng tạo, tôn trọng sự khác biệt trong cách tiếp cận khoa học, đồng thời định hướng đúng đắn về lập trường, quan điểm chính trị. Bên cạnh phương pháp thuyết trình truyền thống, cần tăng cường kết hợp các phương pháp đối thoại, trao đổi học thuật, nêu gương, trực quan, gắn lý luận với thực tiễn, qua đó nâng cao tính thuyết phục và hiệu quả của giáo dục chính trị, tư tưởng.

Hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng.

Hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng là cách thức tổ chức và tiến hành hoạt động truyền bá và lĩnh hội nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng giữa chủ thể và đối tượng giáo dục. Về mặt tổ chức, hình thức giáo dục là sự bố trí, sắp xếp các yếu tố của hoạt động giáo dục thành một chỉnh thể thống nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể, nhằm phát huy hiệu quả cao nhất của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Hiện nay, trong Đảng và hệ thống chính trị nước ta, các hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng được triển khai tương đối đa dạng và ngày càng được đổi mới, bao gồm: tổ chức các lớp học tập lý luận chính trị theo hình thức tập trung hoặc tại chức cho từng nhóm đối tượng theo khung chương trình quy định; tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, nghị quyết các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, được thực hiện dưới hình thức hội nghị tập trung hoặc trực tuyến.

Bên cạnh đó, còn có các hình thức như tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề về những vấn đề lý luận và thực tiễn mới; tổ chức sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên môn gắn với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; tuyên truyền chính trị thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số, với sự kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến. Tùy theo nội dung giáo dục, điều kiện cụ thể và yêu cầu nhiệm vụ chính trị, các chủ thể giáo dục cần lựa chọn, vận dụng linh hoạt các hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả và thiết thực.

2.2.5. Phương tiện và điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Phương tiện và điều kiện bảo đảm là những yếu tố quan trọng, trực tiếp tác động đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Việc bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các phương tiện và điều kiện cần thiết không chỉ tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức, triển khai hoạt động giáo dục mà còn góp phần nâng cao tính thiết thực, hấp dẫn và sức thuyết phục của nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng.

Phương tiện giáo dục chính trị, tư tưởng.

Phương tiện giáo dục chính trị, tư tưởng bao gồm hệ thống các công cụ kỹ thuật, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho chủ thể và đối tượng giáo dục trong quá trình truyền đạt và tiếp nhận nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng. Các phương tiện này có vai trò hỗ trợ, tăng cường hiệu quả giao tiếp, tương tác và tiếp thu tri thức trong hoạt động giáo dục.

Cụ thể, phương tiện giáo dục chính trị, tư tưởng bao gồm các điều kiện vật chất cơ bản như: hội trường, phòng học, bàn ghế, bảng viết, tài liệu học tập; các phương tiện kỹ thuật như máy tính, hệ thống trình chiếu, âm thanh, ánh sáng; cùng với các trang thiết bị hiện đại như máy chiếu (projector), hệ thống truyền hình kỹ thuật số, nền tảng học tập trực tuyến, cơ sở dữ liệu số phục vụ nghiên cứu và học tập lý luận chính trị. Việc sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương tiện giáo dục, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, góp phần đổi mới phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, phù hợp với đặc điểm tư duy và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là tổng thể các điều kiện vật chất và tinh thần nhằm bảo đảm cho hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng được tiến hành một cách thường xuyên, có chất lượng và hiệu quả thực chất.

Về điều kiện vật chất, bao gồm hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy, học tập và nghiên cứu lý luận chính trị; các thiết chế phục vụ hoạt động trao đổi học thuật, thảo luận, sinh hoạt chính trị; nguồn lực tài chính và các chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ giảng viên, báo cáo viên và cán bộ tham gia học tập. Điều kiện vật chất đầy đủ, đồng bộ là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Về điều kiện tinh thần, trước hết là sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy đảng, lãnh đạo các cấp, đặc biệt là vai trò của lãnh đạo Viện đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nói chung và đối với từng chương trình, lớp học, hội nghị nghiên cứu, quán triệt nghị quyết nói riêng. Sự quan tâm này thể hiện ở nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng; ở việc bố trí thời gian, nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ tham gia học tập.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có đủ phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn và phương pháp sư phạm phù hợp với đặc điểm tư duy khoa học của cán bộ nghiên cứu khoa học là yếu tố tinh thần có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Giảng viên, báo cáo viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là nhân tố tạo động lực, khơi dậy hứng thú học tập, định hướng nhận thức và củng cố niềm tin chính trị cho người học.

Ngoài ra, môi trường và cơ chế giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện HLKH&CN Việt Nam vừa là kết quả của việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vừa là nhân tố tác động trực tiếp đến sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cơ quan, đơn vị. Môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, gắn kết giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Viện trong tình hình mới.

2.2.6. Kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ

Kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ được phản ánh thông qua sự chuyển biến toàn diện về nhận thức, thái độ, niềm tin chính trị và tính tích cực trong hành động thực tiễn của đội ngũ này. Đây là những tiêu chí cơ bản để đánh giá chất lượng và hiệu quả thực chất của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thứ nhất, về nhận thức, kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng được thể hiện ở sự nâng cao nhận thức lý luận chính trị của cán bộ nghiên cứu khoa học, trước hết là nhận thức ngày càng sâu sắc, có hệ thống về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng và những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Sự chuyển biến về nhận thức không chỉ dừng lại ở việc nắm bắt tri thức lý luận, mà còn thể hiện ở niềm tin vững chắc vào đường lối đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng và vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới. Trên cơ sở đó, hình thành ý chí, quyết tâm chính trị và động cơ đúng đắn trong việc thực hiện mục tiêu, lý tưởng cách mạng, gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thứ hai, về thái độ và niềm tin chính trị, kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng được biểu hiện ở sự quán triệt và vận dụng ngày càng tự giác phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là hệ thống lý luận khoa học, cách mạng mà còn là thế giới quan và phương pháp luận khoa học định hướng cho nhận thức và hành động thực tiễn. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, việc nắm vững và vận dụng đúng đắn phương pháp luận khoa học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp cho hoạt động nghiên cứu tránh được các khuynh hướng duy tâm, siêu hình, duy ý chí, giáo điều hoặc máy móc; đồng thời củng cố niềm tin khoa học, niềm tin chính trị và bản lĩnh tư tưởng trước những tác động phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế.

Thứ ba, về tính tích cực và hành động thực tiễn, kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng được thể hiện rõ qua những chuyển biến tích cực trong tham gia

các hoạt động chính trị, xã hội, hoạt động của cơ quan, đơn vị và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học là đề cao vai trò của năng lực cá nhân và phương pháp tư duy độc lập, do đó không ít trường hợp cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ chuyên sâu, có xu hướng tập trung thuần túy vào chuyên môn, ít quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua giáo dục chính trị, tư tưởng, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhận thức đầy đủ hơn về quy luật vận động của xã hội, về mối quan hệ giữa khoa học, công nghệ với phát triển đất nước, cũng như trách nhiệm xã hội của người trí thức. Từ đó, tính tích cực chính trị - xã hội được nâng cao, thể hiện ở sự chủ động, tự giác tham gia các hoạt động chung của cơ quan, đơn vị và cộng đồng xã hội.

Thứ tư, kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng còn được phản ánh tổng hợp trong hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, công tác tổ chức và công tác quần chúng của cơ quan, đơn vị. Nhận thức chính trị đúng đắn và niềm tin chính trị được củng cố là cơ sở để nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và thái độ cống hiến của mỗi cán bộ nghiên cứu khoa học. Điều này góp phần xây dựng tập thể cơ quan, đơn vị đoàn kết, vững mạnh; phát huy vai trò của Viện HLKH&CN Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển khoa học, công nghệ trong bối cảnh mới.

2.3. Những yếu tố tác động và sự cần thiết phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay

2.3.1. Những yếu tố tác động đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

2.3.1.1. Yếu tố khách quan

Thứ nhất, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại nhiều cơ hội phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới phương thức nghiên cứu và quản lý tri thức, đồng thời đặt ra những thách thức mới đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Sự cạnh tranh gay gắt về khoa học, công nghệ; các nguy cơ an

ninh phi truyền thống, an ninh mạng; nguy cơ “chảy máu chất xám”; sự tác động của môi trường số đến nhận thức, lối sống của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học... đòi hỏi phải đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng linh hoạt, hiện đại, phù hợp với đặc điểm của đội ngũ trí thức khoa học, công nghệ.

Thứ hai, tác động của xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tiếp cận tri thức và công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm gia tăng sự cạnh tranh, nguy cơ phụ thuộc về công nghệ, tác động của các giá trị, quan điểm, tư tưởng đa chiều, thậm chí trái chiều với nền tảng tư tưởng của Đảng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặt ra yêu cầu phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm củng cố bản lĩnh chính trị và khả năng “miễn dịch” trước các tác động tiêu cực.

Thứ ba, tác động của kinh tế thị trường và chiến lược “đổi mới hòa bình” của các thế lực thù địch.

Cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa tạo động lực phát triển, vừa nảy sinh những hệ lụy như chủ nghĩa thực dụng, đề cao lợi ích vật chất, coi nhẹ giá trị chính trị - xã hội. Bên cạnh đó, không gian mạng trở thành môi trường để các thế lực thù địch gia tăng chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, lan truyền thông tin xấu, độc, tác động tiêu cực đến nhận thức của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học - lực lượng thường xuyên sử dụng Internet và có nhiều quan hệ hợp tác quốc tế. Những yếu tố này làm gia tăng khó khăn cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thứ tư, tác động từ chiến lược phát triển khoa học, công nghệ của các nước lớn.

Cuộc cạnh tranh chiến lược về khoa học, công nghệ giữa các nước lớn tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với Việt Nam. Nguy cơ phụ thuộc công nghệ, rơi vào “bẫy công nghệ”, cũng như xu hướng “phi chính trị hóa” trong hoạt động khoa học có thể ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Điều này đặt ra yêu cầu phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu khoa học, công nghệ với mục tiêu chính trị, phát triển bền vững đất nước.

2.3.1.2. *Yếu tố chủ quan*

Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể.

Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực của các đoàn thể có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, ở một số đơn vị, công tác này chưa được coi trọng đúng mức, còn mang tính hình thức, phương pháp triển khai chậm đổi mới, chưa gắn chặt với thực tiễn nghiên cứu khoa học, làm giảm hiệu quả hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thứ hai, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên.

Đội ngũ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học phần lớn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản về nghiệp vụ; một bộ phận giảng viên, báo cáo viên chưa nắm vững đặc điểm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và đặc thù hoạt động khoa học, công nghệ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, sức thuyết phục của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thứ ba, đặc điểm đa dạng và chuyên sâu của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam rất đa dạng về lĩnh vực, chuyên ngành và trình độ chuyên môn sâu, phân tán về không gian, thời gian nghiên cứu. Đây là đặc điểm vừa tạo thuận lợi, vừa đặt ra khó khăn trong việc lựa chọn nội dung, phương thức và tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp, hiệu quả cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện .

Thứ tư, việc triển khai đường lối, chính sách phát triển khoa học, công nghệ.

Mặc dù Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn về phát triển khoa học, công nghệ, song quá trình triển khai còn những hạn chế về cơ chế, chính sách đãi ngộ, điều kiện làm việc, ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, qua đó tác động gián tiếp đến hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng.

2.3.2. Sự cần thiết phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, xuất phát từ bối cảnh mới của tình hình thế giới, khu vực và trong nước đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Những biến động nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo của tình hình thế giới, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các thách thức an ninh phi truyền thống, cùng với sự bùng nổ của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đã tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là lực lượng thường xuyên tiếp cận tri thức mới, môi trường học thuật quốc tế và không gian mạng, do đó các tác động này càng trở nên trực tiếp và đa chiều.

Trong bối cảnh đó, nếu không tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng một cách kịp thời, bài bản và phù hợp, rất dễ dẫn đến sự dao động về lập trường tư tưởng, sự phai nhạt lý tưởng chính trị hoặc tiếp nhận một cách thiếu chọn lọc các quan điểm, giá trị ngoại lai. Vì vậy, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là yêu cầu khách quan nhằm giúp họ có đủ bản lĩnh, trí tuệ và “sức đề kháng” tư tưởng để thích ứng và chủ động trước những biến động của tình hình mới.

Thứ hai, xuất phát từ vị trí, vai trò đặc biệt của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HKH&CN Việt Nam là lực lượng trí thức tinh hoa, giữ vai trò nòng cốt trong nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, tư vấn chính sách khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Kết quả nghiên cứu của họ không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn tác động trực tiếp đến hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước.

Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra không chỉ là trình độ chuyên môn cao mà còn là bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm xã hội sâu sắc và sự thống nhất giữa mục tiêu khoa học với mục tiêu chính trị. Tăng cường giáo

dục chính trị, tư tưởng là điều kiện quan trọng để bảo đảm đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vừa “hồng”, vừa “chuyên” trong giai đoạn phát triển mới.

Thực tiễn cho thấy, trình độ chuyên môn cao không tự động bảo đảm cho sự vững vàng về lập trường chính trị, tư tưởng. Trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng, một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học có thể nảy sinh tư tưởng coi nhẹ giáo dục chính trị, tư tưởng, xem đó là nội dung “phụ trợ” so với chuyên môn. Điều này, nếu không được định hướng và điều chỉnh kịp thời, có thể dẫn đến sự lệch chuẩn về nhận thức và hành động.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng chính là nhằm gắn kết chặt chẽ giữa “chuyên môn khoa học” với “định hướng chính trị”, giữa năng lực trí tuệ với phẩm chất đạo đức, qua đó xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ tư, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Khoa học, công nghệ ngày càng trở thành một mặt trận quan trọng trong đấu tranh tư tưởng. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng danh nghĩa “tự do học thuật”, “phi chính trị hóa khoa học” để phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tác động vào đội ngũ trí thức, trong đó có cán bộ nghiên cứu khoa học.

Trong bối cảnh đó, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ nhằm trang bị tri thức lý luận mà còn bồi dưỡng bản lĩnh, phương pháp và năng lực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngay từ lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Thứ năm, xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Giáo dục chính trị, tư tưởng có tác động trực tiếp đến tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, sự đoàn kết và thống nhất trong đội ngũ cán bộ

nghiên cứu khoa học. Khi nhận thức chính trị, niềm tin và lý tưởng được củng cố vững chắc, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học sẽ phát huy tốt hơn tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, hợp tác và cống hiến.

Do đó, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ là yêu cầu về mặt tư tưởng mà còn là giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, uy tín học thuật và vị thế của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong hệ thống khoa học quốc gia và quốc tế.

Tiểu kết Chương 2

Trong chương này, luận án đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam. Luận án đã làm rõ các khái niệm công cụ cơ bản như: chính trị, tư tưởng; hệ tư tưởng; tư tưởng chính trị; giáo dục chính trị, tư tưởng; qua đó làm rõ khái niệm trung tâm của luận án, đó là: giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Trên cơ sở đó, luận án đã phân tích một cách hệ thống các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, bao gồm: chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức, phương tiện, điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục. Đặc biệt, luận án đã phân tích 6 đặc điểm mang tính đặc thù của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam. Đây chính là cơ sở lý luận - khung lý thuyết quan trọng để tiến hành triển khai các nội dung tiếp theo của luận án.

Về phương diện thực tiễn, luận án đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của Viện HLKH&CN Việt Nam; phân tích những đặc điểm cơ bản của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện về trình độ chuyên môn, cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc, đặc điểm tư duy khoa học, động cơ nghề nghiệp và ý thức chính trị. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung, phương thức và hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện hiện nay.

Đồng thời, luận án đã phân tích các yếu tố tác động đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học với bốn yếu tố khách quan và bốn yếu tố chủ quan. Bên cạnh đó nêu và phân tích năm lý

do đề khẳng định sự cần thiết phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ này ở Viện Hàn lâm trong bối cảnh hiện nay.

Những kết quả nghiên cứu đạt được trong Chương này đã tạo lập nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc, làm cơ sở khoa học cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng ở Viện HLKH&CN Việt Nam trong Chương 3 và định hướng cho việc đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ở chương 4.

Chương 3

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Ưu điểm và nguyên nhân

3.1.1. Ưu điểm

Từ khi Viện HLKH&CN Việt Nam ra đời đến nay, trải qua 50 năm hình thành và phát triển, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện luôn được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Viện qua các thời kỳ quan tâm, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Trong 10 năm gần đây, thực hiện nghị quyết Đại hội XII và XIII của Đảng về đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện có những ưu điểm trên các mặt chủ yếu như sau:

3.1.1.1. Về chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Một là, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và lãnh đạo Viện, vai trò của các cấp ủy trực thuộc trong tổ chức thực hiện luôn được củng cố và được phát huy rõ nét trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Với vai trò là chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, Đảng ủy và lãnh đạo Viện luôn xác định công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là một bộ phận cấu thành quan trọng của công tác tư tưởng, là mặt hoạt động cơ bản của công tác đảng, công tác chính trị. Đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng tổ chức đảng, cơ quan vững mạnh về chính trị, làm nền tảng để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Viện. Chính vì vậy, Đảng bộ Viện luôn quan tâm sâu sát để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học của cả hệ thống: “Đảng bộ đã xây dựng kế hoạch thực hiện trong đó xác định việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình thành nhiệm vụ trọng tâm trong các kỳ họp chi bộ và tổng kết đơn vị hằng năm” [28, tr. 21].

Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhằm xây dựng phẩm chất, nhân cách, bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đồng thời trang bị cho họ thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn và niềm tin cộng sản trong hoạt động nghiên cứu. Qua đó, góp phần nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu phát triển Viện HLKH & CN Việt Nam trở thành cơ quan nghiên cứu khoa học hàng đầu cả nước.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Viện và cấp ủy các cấp, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đóng vai trò định hướng nhận thức, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Viện trước những vấn đề nhạy cảm; góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí “mẫu mực, tiêu biểu”; đồng thời nâng cao khả năng đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Viện (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch) là những cán bộ cấp chiến lược do Trung ương phân công nhiệm vụ, được tham gia nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của Đảng và trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện. Đảng ủy và lãnh đạo Viện đã thống nhất xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là các nghị quyết liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Viện và tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương. Việc triển khai được thực hiện thống nhất về nội dung, hình thức và thời gian trong toàn hệ thống Viện. Đại hội đại biểu Viện HLKH & CN Việt Nam lần thứ IX đã khẳng định: “Đảng ủy Viện Hàn Lâm và các cấp ủy trực thuộc đã đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức lãnh đạo, gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng để đạt được những bước tiến rõ rệt, góp phần quan trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, hiệu quả của Đảng đối với hoạt động của Viện Hàn lâm” [28, tr.28].

Cùng với đó, Đảng ủy và lãnh đạo Viện cũng rất chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặc

biệt là cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và cán bộ trong diện quy hoạch. Các lớp trung cấp, cao cấp lý luận chính trị được tổ chức theo hình thức tại chức, góp phần phổ cập và nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ. Bảng thống kê kết quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Viện từ 2015 đến 2025 đã chứng minh rõ điều đó.

BẢNG THỐNG KÊ

Kết quả đào tạo Lý luận chính trị giai đoạn 2015 – 2025

Năm	Nội dung đào tạo	
	Cao cấp lý luận chính trị	Trung cấp cấp lý luận chính trị
2015	21	0
2016	5	0
2017	10	0
2018	19	0
2019	32	0
2020	19	43
2021	8	57
2022	14	66
2023	15	61
2024	12	85
2025	16 (trong đó đã cử đi học 10 vc; 06 vc đã đăng ký và đang đợi thông báo của trường)	95 (trong đó đã cử đi học 94 vc; 01 vc đã đăng ký và đang đợi thông báo của trường)

Nguồn: Ban tổ chức – Cán bộ và Kiểm tra – Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Bên cạnh vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Viện còn phát huy tinh thần nêu gương trong thực tiễn công tác. Các đồng chí lãnh đạo cấp chiến lược luôn trực tiếp tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, phong trào thi đua và sinh hoạt tập thể của Viện. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò nêu gương của cán bộ – “cán bộ nào, phong trào nấy” – sự tham gia tích cực của họ đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện.

Đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc của Viện và đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở đã phát huy khá tốt chức năng, nhiệm vụ trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Thông qua hoạt động tham mưu, các chủ thể này đã góp phần cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng các cấp thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc điểm hoạt động nghiên cứu khoa học, giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học – công nghệ, đáp ứng yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn nghiên cứu.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy đánh giá của cán bộ, viên chức về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và lãnh đạo Viện trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Viện khá tích cực. Cụ thể: Đánh giá vai trò của Đảng ủy Viện Hàn lâm: 12% đánh giá là “rất tốt”, 41% đánh giá “tốt” và 30% đánh giá “bình thường”; Đánh giá về vai trò của Lãnh đạo Viện: 10% số người được hỏi đánh giá “rất tốt”, 42% đánh giá “tốt”, và 32% đánh giá “bình thường”.

Hai là, sự phối hợp giữa các chủ thể trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ngày càng hiệu quả.

Các chủ thể giữ vai trò phối hợp trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, tạo nên sự gắn kết đồng bộ trong toàn hệ thống. Trong đó, đội ngũ cán bộ tham mưu của Đảng ủy và lãnh đạo Viện như: Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức – Cán bộ và Kiểm tra, Văn phòng, Ban Kế hoạch – Tài chính, Ban Hợp tác quốc tế... đóng vai trò triển khai trực tiếp các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng. Các đơn vị này đã kịp thời tham mưu, tư vấn cho Đảng ủy và lãnh đạo Viện trong việc triển khai nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chính sách phát triển khoa học – công nghệ của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Qua đó, giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách khoa học – công nghệ, gắn lý luận với thực tiễn, từng bước đưa khoa học – công nghệ vào đời sống.

Đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở của Viện (gồm Viện trưởng, Phó Viện trưởng các viện nghiên cứu; Giám đốc, Phó Giám đốc các trung tâm; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường đại học...) cũng tích cực và chủ động tham gia vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Họ là cầu nối quan

trọng giữa lãnh đạo cấp chiến lược và đội ngũ cán bộ nghiên cứu, nhà khoa học; tạo nên sự đồng thuận trong thực thi chính sách, truyền tải hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng đến các nhà nghiên cứu. Đồng thời, họ còn góp phần mở rộng phạm vi hoạt động khoa học – công nghệ, gắn kết cơ sở nghiên cứu, nhà trường với thực tiễn sản xuất, doanh nghiệp và đời sống xã hội. Chính sự liên kết này đã góp phần đưa Viện từ một cơ quan nghiên cứu truyền thống trở thành trung tâm khoa học tầm khu vực và quốc tế.

Bên cạnh các chủ thể nội bộ, Đảng ủy và lãnh đạo Viện đã tranh thủ hiệu quả sự chỉ đạo, hỗ trợ từ các cơ quan lãnh đạo cấp trên như Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội. Đồng thời, Viện duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận như Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Báo chí và Tuyên truyền... nhằm tranh thủ nguồn lực về nội dung, giảng viên, báo cáo viên cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và các hoạt động nghiên cứu, quán triệt nghị quyết trong toàn Viện và các đơn vị trực thuộc.

Sự tham gia đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng của các chủ thể đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ khoa học – công nghệ, tạo ra chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ khoa học của Viện không chỉ vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ mà còn trưởng thành về bản lĩnh chính trị, lý luận, góp phần nâng cao vị thế, uy tín và thương hiệu của Viện. Họ từng bước hiện thực hóa yêu cầu “vừa hồng, vừa chuyên”, vừa giỏi nghiên cứu khoa học, vừa vững vàng về chính trị, tư tưởng.

Với việc phát huy có hiệu quả vai trò của các chủ thể, từ chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo đến chủ thể tổ chức thực hiện và các chủ thể phối hợp trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nên đã có tác động tích cực, rõ nét đến kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Viện trong nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Đảng bộ. Điển hình là: “Số lượng công trình khoa học của Viện công bố trên các tạp chí quốc tế tăng 73% so với nhiệm kỳ trước, hằng năm tăng 11,5% (vượt mức so với chỉ tiêu 10%/năm). Đặc biệt số công trình công bố trên các tạp chí quốc tế chất

lượng cao tăng 80% so với nhiệm kỳ trước (trung bình hằng năm tăng 12%), minh chứng cho sự nâng cao chất lượng trong nghiên cứu cơ bản” [28, Tr. 8]. Giáo sư, Tiến sĩ Trần Tuấn Anh, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam cho biết: “Chỉ trong 5 năm, Viện công bố hơn 12.000 công trình khoa học, trong đó có 8.400 bài quốc tế, tăng 73% so với giai đoạn trước. Sáu tạp chí khoa học của Viện được vào danh mục Web of Science và Scopus, trung bình mỗi tiến sĩ có gần hai công trình đạt chuẩn ISI. Các kết quả này cho thấy định hướng của Viện là gắn nghiên cứu cơ bản gắn liền với ứng dụng thực tiễn, tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế-xã hội. Đây cũng là tiêu chí quan trọng trong việc xét duyệt đề tài, nhằm bảo đảm nguồn lực nghiên cứu được tập trung và không bị dàn trải” [106].

3.1.1.2. Về nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Một là, nội dung giáo dục các nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được coi trọng, bảo đảm tính hệ thống, tính tư tưởng và định hướng chính trị.

Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nội dung cốt lõi, giữ vai trò nền tảng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn và định hướng giá trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Thực tiễn tại Viện HLKH&CN Việt Nam cho thấy, nội dung này luôn được Đảng ủy và lãnh đạo Viện xác định là trọng tâm xuyên suốt trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Viện không chỉ chú trọng truyền đạt các nguyên lý lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn tập trung làm rõ những nội dung mới, những luận điểm phát triển sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới, nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu lý luận về việc giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn với thực tiễn cách mạng Việt Nam, tránh giáo điều, máy móc, đồng thời làm nổi bật tính khoa học, cách mạng và sáng tạo của nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thông qua nội dung giáo dục này, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học từng bước được củng cố nhận thức về tính đúng đắn, khoa học của đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; từ đó hình thành và củng cố niềm tin chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội của nhà khoa học. Việc quán triệt các nguyên lý lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần định hướng cho cán bộ nghiên cứu khoa học xác định đúng mục tiêu, động cơ và trách nhiệm của hoạt động nghiên cứu, gắn nghiên cứu khoa học và công nghệ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ nhân dân và phát triển đất nước.

Để nâng cao chất lượng giáo dục các nội dung lý luận nền tảng, Đảng ủy Viện HLKH&CN Việt Nam đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thông qua các chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị và các lớp bồi dưỡng chuyên đề theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương. Việc tổ chức các lớp học ngay tại Viện, đồng thời cử cán bộ tham gia đào tạo tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các học viện khu vực đã góp phần nâng cao mặt bằng trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Đặc biệt, trong những năm gần đây, việc triển khai các chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được tổ chức tương đối đồng bộ, với nhiều hình thức sinh động, phù hợp với đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Các hội nghị, lớp học chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức rộng rãi, với sự tham gia của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có trình độ, phương pháp trình bày khoa học, hấp dẫn, qua đó tạo được sự quan tâm, hưởng ứng tích cực của cán bộ nghiên cứu khoa học và đảng viên trong toàn Viện.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, nội dung giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đánh giá khá tích cực. Cụ thể, có 25% số người được hỏi đánh giá ở mức “rất tốt”, 31% đánh giá ở mức “tốt”, tổng cộng 54% ý kiến đánh giá tích cực đối với nội dung giáo dục này. Đây là minh chứng thực tiễn cho thấy ưu điểm nổi bật trong việc lựa chọn và triển khai nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng mang tính nền tảng tại Viện HLKH&CN Việt Nam.

Hai là, nội dung giáo dục truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng và dân tộc, tri thức chính trị của nhân loại được chú trọng, góp phần bồi dưỡng lý tưởng, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Giáo dục truyền thống cách mạng và trang bị tri thức chính trị là nội dung quan trọng của giáo dục chính trị, tư tưởng, có vai trò bồi dưỡng lý tưởng, củng cố niềm tin chính trị, hình thành bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của chủ thể giáo dục. Thực tiễn tại Viện HLKH&CN Việt Nam cho thấy, nội dung giáo dục này được Đảng ủy và lãnh đạo Viện quan tâm, triển khai tương đối thường xuyên và gắn với đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của Viện, của đất nước, báo cáo chuyên đề,...

Trên cơ sở kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh anh dũng của dân tộc và của Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác giáo dục truyền thống tại Viện tập trung làm rõ giá trị của chủ nghĩa yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ và khát vọng phát triển đất nước. Nội dung giáo dục không dừng lại ở việc tái hiện lịch sử đấu tranh cách mạng, mà được gắn với việc liên hệ, soi chiếu trách nhiệm của mỗi cán bộ nghiên cứu khoa học trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Qua đó, giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhận thức sâu sắc hơn vai trò, sứ mệnh của khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, hiện đại vào năm 2045.

Đảng ủy và lãnh đạo Viện HLKH&CN Việt Nam nhận thức rõ rằng, giáo dục truyền thống yêu nước và tinh thần dân tộc cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không thể tách rời hoạt động chuyên môn. Vì vậy, Viện đã chú trọng kết hợp nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng với việc tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ khoa học – công nghệ cụ thể, bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức chính trị và hành động nghề nghiệp của cán bộ nghiên cứu khoa học. Đây là biểu hiện phù hợp với yêu cầu lý luận về việc gắn giáo dục chính trị, tư tưởng với thực tiễn hoạt động của đối tượng giáo dục.

Trong thực tiễn, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện đã tích cực tham gia nghiên cứu, giải quyết nhiều vấn đề khoa học – công nghệ lớn, có ý nghĩa chính trị – xã hội sâu sắc, như nghiên cứu nguyên nhân và đề xuất

giải pháp xử lý các sự cố môi trường nghiêm trọng; nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia; tham gia các dự án khoa học phục vụ chính sách xã hội và nhân đạo. Việc tham gia giải quyết những vấn đề này không chỉ thể hiện năng lực chuyên môn, mà còn phản ánh sự chuyển hóa tích cực của nội dung giáo dục truyền thống và trách nhiệm chính trị thành hành động cụ thể trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh giáo dục truyền thống cách mạng, nội dung trang bị tri thức chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cũng được Viện quan tâm. Xuất phát từ đặc thù nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học – công nghệ, Viện đã chú trọng bổ sung các tri thức chính trị học cơ bản, giúp cán bộ nghiên cứu khoa học nâng cao hiểu biết về tình hình chính trị trong nước và thế giới, về các vấn đề toàn cầu có liên quan trực tiếp đến khoa học, công nghệ và phát triển bền vững. Việc tăng cường nội dung này góp phần mở rộng tầm nhìn chính trị, nâng cao khả năng nhận diện, phân tích các vấn đề chính trị – xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Khi về thăm Viện vào dịp đầu xuân 2026, Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định “Hiện nay, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là xu thế tất yếu, lựa chọn mang tính chiến lược, ưu tiên hàng đầu trong đầu tư; là chìa khóa mở ra cánh cửa phát triển đột phá, động lực quan trọng phát triển kinh tế nhanh, bền vững của các quốc gia. Đảng, Nhà nước, Chính phủ xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là nền tảng, mà còn là động lực chính, lực lượng sản xuất trực tiếp để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước. Trong tiến trình đó, vai trò của những nhà nghiên cứu khoa học công nghệ là lực lượng tiên phong; đặc biệt, Viện Hàn lâm chính là "pháo đài" quan trọng của tri thức, nơi kết tinh chất xám và sự sáng tạo vô tận của con người Việt Nam” [107].

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, nội dung giáo dục về truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng và dân tộc, cũng như tri thức chính trị của nhân loại, được đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đánh giá khá tích cực. Cụ thể, có 23% số người được hỏi đánh giá ở mức “rất tốt”, 35% đánh giá ở mức “tốt”, tổng cộng 58% ý kiến đánh giá tích cực đối với nội dung giáo dục này. Đây là cơ sở thực tiễn cho thấy ưu điểm rõ nét trong việc lựa

chọn và triển khai nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm bồi dưỡng lý tưởng, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm xã hội cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện.

Ba là, nội dung giáo dục lý tưởng chính trị, củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo được tiến hành thường xuyên, góp phần giữ vững bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Giáo dục lý tưởng chính trị và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là nội dung cốt lõi của giáo dục chính trị, tư tưởng, có ý nghĩa định hướng lâu dài đối với nhận thức, thái độ và hành vi của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Đây cũng là nội dung có tính nhạy cảm, chịu tác động trực tiếp từ những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm gần đây, trước những biến động nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, cùng với tác động của cơ chế thị trường và sự cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực khoa học – công nghệ chất lượng cao, một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam chịu ảnh hưởng nhất định về tâm tư, nguyện vọng, trong đó có hiện tượng dịch chuyển nhân lực khoa học sang khu vực ngoài nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài. Những tác động này, ở một mức độ nhất định, đã đặt ra thách thức đối với việc củng cố niềm tin chính trị và sự gắn bó lâu dài của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học với Viện và với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề, Đảng ủy Viện HLKH&CN Việt Nam đã tăng cường nội dung giáo dục lý tưởng chính trị, niềm tin vào mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, coi đây là nội dung trọng tâm trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Nội dung giáo dục không chỉ tập trung khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và tính đúng đắn của đường lối đổi mới, mà còn chú trọng làm rõ ý nghĩa, giá trị và triển vọng của sự nghiệp phát triển khoa học – công nghệ gắn với chiến lược phát triển đất nước, qua đó giúp cán bộ nghiên cứu khoa học nhận thức sâu sắc hơn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích của Viện và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Cùng với việc giáo dục bằng lý luận, Đảng ủy và lãnh đạo Viện đã quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc, cơ chế quản lý và ghi nhận đóng góp của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong khả năng của Viện, góp phần củng cố niềm tin của họ vào sự quan tâm, đồng hành của tổ chức đảng và lãnh đạo Viện. Sự kết hợp giữa giáo dục lý tưởng chính trị với chăm lo đời sống tinh thần, điều kiện làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp đã tạo tác động tích cực, giúp nhiều cán bộ nghiên cứu khoa học tiếp tục gắn bó, cống hiến và phát huy năng lực trong các hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ của Viện.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, nội dung giáo dục lý tưởng chính trị, niềm tin và bản lĩnh chính trị được đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đánh giá tương đối tích cực. Cụ thể, có 30% số người được hỏi đánh giá ở mức “rất tốt”, 29% đánh giá ở mức “tốt”, tổng cộng 59% ý kiến đánh giá tích cực đối với nội dung giáo dục này. Những kết quả này phản ánh ưu điểm rõ nét trong việc lựa chọn và triển khai nội dung giáo dục lý tưởng chính trị tại Viện HLKH&CN Việt Nam, đồng thời cho thấy đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh mới.

Bốn là, nội dung giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thời sự trong nước và quốc tế luôn đáp ứng kịp thời nhu cầu của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Nội dung giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với giáo dục tình hình thời sự trong nước và quốc tế tại Viện HLKH&CN Việt Nam được triển khai tương đối kịp thời, phù hợp với nhu cầu nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Thông qua việc cập nhật thường xuyên các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những vấn đề thời sự nổi bật trong nước, quốc tế, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã góp phần định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin chính trị và nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện. Vì vậy: “Qua các lần kiểm tra, giám sát của các ban đảng ở Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, đảng bộ Viện

đều được đánh giá cao trong việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là việc triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII” [27, 13].

Đảng ủy và Lãnh đạo Viện HLKH&CN Việt Nam đã quan tâm chỉ đạo lồng ghép nội dung giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với việc phân tích tình hình thời sự trong nước và quốc tế trong các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, sinh hoạt chính trị định kỳ và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Cách làm này giúp cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ nắm vững các quan điểm, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, mà còn hiểu rõ bối cảnh chính trị – kinh tế – xã hội trong nước và quốc tế, từ đó có khả năng tiếp cận, đánh giá các vấn đề thời sự một cách khách quan, khoa học.

Việc cung cấp thông tin chính thống, có định hướng, kịp thời đã góp phần khắc phục tình trạng giáo dục chính trị, tư tưởng mang tính lý thuyết, xa rời thực tiễn; đồng thời đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học – những người có trình độ tư duy khoa học cao, thường xuyên tiếp cận các luồng thông tin đa chiều trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Qua đó, giúp hạn chế các biểu hiện mơ hồ về chính trị, dao động về tư tưởng trước những biến động phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, trả lời câu hỏi đánh giá về nội dung giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thời sự trong nước và quốc tế, có 34% số người được hỏi đánh giá ở mức độ rất tốt, 37% đánh giá ở mức độ tốt; tổng cộng 71% ý kiến đánh giá tốt. Điều này phản ánh rằng nội dung giáo dục nêu trên cơ bản đã đáp ứng kịp thời nhu cầu nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay.

Nhằm là, nội dung giáo dục bản lĩnh chính trị, ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng luôn được coi trọng, góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác và trách nhiệm chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Giáo dục bản lĩnh chính trị, ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một trong những nội dung được Viện HLKH&CN Việt Nam đặc biệt quan tâm. Thực hiện sự chỉ

đạo của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, và nay là Đảng ủy Chính phủ, Viện đã tổ chức quán triệt nghiêm túc Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; coi đây là nội dung trọng tâm trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thông qua các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, Viện chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tính tích cực chính trị – xã hội, tinh thần cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và bùng nổ thông tin hiện nay. Qua đó, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân và trách nhiệm của nhà khoa học đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực tiễn cho thấy, nhiều cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện đã chủ động gắn hoạt động chuyên môn với nhiệm vụ chính trị, đề xuất các hướng nghiên cứu, giải pháp khoa học – công nghệ phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc. Trong thời gian qua, Viện HLKH&CN Việt Nam đã triển khai và chuyển giao nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao trong các lĩnh vực như: năng lượng sạch, vật liệu mới, an ninh – quốc phòng, nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người... Qua đó, thể hiện rõ vai trò của khoa học – công nghệ trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng những sản phẩm, kết quả cụ thể, thiết thực [102].

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, trả lời câu hỏi đánh giá về nội dung giáo dục ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, có 18% số người được hỏi đánh giá ở mức độ rất tốt, 35% đánh giá ở mức độ tốt; tổng cộng 53% ý kiến đánh giá tốt. Điều này cho thấy nội dung giáo dục này đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, song vẫn còn dư địa để tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả trong thời gian tới.

3.1.1.3. Về phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam bao gồm hệ thống các phương

pháp và hình thức giáo dục được sử dụng nhằm chuyển tải nội dung giáo dục một cách hiệu quả. Trong những năm qua, cùng với yêu cầu đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh tình hình mới, Viện đã thường xuyên quan tâm đổi mới phương thức giáo dục theo hướng kế thừa những phương pháp, hình thức truyền thống, đồng thời bổ sung các yếu tố hiện đại, phù hợp với đặc thù lao động khoa học của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, qua đó từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Thực tiễn nhiệm kỳ IX của Đảng bộ Viện đã cho thấy: “Chương trình, nội dung, cách thức tổ chức hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp được thực hiện phong phú; đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng theo hướng mở rộng đối tượng tham gia, hình thức linh hoạt, phù hợp, tăng cường hội nghị chuyên đề...” [28, tr.29].

Về phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, Viện HLKH&CN Việt Nam triển khai trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương pháp truyền thống và phương pháp mới. Trong tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, phương pháp thuyết trình vẫn giữ vai trò chủ đạo, được thực hiện thông qua các hội nghị trực tiếp và trực tuyến, kết hợp với trình chiếu, trao đổi, giải đáp thắc mắc tại hội nghị hoặc sau hội nghị. Hình thức hội nghị trực tuyến ngày càng được mở rộng, đặc biệt phù hợp với đặc thù công tác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thường xuyên làm việc tại nhiều địa phương khác nhau.

Đảng ủy Viện đã chủ trương tổ chức linh hoạt các điểm cầu học tập, kết hợp học tập tập trung với học tập qua mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ nghiên cứu khoa học tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng. Đồng thời, công tác quản lý, đánh giá kết quả học tập cũng được chú trọng hơn thông qua việc yêu cầu viết thu hoạch, lưu hồ sơ phục vụ công tác đánh giá, nhận xét cán bộ, qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tự giác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong học tập chính trị.

Bên cạnh đó, Viện tiếp tục duy trì phương pháp giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn như tổ chức cho cán bộ nghiên cứu khoa học đi thực tế, tham quan, học tập kinh nghiệm tại cơ sở; tổ chức các buổi nói chuyện, thông báo thời sự định kỳ. Trước yêu cầu ngày càng cao của đội ngũ cán bộ nghiên cứu – những người có trình độ chuyên môn cao, khả năng tiếp cận thông tin đa chiều – Đảng ủy Viện đã chú trọng đổi mới phương pháp tổ chức các buổi

nói chuyện thời sự theo hướng không chỉ cung cấp thông tin, mà tập trung phân tích, lý giải bản chất, nguyên nhân và xu hướng vận động của các vấn đề thời sự trong nước và quốc tế. Trong đó, bên cạnh phương pháp thuyết trình, Viện tăng cường các hình thức đối thoại, thảo luận, trao đổi hai chiều, qua đó nâng cao tính thuyết phục và hiệu quả giáo dục.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, đánh giá của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học về phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện khá tích cực: 27% số người được hỏi đánh giá ở mức “rất tốt”, 25% đánh giá ở mức “tốt”, tổng cộng có 52% ý kiến đánh giá tích cực. Kết quả này phản ánh những nỗ lực đổi mới phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện bước đầu đã đáp ứng yêu cầu và nhu cầu nhận thức của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay.

Về hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng, Viện HLKH&CN Việt Nam triển khai đa dạng các hình thức giáo dục, bảo đảm tính đồng bộ và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các hình thức chủ yếu bao gồm: tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của Đảng; tổ chức hoặc gửi đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; tổ chức các hội nghị thông báo tình hình thời sự trong nước và quốc tế; tổ chức các hoạt động chính trị – xã hội theo chủ đề gắn với các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn của đất nước; tổ chức các hội thi tìm hiểu về chính trị, tư tưởng trong toàn Viện và tại các đơn vị trực thuộc.

Trong đó, hình thức tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của Đảng được Đảng ủy Viện đặc biệt coi trọng và triển khai nghiêm túc. Ngay sau các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc hoặc Hội nghị Trung ương, Đảng ủy Viện kịp thời tổ chức thông báo kết quả hội nghị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, do đồng chí Chủ tịch Viện – Ủy viên Trung ương Đảng – trực tiếp truyền đạt. Trên cơ sở đó, Đảng ủy xây dựng kế hoạch quán triệt nghị quyết theo từng nhóm đối tượng cụ thể, bảo đảm đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được trang bị đầy đủ những nội dung cốt lõi của nghị quyết gắn với nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của Viện.

Cùng với đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại chức tiếp tục là điểm mạnh trong phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng của Viện. Trong những năm gần đây, Viện đã chủ động cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại các trường đảng thuộc hệ thống học viện

chính trị; đồng thời phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các đối tượng kết nạp Đảng, đảng viên mới, cấp ủy cơ sở theo chương trình thống nhất của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có trình độ cao, giàu kinh nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng các lớp học.

Bên cạnh đó, hình thức thông báo tình hình thời sự định kỳ được duy trì nền nếp, với nội dung cập nhật, có định hướng chính trị rõ ràng, do các báo cáo viên có uy tín đảm nhiệm, giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nắm bắt kịp thời tình hình trong nước và quốc tế, củng cố nhận thức và bản lĩnh chính trị.

Theo kết quả điều tra xã hội học, có 25% số người được hỏi đánh giá hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện ở mức “rất tốt”, 34% đánh giá “tốt”, tổng cộng có 59% ý kiến đánh giá tích cực. Điều đó cho thấy các hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng mà Viện đang triển khai về cơ bản phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và trình độ của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học hiện nay.

3.1.1.5. Về phương tiện giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Phương tiện giáo dục và các điều kiện bảo đảm là yếu tố quan trọng, tác động trực tiếp đến hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong những năm gần đây, cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và quá trình phát triển kinh tế – xã hội, hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện HLKH&CN Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, ngày càng được đầu tư đồng bộ, hiện đại và đa dạng hơn.

Thứ nhất, về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục chính trị, tư tưởng. Toàn hệ thống Viện hiện có nhiều hội trường, phòng họp lớn, nhỏ được đầu tư nâng cấp, bảo đảm các điều kiện cần thiết về không gian, ánh sáng, âm thanh và các thiết bị trình chiếu hiện đại. Hệ thống máy chiếu, màn hình LED, thiết bị âm thanh, thu – phát tín hiệu trực tuyến đã góp phần nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt chính trị, báo cáo chuyên đề, hội nghị, hội thảo và lớp học lý luận chính trị. Các trang thiết bị này không chỉ phục vụ hiệu quả hình thức học tập trung mà còn hỗ trợ tích cực cho việc tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến, phù hợp với đặc thù lao động khoa học phân tán về không gian và thời gian.

Thứ hai, về phương tiện kỹ thuật và hạ tầng công nghệ thông tin. Viện HLKH&CN Việt Nam đã xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tương đối đồng bộ, với mạng nội bộ kết nối đến hầu hết các đơn vị thành viên. Các nền tảng quản lý, điều hành, tổ chức hội nghị trực tuyến và lưu trữ tài liệu học tập được triển khai rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng linh hoạt, tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận nội dung học tập của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, về các điều kiện bảo đảm vật chất và hậu cần. Các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục như an ninh, trật tự, vệ sinh, nước uống, chỗ để xe, không gian nghỉ giữa giờ cho giảng viên, báo cáo viên và người học cơ bản được bảo đảm đầy đủ. Sự quan tâm đến công tác tổ chức và hậu cần đã góp phần tạo môi trường học tập nghiêm túc, thuận lợi, qua đó nâng cao hiệu quả tiếp thu nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thứ tư, về khả năng khai thác và sử dụng các phương tiện, điều kiện hiện có. Mặc dù hệ thống phương tiện giáo dục ngày càng được đầu tư, song hiệu quả sử dụng phụ thuộc lớn vào năng lực của đội ngũ tổ chức, giảng dạy và báo cáo viên. Nhận thức được điều đó, Đảng ủy và lãnh đạo Viện đã chú trọng bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện trình chiếu và phương pháp truyền đạt hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ năm, về nguồn tài liệu phục vụ giáo dục chính trị, tư tưởng. Viện chủ động cập nhật và cung cấp các tài liệu chính trị quan trọng, gồm văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết Trung ương, tài liệu thời sự trong nước và quốc tế, các chuyên đề lý luận - thực tiễn do các cơ quan có thẩm quyền biên soạn. Đây là nguồn tư liệu cơ bản, chính thống, góp phần bảo đảm tính khoa học, tính định hướng và tính thống nhất trong nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Nhìn chung, phương tiện giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay đã tương đối đầy đủ, từng bước hiện đại hóa và đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả cao hơn, cần tiếp tục gắn việc

đầu tư phương tiện với nâng cao năng lực tổ chức, giảng dạy và đổi mới phương pháp giáo dục, nhằm lan tỏa sâu sắc hơn các giá trị chính trị, tư tưởng tới đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học – lực lượng nòng cốt của nền khoa học và công nghệ nước ta. Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ Viện đánh giá: “Trong nhiệm kỳ vừa qua, Đảng ủy và Lãnh đạo Viện Hàn lâm đã tập trung chỉ đạo, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường trang thiết bị,...Nhiều đơn vị trực thuộc Viện đã có cơ sở hạ tầng khang trang hơn, trang thiết bị làm việc và nghiên cứu được nâng cấp, đảm bảo điều kiện làm việc tốt hơn trước” [28, tr.16]. Nhờ đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Viện ngày càng thuận lợi và hiệu quả.

3.1.1.5. Về kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Nhìn chung, trong những năm qua, Viện HLKH&CN Việt Nam đã triển khai tương đối đồng bộ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học theo sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với điều kiện và đặc thù hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện. Kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng được thể hiện tập trung trên ba phương diện cơ bản: nhận thức, thái độ – niềm tin và hành động thực tiễn.

Một là, nhận thức chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học có những chuyển biến tích cực.

Thông qua hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, nhận thức lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được nâng lên rõ rệt, góp phần củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn phát triển mới, về chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển khoa học, công nghệ ngày càng thống nhất, tạo sự đồng thuận về tư tưởng trong toàn Viện.

Giáo dục chính trị, tư tưởng cũng góp phần thúc đẩy tư duy sáng tạo khoa học độc lập, giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu yên tâm công tác, gắn bó với Viện, hạn chế tác động tiêu cực từ những yếu tố bên ngoài, nhất là sự lôi kéo về vật chất. Việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm xã hội đã góp phần hình thành hệ sinh thái khoa học gắn kết giữa Nhà nước – nhà

khoa học – nhân dân, phục vụ trực tiếp cho sự phát triển khoa học, công nghệ quốc gia.

Đồng thời, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu không chỉ vững vàng về chuyên môn mà còn có hiểu biết cơ bản về chính trị, nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ; từng bước đổi mới tư duy nghiên cứu từ mục tiêu phục vụ trước mắt sang mục tiêu nâng cao vị thế khoa học và công nghệ của Việt Nam trên trường quốc tế; tăng cường tinh thần tự lực, tự cường và bản lĩnh chính trị trong nghiên cứu khoa học. Báo cáo chính trị của Đảng ủy Viện HLKH & CN Việt Nam tại Đại hội đảng bộ lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 – 2030 đã khẳng định: “Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được chú trọng và tăng cường, đạt nhiều kết quả thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ Viện và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đngr” [28 tr 19]

Kết quả khảo sát cho thấy, có 21% ý kiến đánh giá rất tốt, 34% đánh giá tốt; tổng số 55% đánh giá tích cực về nội dung này.

Hai là, thái độ và niềm tin chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được củng cố và phát triển.

Giáo dục chính trị, tư tưởng đã góp phần làm sâu sắc thêm niềm tin của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vào mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn với phát triển khoa học và công nghệ. Các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, giáo dục, thi đua yêu nước từng bước được thấm nhuần, trở thành động lực tinh thần thúc đẩy cán bộ nghiên cứu dấn thân, cống hiến vì sự nghiệp chung.

Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu có thêm cơ sở lý luận khi tham gia xây dựng chính sách khoa học và công nghệ, vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử vào hoạt động nghiên cứu và thực tiễn quản lý khoa học; từng bước hình thành đội ngũ cán bộ khoa học “vừa hồng, vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị, có năng lực chuyên môn và tinh thần hội nhập quốc tế “hòa nhập nhưng không hòa tan”.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 23% ý kiến đánh giá rất tốt, 35% đánh giá tốt; tổng số 58% đánh giá tích cực về nội dung này.

Ba là, hành động tích cực, tự giác trong hoạt động nghiên cứu khoa học tiếp tục được hình thành và phát triển.

Những chuyển biến về nhận thức và thái độ đã được cụ thể hóa bằng các kết quả thực tiễn trong hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạch định chính sách và tham gia các nhiệm vụ chính trị – xã hội của Viện. Viện HLKH&CN Việt Nam ngày càng khẳng định uy tín khoa học thông qua số lượng và chất lượng công bố khoa học, sáng chế, phát hiện mới; phạm vi và lĩnh vực nghiên cứu được mở rộng, đa dạng hơn, không chỉ tập trung vào các ngành khoa học truyền thống. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Viện HLKH & CN Việt Nam lần thứ IX đã khẳng định: “Cho đến thời điểm này, tình hình chính trị, tư tưởng của cán bộ đảng viên trong Đảng bộ Viện Hàn lâm luôn ổn định, đóng góp nhiều giải pháp thiết thực nhằm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, đặc biệt là về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng triển khai công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao” [28, tr. 20].

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng góp phần nâng cao vai trò của Viện trong tham mưu chính sách khoa học, tổ chức các sự kiện khoa học quốc gia và quốc tế, thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, gắn khoa học với phát triển kinh tế – xã hội, an sinh xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, giáo dục chính trị, tư tưởng còn hỗ trợ tích cực cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học trẻ phát triển toàn diện, vững về lý luận, giỏi về chuyên môn.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 22% ý kiến đánh giá rất tốt, 32% đánh giá tốt; tổng số 54% đánh giá tích cực về hành động tích cực, tự giác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Từ những chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ và hành động, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam, tạo động lực tinh thần để cán bộ yên tâm công tác, phấn đấu và cống hiến cho sự phát triển bền vững của Viện và của nền khoa học, công nghệ nước ta.

Những thay đổi tích cực về nhận thức, thái độ và hành vi của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện do công tác giáo dục chính trị, tư tưởng mang lại, đã tác động mạnh mẽ, hiệu quả đến kết quả hoàn thành các nhiệm

vụ chính trị của Viện trong những năm qua. Trong đó đặc biệt phải kể đến đó là việc thực hiện tinh giảm bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18 – NQ/TW Khóa XII của Đảng: “Kết quả trong cả nhiệm kỳ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã giảm được 23 đơn vị, tương ứng giảm 48,93% số đơn vị trực thuộc (vượt 38,93% so với chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 263 – NQ/ĐU ngày 20/6/2022). Các đơn vị trong toàn hệ thống của Viện đã giảm 205 trên tổng số 483 đơn vị cấp phòng, tương ứng giảm 42,44% (vượt 32,44% so với chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 263 – NQ/ĐU)” [28, tr.18]. Hoặc việc phát triển khoa học, công nghệ: Trong giai đoạn 2021 đến 2024, Viện HLKH&CN Việt Nam đã làm chủ 30 công nghệ tiên tiến, công nghệ lõi, công nghệ nguồn. Số lượng bằng sở hữu trí tuệ tăng 52% so với giai đoạn trước, trung bình 9%/năm. Viện cũng đã hình thành trên 20 nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản của Viện (mỗi thành viên hàng năm công bố tối thiểu 2 công trình trên các tạp chí quốc tế uy tín hoặc 1 công trình trên các tạp chí ISI uy tín; nhóm ứng dụng triển khai với tiêu chí 1 bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích/năm) [102, tr.12]. Theo thống kê của Viện HLKH&CN Việt Nam (1/2023), trong giai đoạn 2015-2022, số lượng đề tài của viện thực hiện chiếm 20% tổng số đề tài quốc gia được duyệt, bao gồm 8 lĩnh vực đó là: toán học, máy tính, khoa học máy tính, vật lý, hóa học, khoa học trái đất, sinh học nông nghiệp, y học, cơ học.... [102, tr.13].

Những kết quả về thực hiện tinh giảm bộ máy và nghiên cứu khoa học, công nghệ nêu trên có sự đóng góp của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Nhận thức mới trong lĩnh vực chính trị tư tưởng đã là động lực, là sức mạnh và niềm tin để cán bộ yên tâm công tác, phấn đấu và cống hiến cho sự phát triển Viện HLKH&CN Việt Nam.

Trả lời câu hỏi về ý thức tự nghiên cứu, tu dưỡng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam trong những năm qua, đã có 18 % trả lời là rất tốt; 33 % người được hỏi trả lời là tốt; tổng là 51 % đánh giá là tốt trở lên. Đây là một kết quả rất đáng tự hào của Viện, bởi lĩnh vực tinh giảm bộ máy tác động trực tiếp đến lợi ích vật chất và tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Viện. Nếu không làm tốt công tác chính trị, tư tưởng thì rất khó để đạt được những kết quả tích cực trong nghiên cứu khoa học và công nghệ của Viện.

3.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

3.1.2.1. Những nguyên nhân khách quan

Một là, tác động tích cực từ môi trường chính trị - pháp lý và định hướng phát triển khoa học, công nghệ của Đảng và Nhà nước.

Việc triển khai quán triệt đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; các văn bản luật và dưới luật của Quốc hội, Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ quốc gia đã tạo ra môi trường chính trị – pháp lý ổn định, thống nhất, có định hướng rõ ràng cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây vừa là nội dung, vừa là điều kiện khách quan quan trọng giúp công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam được triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa yêu cầu chính trị với hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Hai là, sự thống nhất giữa nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng với đường lối, chủ trương phát triển khoa học, công nghệ trong thời kỳ đổi mới.

Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện được đặt trong tổng thể việc quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, như Luật Khoa học và Công nghệ; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030... Qua đó, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không mang tính hình thức, tách rời thực tiễn, mà hướng tới mục tiêu chung là phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ, đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh: “Mọi hoạt động nghiên cứu khoa học phải bắt nguồn từ những đòi hỏi mà sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của chúng ta đang cần”.

Ba là, tác động của bối cảnh quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện được triển khai trong bối cảnh Đảng ta sớm nhận diện và ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Những định hướng này đã góp phần nâng cao vị thế quốc gia, thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác quốc tế [75, tr.3], tạo điều kiện để Viện HLKH&CN Việt Nam triển khai nhiều dự án nghiên cứu, hợp tác khoa học - công nghệ trong và ngoài nước. Những thành tựu khoa học, công nghệ đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và

đầu tư của Nhà nước đã trực tiếp tạo nền tảng thuận lợi cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện đạt hiệu quả cao hơn.

Bốn là, chủ trương, chiến lược phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao của Đảng và Nhà nước.

Chiến lược thu hút, phát triển nhân tài khoa học, cùng với các kế hoạch nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ trí thức, nhà khoa học trong thời kỳ mới đã tạo ra điều kiện và lợi thế quan trọng để Viện HLKH&CN Việt Nam phát triển các dự án khoa học - công nghệ quy mô lớn, mang tầm quốc gia. Đây là nguyên nhân khách quan quan trọng giúp Viện tiếp tục giữ vai trò đơn vị đi đầu cả nước về nghiên cứu khoa học, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được triển khai hiệu quả, bền vững.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, tác động của tình hình trong nước được đánh giá cao hơn so với tác động của tình hình thế giới đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện: có 65% ý kiến cho rằng tình hình trong nước tác động quan trọng, trong khi tỷ lệ này đối với tình hình thế giới là 41%. Điều này phản ánh vai trò quyết định của môi trường chính trị – xã hội trong nước đối với hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện.

Có thể thấy rằng, trong bối cảnh môi trường chính trị – pháp lý ổn định, sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo nhất quán của Đảng và Nhà nước đối với phát triển khoa học, công nghệ và xây dựng đội ngũ trí thức, cùng với những thuận lợi từ quá trình hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã tạo ra những điều kiện khách quan quan trọng, làm nền tảng thuận lợi cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đạt được những kết quả tích cực trong thời gian qua. Tuy nhiên, để các điều kiện khách quan đó thực sự phát huy hiệu quả, yếu tố quyết định vẫn là các nguyên nhân chủ quan từ sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và ý thức tham gia của các chủ thể trong Viện.

3.1.2.2. Những nguyên nhân chủ quan

Một là, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy và đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Viện.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh “cán bộ tốt thì phong trào tốt”, Đảng ủy và lãnh đạo Viện HLKH&CN Việt Nam đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện và tham gia vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Đây là nguyên nhân chủ quan có tính quyết định, góp phần tạo nên những kết quả tích cực trong giáo dục chính trị, tư tưởng, giúp Viện từng bước thực hiện mục tiêu trở thành trung tâm khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp khu vực vào năm 2030 và quốc tế vào năm 2045 [102, tr.26].

Hai là, vai trò chủ động, tích cực của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học – đối tượng trực tiếp nội dung của giáo dục chính trị, tư tưởng.

Đội ngũ lãnh đạo các viện, trung tâm và cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Viện. Việc hình thành các tổ, nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn quốc gia và quốc tế [102, tr.11] không chỉ nâng cao năng lực khoa học, mà còn góp phần củng cố ý thức chính trị, trách nhiệm xã hội và sự gắn bó của cán bộ nghiên cứu khoa học đối với sự nghiệp chung của Viện và đất nước.

Ba là, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng khoa học – công nghệ ngày càng hiện đại.

Việc thực hiện thành công Đề án phát triển hệ thống hạ tầng khoa học – công nghệ của Viện giai đoạn 2012 – 2020, tầm nhìn 2025 đã tạo ra môi trường nghiên cứu hiện đại, đồng bộ [102, tr.11]. Những điều kiện này không chỉ phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, mà còn hỗ trợ hiệu quả cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là trong việc tổ chức các hoạt động học tập, quán triệt nghị quyết, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng hiện đại, linh hoạt.

Bốn là, sự gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với các chương trình phát triển khoa học – công nghệ trọng điểm của Viện.

Việc triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực mũi nhọn giai đoạn 2020–2030, tầm nhìn 2045 đã góp phần hiện thực hóa tư tưởng độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường về khoa học – công nghệ mà Đảng đề ra. Quá trình này đã làm sâu sắc thêm nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng, đặc biệt là giáo dục ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến và tinh thần phụng sự Tổ quốc của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Năm là, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “làm chủ tập thể về khoa học, công nghệ” trong thực tiễn hoạt động của Viện.

Thông qua việc đưa tư tưởng này vào đời sống nghiên cứu khoa học, Viện đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vừa hồng, vừa chuyên, nâng cao đồng thời phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn. Các hoạt động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai nghiêm túc, bài bản [26], trở thành nguồn động lực nội sinh quan trọng nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

Kết quả khảo sát cho thấy, các yếu tố chủ quan được đánh giá có tác động mạnh đến kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng, trong đó nổi bật là chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học (72%) và chủ trương, chính sách phát triển khoa học – công nghệ của Đảng và Nhà nước (53%). Điều đó đã khẳng định vai trò then chốt của các yếu tố chủ quan trong việc phát huy ưu điểm của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện HLKH&CN Việt Nam.

Như vậy, các nguyên nhân khách quan và chủ quan nêu trên đã góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu và vị thế ngày càng được khẳng định của Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian qua. Những yếu tố này không chỉ tạo nền tảng thuận lợi thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ trong Viện, mà còn góp phần tăng cường hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ. Qua đó, từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Viện HLKH&CN Việt Nam trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ có uy tín, đạt tầm khu vực và quốc tế trong tương lai.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, thành tựu, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ của Viện HLKH&CN Việt Nam cũng vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể như sau:

3.2.1.1. Về chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Thứ nhất, vai trò của các chủ thể trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam

còn có nơi, có lúc chưa được phát huy đầy đủ và toàn diện. Một số chủ thể, bao gồm cả một bộ phận cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Viện và các đơn vị trực thuộc, chưa thực hiện thật sự nghiêm túc trách nhiệm tham gia và trực tiếp chỉ đạo các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng do Viện tổ chức. Vai trò nêu gương, làm trước của cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị còn mờ nhạt, chưa thực sự rõ nét. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là trong bối cảnh Đảng ta đang đẩy mạnh yêu cầu nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Thứ hai, quá trình truyền đạt nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên là cán bộ chủ chốt của Viện và các đơn vị trực thuộc có ưu thế về hiểu biết thực tiễn hoạt động của Viện, song còn hạn chế về kỹ năng, kinh nghiệm truyền đạt các nội dung lý luận chính trị mới, chuyên sâu; phương pháp trình bày, cách thức giới thiệu, phân tích nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa thật sự sinh động, thuyết phục. Trong khi đó, đội ngũ giảng viên, báo cáo viên mời ngoài có thế mạnh về kiến thức lý luận và phương pháp truyền đạt, nhưng đôi khi còn xa rời thực tiễn đặc thù của Viện, do chưa nắm vững đặc điểm, yêu cầu và trình độ chuyên môn sâu của đối tượng người học là đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Việc kết hợp giảng viên, báo cáo viên tại chỗ với giảng viên, báo cáo viên mời ngoài đã phần nào khắc phục được hạn chế này, tuy nhiên trên thực tế, việc lựa chọn phương án tối ưu vẫn gặp không ít khó khăn do các điều kiện khách quan.

Thứ ba, vẫn còn tồn tại tình trạng chưa đồng nhất trong nhận thức, tư duy lý luận chính trị của một bộ phận cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong Viện. Có trường hợp cán bộ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ nghiên cứu khoa học nhưng chưa thật vững vàng về lý luận chính trị; ngược lại, có cán bộ nắm chắc lý luận nhưng lại hạn chế trong việc vận dụng vào thực tiễn hoạt động khoa học – công nghệ. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng, làm giảm sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong môi trường giáo dục chính trị, tư tưởng của Viện. Mặc dù hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đã bước đầu quan tâm đến vấn đề này, song các giải pháp khắc phục chưa thật sự hiệu quả; nội dung truyền đạt đôi khi còn lặp lại những vấn đề đã quen thuộc, hoặc sử dụng nhiều khái niệm trừu tượng, khó hiểu đối với người nghe.

Thứ tư, còn có sự khác biệt nhất định trong nhận thức lý luận chính trị giữa một bộ phận cán bộ của Viện HLKH&CN Việt Nam với các cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị bên ngoài. Sự khác biệt này phần nào xuất phát từ tính chất, nội dung hoạt động rất khác nhau giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học – công nghệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị; mối quan hệ giữa các bên chủ yếu mang tính hành chính, trong khi sự liên thông, trao đổi học thuật về khoa học lý luận chính trị còn hạn chế và mang tính độc lập tương đối. Bên cạnh đó, một số chủ thể tham gia hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện còn thiếu năng lực chuyên sâu về lĩnh vực này, vẫn tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp cũ, cách làm cũ, nội dung cũ, dẫn đến tình trạng lối mòn, làm phát sinh những “độ vênh” trong nhận thức, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng. Đại hội đại biểu Đảng bộ Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam lần thứ IX (2025) đánh giá: “Một số cấp ủy và cán bộ phụ trách công tác đảng chưa đầu tư nhiều công sức, thời gian và còn thiếu kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, đặc biệt trong bối cảnh phần lớn cán bộ phụ trách công tác đảng hoạt động kiêm nhiệm” [28, tr. 32].

Kết quả khảo sát đánh giá về vai trò của các chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam cho thấy vẫn còn gần 50% số người được hỏi đánh giá ở mức bình thường, chưa tốt và khó trả lời. Cụ thể: đối với Đảng ủy Viện Hàn lâm, có 47% đánh giá ở mức bình thường, chưa tốt và khó trả lời; đối với cấp ủy các đơn vị trực thuộc, có 48% đánh giá ở mức bình thường, chưa tốt và khó trả lời; đối với các tổ chức đoàn thể, có 49% đánh giá ở mức bình thường, chưa tốt và khó trả lời; đối với ý thức tự nghiên cứu, tự học tập chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, có 49% số người được hỏi trả lời ở mức bình thường, chưa tốt và khó trả lời.

Những kết quả trên cho thấy, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả của công tác này. Do đó, Viện HLKH&CN Việt Nam cần tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần nêu gương của các chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng, đồng thời nâng cao ý thức chủ động, tự giác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong giai đoạn tới.

3.2.1.2. Về nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Thứ nhất, nội dung giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng chưa được triển khai một cách thường xuyên, đồng bộ trong toàn bộ các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Trên thực tế, nội dung này chủ yếu được tập trung trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo chương trình quy định, trong khi ở nhiều hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng khác của Viện như sinh hoạt chuyên đề, hội nghị, hội thảo, thông báo thời sự..., việc lồng ghép, nhấn mạnh nền tảng tư tưởng của Đảng còn mờ nhạt. Điều này dẫn đến tình trạng nội dung giáo dục mang tính phân tách, chưa hình thành được sự xuyên suốt, liên tục giữa các hình thức giáo dục.

Bên cạnh đó, trong một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học vẫn tồn tại tâm lý chủ quan cho rằng các nội dung về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng là “đã biết”, “đã học”, từ đó làm giảm hứng thú tiếp nhận các nội dung mới, các luận điểm phát triển, vận dụng sáng tạo phù hợp với bối cảnh khoa học - công nghệ hiện đại. Nội dung giáo dục vì vậy chưa phát huy đầy đủ giá trị phương pháp luận và khả năng định hướng tư duy khoa học, tư duy chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Thứ hai, nội dung giáo dục về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học - công nghệ chưa được cụ thể hóa sâu sắc gắn với đặc thù hoạt động nghiên cứu của Viện.

Mặc dù các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội XII, XIII đã xác định khoa học - công nghệ là động lực then chốt của phát triển đất nước, song việc chuyển tải các quan điểm này vào nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học còn mang tính khái quát, chưa làm rõ được yêu cầu chính trị – tư tưởng đặt ra đối với từng lĩnh vực nghiên cứu cụ thể. Do đó, nhiều cán bộ nghiên cứu khoa học chưa nhận thức đầy đủ mối quan hệ hữu cơ giữa nhiệm vụ chuyên môn với yêu cầu thực hiện đường lối, chủ trương phát triển khoa học – công nghệ của Đảng và Nhà nước. Nội dung giáo dục vì vậy chưa thực sự trở thành “cầu nối” giữa định hướng chính trị với hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong thực tiễn. Đây cũng là một trong những hạn chế của công tác xây dựng

Đảng mà Đại hội lần thứ XIV của Đảng đã chỉ ra: “Trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức. Việc thể chế hóa một số nghị quyết, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước chưa đầy đủ, kịp thời... Việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có lúc, có nơi còn xơ cứng, giáo điều, thậm chí có nơi chưa thực sự coi trọng, làm cho hiệu quả chưa đạt như mong muốn” [25, tr. 165].

Thứ ba, nội dung giáo dục về tình hình thời sự trong nước và quốc tế còn thiên về cung cấp thông tin, chưa chú trọng phân tích chiều sâu chính trị, tư tưởng.

Trong các buổi thông báo, nói chuyện thời sự, nội dung thường tập trung vào các sự kiện nổi bật, các vấn đề “nóng” trong nước và quốc tế, nhưng chưa dành nhiều thời lượng để phân tích bản chất, nguyên nhân, xu hướng phát triển của các sự kiện đó dưới góc nhìn chính trị, tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta. Việc liên hệ, làm rõ quan điểm, lập trường, đường lối đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế phức tạp, nhiều biến động còn hạn chế.

Chính điều đó khiến cho nội dung giáo dục thời sự chưa thực sự góp phần củng cố niềm tin chính trị, nâng cao khả năng “tự đề kháng” tư tưởng và năng lực nhận diện, phân biệt đúng – sai cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là trong môi trường thông tin đa chiều, phức tạp hiện nay.

Thứ tư, nội dung giáo dục về bản lĩnh chính trị, ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chưa được triển khai đồng đều, chưa có chiều sâu.

Mặc dù nội dung này đã được Viện quan tâm triển khai theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị, song trong thực tế, việc giáo dục kỹ năng, phương pháp đấu tranh tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Nội dung giáo dục chủ yếu dừng lại ở việc quán triệt chủ trương, nghị quyết, chưa chú trọng trang bị cho cán bộ nghiên cứu khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đời sống xã hội.

Trong bối cảnh đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thường xuyên tiếp cận thông tin quốc tế, học thuật đa chiều, nếu nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng không đủ sâu, không gắn với thực tiễn nghiên cứu thì rất khó phát huy vai trò chủ động, tích cực của họ trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ năm, nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng chưa gắn chặt với việc định hướng sử dụng, phát huy các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung giáo dục còn thiếu những phân tích, định hướng cụ thể về mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học – công nghệ với các chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, địa phương, vùng miền, bộ, ngành. Việc gắn kết các sản phẩm nghiên cứu khoa học của Viện với yêu cầu thực tiễn phát triển, với nhiệm vụ chính trị của đất nước chưa được phản ánh rõ nét trong nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng. Do đó, giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thực sự tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học chủ động tham gia giải quyết các vấn đề lớn của đất nước, cũng như thu hút, huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học – công nghệ. Những năm qua, bên cạnh những thành tựu, sự kết nối chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm sau nghiên cứu của Viện còn hạn chế, hiệu quả chưa tương xứng. Tiến sĩ Nguyễn Trần Điện, Phó trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ của Viện cho biết: “Nguyên nhân là hợp đồng chuyển giao công nghệ còn quá ít, chỉ có 2/36 đơn vị có hợp đồng. Doanh nghiệp thường chỉ đặt hàng theo dịch vụ, ít tham gia đối ứng, đồng hành quá trình nghiên cứu. Không chỉ khó khăn nội tại, những rào cản thể chế cũng khiến việc ứng dụng khoa học, công nghệ bị chậm lại. Cùng với đó, chính sách pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện nay còn chùng chèo, thiếu đồng bộ” [106].

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Viện Hàn lâm nhiệm kỳ 2020 – 2025 đánh giá: Đảng bộ “chưa phát huy hết năng lực đội ngũ cán bộ khoa học của Viện trong nhiệm vụ tư vấn chính sách, đổi mới sáng tạo, tiếp nhận tri thức khoa học khoa học, công nghệ mới và tham gia đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [27, tr. 24]. Chính vì vậy Viện đang tìm cách khắc phục hạn chế này. “Giáo sư, Tiến sĩ Chu Hoàng Hà, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm khẳng định, điểm mới hiện nay không chỉ dừng ở kế hoạch hành động, mà còn là các mô hình sáng tạo biến nghiên cứu thành động lực phát triển. Viện đang định hướng xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; khuyến khích hình thành doanh nghiệp spin-off từ các viện nghiên cứu; triển khai chương trình “Mỗi viện gắn với một doanh nghiệp” để thử nghiệm, thương mại hóa và nhân rộng công nghệ” [106].

Mục tiêu mà Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị Khóa XIII đặt ra đến năm 2030 là Việt Nam có “Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân”, đồng thời xây dựng các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng. Xuất phát từ yêu cầu đó, đồng thời để khắc phục những hạn chế đang tồn tại, Viện xác định phải vừa nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế, vừa có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài. Ưu tiên đầu tư cho trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R&D; đồng thời sớm ban hành cơ chế đặc thù để thu hút chuyên gia trong nước và nước ngoài, tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cùng môi trường làm việc thuận lợi cho các nhà khoa học phát huy năng lực...” [106].

Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy, vẫn còn trên 40% số người được hỏi đánh giá nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng ở mức bình thường, chưa tốt hoặc khó trả lời, trong đó tập trung nhiều vào các nội dung chưa đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học và nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Điều đó cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện trong thời gian tới.

3.2.1.3. Về phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Trong thời gian qua, mặc dù công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện HLKH&CN Việt Nam đã có những đổi mới nhất định về nội dung và cách thức tổ chức, song phương thức giáo dục vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế. Những hạn chế này thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, phương pháp giáo dục vẫn nặng về truyền thống, chậm đổi mới theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.

Trong thực tiễn, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng vẫn chủ yếu dựa vào hình thức thuyết giảng một chiều, theo mô hình “người dạy truyền đạt – người học tiếp nhận”, ít tạo điều kiện cho trao đổi, phản biện, thảo luận

học thuật. Nội dung truyền đạt còn thiên về lý thuyết, thiếu các dẫn chứng thực tiễn sinh động, chưa khai thác hiệu quả những vấn đề đặt ra ngay trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện để làm rõ ý nghĩa, giá trị của giáo dục chính trị, tư tưởng.

Cách thức giáo dục này không chỉ làm giảm sức hấp dẫn của nội dung học tập, mà còn chưa phù hợp với đặc điểm tư duy khoa học, tư duy phản biện và yêu cầu sáng tạo cao của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Do đó, hiệu quả tiếp nhận và chuyển hóa nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng thành nhận thức, thái độ và hành vi chính trị tích cực của một bộ phận cán bộ nghiên cứu còn hạn chế.

Thứ hai, hình thức tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thực sự đa dạng, thiếu tính linh hoạt và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu, điều kiện của các nhóm đối tượng.

Mặc dù Viện đã có những nỗ lực đổi mới như gửi trước tài liệu, đề cương nghiên cứu, tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm trao đổi, song các hình thức này chưa được triển khai thường xuyên, chưa trở thành phương thức phổ biến và ổn định. Nhiều hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng vẫn mang tính hành chính, hình thức, chưa tạo được môi trường học tập mở, khuyến khích sự tham gia tích cực, chủ động của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Đặc biệt, các hình thức giáo dục chưa được thiết kế phù hợp với đặc thù của đội ngũ trí thức khoa học có trình độ chuyên môn cao, làm việc trong môi trường nghiên cứu chuyên sâu, có nhu cầu tiếp cận thông tin linh hoạt, đa chiều và gắn với thực tiễn nghiên cứu. Điều này làm cho một bộ phận cán bộ nghiên cứu chưa thực sự thấy rõ ý nghĩa, giá trị thiết thực của các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đối với công việc chuyên môn của mình.

Thứ ba, phương thức giáo dục chưa làm nổi bật được mối liên hệ chặt chẽ giữa nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng với thực tiễn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của Viện.

Việc tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng còn thiếu sự gắn kết hữu cơ giữa lý luận chính trị với thực tiễn hoạt động khoa học – công nghệ, chưa phản ánh đầy đủ những yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh đổi mới sáng tạo, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Nhiều nội dung giáo dục còn mang tính khái quát, chung chung, chưa đi sâu

phân tích những vấn đề cụ thể mà đội ngũ cán bộ nghiên cứu đang trực tiếp đối mặt như đạo đức khoa học, trách nhiệm xã hội của nhà khoa học, tác động của cơ chế thị trường và hợp tác quốc tế đến bản lĩnh chính trị, tư tưởng của cán bộ nghiên cứu.

Do đó, khả năng vận dụng các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học và hoạt động hợp tác quốc tế của một bộ phận cán bộ nghiên cứu còn hạn chế, chưa tạo được sự thống nhất giữa nhận thức chính trị và hành động chuyên môn.

Thứ tư, hiệu quả của một số phương thức giáo dục còn thấp trong bối cảnh cạnh tranh thông tin và đa dạng hóa các kênh tiếp nhận thông tin hiện nay.

Trong điều kiện bùng nổ thông tin, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và các nền tảng truyền thông số, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thường xuyên tiếp cận nhiều luồng thông tin đa chiều, trong đó có cả những thông tin trái chiều, sai lệch. Tuy nhiên, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện chưa theo kịp sự thay đổi này, còn thiếu các hình thức truyền tải hiện đại, linh hoạt, có khả năng cạnh tranh về tính hấp dẫn, tính thuyết phục và tốc độ lan tỏa.

Khi nội dung và phương thức giáo dục chưa gắn chặt với những vấn đề thiết thực, những mối quan tâm cụ thể và lý tưởng sống của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, mức độ ảnh hưởng của giáo dục chính trị, tư tưởng vì thế bị suy giảm, chưa tạo được sức đề kháng tư tưởng vững chắc trước các tác động tiêu cực từ môi trường thông tin phức tạp hiện nay.

Kết quả khảo sát cho thấy, khi đánh giá về phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam thời gian qua, có tới 48% số người được hỏi đánh giá ở mức chưa tích cực, trong đó 34% cho rằng ở mức bình thường, 7% đánh giá chưa tốt và 7% cho biết khó trả lời. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng cho thấy yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện là vấn đề mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

3.2.1.4. Phương tiện và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng

Trong những năm qua, Viện HLKH&CN Việt Nam đã quan tâm đầu tư từng bước cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ

ngiên cứu khoa học, song trên thực tế, phương tiện và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động này vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế hiện nay. Những hạn chế đó thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau:

Một là, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng còn thiếu, chưa đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức giáo dục.

Tại nhiều đơn vị trực thuộc Viện, điều kiện về phòng họp, phòng sinh hoạt chuyên đề, hội trường chuyên dùng cho các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Nhiều không gian sinh hoạt chưa được thiết kế phù hợp cho các hình thức giáo dục mới như thảo luận nhóm, tọa đàm chuyên đề, đối thoại học thuật, dẫn đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng chủ yếu mang tính hình thức, hành chính.

Bên cạnh đó, hệ thống trang thiết bị hỗ trợ như máy chiếu, thiết bị trình chiếu hiện đại, hệ thống âm thanh, đường truyền Internet tốc độ cao chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt tại các đơn vị nghiên cứu ở xa trung tâm. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng truyền đạt nội dung, khả năng tương tác hai chiều và hiệu quả tiếp nhận thông tin chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Hai là, hệ thống tài liệu phục vụ giáo dục chính trị, tư tưởng còn nghèo nàn, thiếu tính chuyên sâu và chậm được cập nhật.

Nguồn tài liệu phục vụ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay chủ yếu vẫn là các văn bản nghị quyết, chỉ thị, tài liệu tuyên truyền theo lối truyền thống, mang tính phổ quát, chưa được biên soạn, lựa chọn hoặc chú giải phù hợp với đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học có trình độ chuyên môn cao. Nhiều tài liệu còn nặng về thông tin một chiều, thiếu phân tích lý luận – thực tiễn, chưa gợi mở được những vấn đề mới, những yêu cầu đặt ra đối với bản lĩnh chính trị, đạo đức khoa học và trách nhiệm xã hội của nhà khoa học trong bối cảnh hiện nay.

Đáng chú ý, việc số hóa tài liệu, xây dựng kho học liệu điện tử phục vụ giáo dục chính trị, tư tưởng còn chậm, gây khó khăn cho cán bộ nghiên cứu trong việc tiếp cận, tra cứu và học tập linh hoạt, nhất là trong điều kiện làm

việc phân tán, thường xuyên tham gia các hoạt động nghiên cứu, hợp tác trong và ngoài nước.

Ba là, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục chính trị, tư tưởng còn hạn chế, chưa được triển khai một cách bài bản và hiệu quả.

Mặc dù Viện là trung tâm nghiên cứu khoa học – công nghệ hàng đầu của cả nước, song việc ứng dụng các nền tảng số, phần mềm quản lý học tập, lớp học trực tuyến, diễn đàn trao đổi học thuật có định hướng chính trị – tư tưởng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn rất hạn chế. Nhiều hoạt động giáo dục vẫn chủ yếu được tổ chức theo phương thức trực tiếp truyền thống, thiếu sự hỗ trợ của các công cụ công nghệ hiện đại.

Trong khi đó, đặc thù lao động của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là lịch làm việc không cố định, phân tán theo dự án, đề tài và địa bàn nghiên cứu. Việc chưa khai thác hiệu quả các hình thức giáo dục trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến (blended learning) đã làm giảm khả năng tiếp cận, mở rộng và duy trì thường xuyên các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ này.

Bốn là, các điều kiện bảo đảm về kinh phí, thời gian và cơ chế khuyến khích chưa được quan tâm đúng mức.

Kinh phí dành cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn hạn chế, chưa được bố trí ổn định và chưa có cơ chế tài chính riêng, lâu dài cho việc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu chuyên sâu, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn hoặc mời các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín tham gia giảng dạy, trao đổi. Điều này làm cho nhiều hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng khó triển khai theo chiều sâu và thiếu tính bền vững.

Bên cạnh đó, do áp lực lớn từ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, thời gian dành cho các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng của cán bộ nghiên cứu khoa học thường bị thu hẹp, thậm chí bị xem là nhiệm vụ phụ. Đồng thời, cơ chế đánh giá, ghi nhận và khen thưởng đối với những cá nhân tích cực học tập, rèn luyện và có kết quả tốt trong giáo dục chính trị, tư tưởng còn thiếu rõ ràng, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để đội ngũ cán bộ nghiên cứu chủ động, tự giác tham gia các hoạt động này.

Những hạn chế về phương tiện và điều kiện bảo đảm nêu trên đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư

tương cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện HLKH&CN Việt Nam, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có những giải pháp đồng bộ, căn cơ nhằm khắc phục trong thời gian tới.

3.2.1.5. Về kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Trên thực tế, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện HLKH&CN Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị và ý thức trách nhiệm xã hội của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, song xét một cách toàn diện, kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Các hạn chế này có thể khái quát và quy tụ chủ yếu trên ba phương diện: nhận thức chính trị, thái độ – niềm tin chính trị và hành động chính trị – xã hội của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thứ nhất, nhận thức chính trị của không ít cán bộ nghiên cứu khoa học vẫn còn những còn mơ hồ, thiếu chiều sâu.

Một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa khoa học và chính trị, giữa khoa học và tư tưởng trong điều kiện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhận thức về vai trò định hướng của chính trị đối với khoa học, về trách nhiệm xã hội và sứ mệnh của nhà khoa học đối với đất nước, dân tộc còn chưa thật sự thống nhất và rõ ràng.

Trong thực tiễn, vẫn tồn tại những cách hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ như: khoa học phát triển chủ yếu vì mục tiêu tự thân, tách rời khỏi các mục tiêu chính trị – xã hội; nghiên cứu khoa học chủ yếu nhằm phục vụ lợi ích cá nhân hoặc nhóm lợi ích; khoa học nên đứng ngoài đời sống chính trị – xã hội để bảo đảm “tính trung lập”. Những nhận thức này làm suy giảm vai trò định hướng của giáo dục chính trị, tư tưởng trong việc củng cố niềm tin của đội ngũ trí thức khoa học vào con đường xã hội chủ nghĩa, vào đường lối phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước, cũng như vào mục tiêu chiến lược xây dựng Việt trở thành trung tâm khoa học hàng đầu khu vực và quốc tế. Trong khí đó;”Một số cán bộ chủ chốt ở một vài đơn vị còn chưa thực sự gương mẫu trong công tác, chưa nhận thức được đầy đủ trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XII” [26, tr. 25].

Thứ hai, thái độ, niềm tin chính trị của một bộ phận trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vẫn chưa được hình thành, củng cố một cách tích cực và vững chắc.

Hạn chế về nhận thức kéo theo những biểu hiện rõ nét về thái độ và niềm tin chính trị của một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học. Mặc dù thường xuyên được học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, song không ít cán bộ, trong đó có cả một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc, chưa thực sự thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp cách mạng.

Biểu hiện dễ nhận thấy là tâm lý e ngại đổi mới, thiếu tinh thần chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học; tâm lý sợ sai, sợ rủi ro, ngại va chạm trong đề xuất các hướng nghiên cứu mới, các ý tưởng đột phá. Quan điểm “chính trị làm gốc, tư tưởng dẫn đầu” của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa thực sự trở thành niềm tin nội tại, chi phối thường xuyên thái độ, động cơ và định hướng nghiên cứu của nhiều cán bộ khoa học.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chủ nghĩa thực dụng trong nghiên cứu khoa học vẫn là một biểu hiện đáng lo ngại. Một bộ phận cán bộ nghiên cứu có xu hướng coi trọng lợi ích vật chất, thu nhập cá nhân hơn là giá trị xã hội, giá trị nhân văn của khoa học; chạy theo thành tích, dự án, đơn đặt hàng, làm suy giảm niềm tin chính trị và lý tưởng “khoa học vì nhân dân”, “khoa học gắn liền với cách mạng” mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

Thứ ba, tính tích cực chính trị và hành động thực tiễn khoa học của một số cán bộ nghiên cứu khoa học chưa thật nổi trội và hiệu quả.

Những hạn chế về nhận thức và thái độ nêu trên đã trực tiếp tác động đến tính tích cực chính trị – xã hội và hành động thực tiễn nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Trên thực tế, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng chưa tạo ra sự chuyển biến rõ nét, đồng đều trong hành động tự giác, tích cực của cán bộ nghiên cứu khoa học trong việc gắn kết nghiên cứu với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước; dẫn đến tình trạng: “Việc triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học còn chưa đúng tiến độ, nhiều nhiệm vụ phải gia hạn, thậm trí phải gia hạn nhiều lần” [27, tr. 24].

Quan điểm “khoa học, dân tộc và đại chúng” của Đảng chưa được quán triệt và vận dụng đầy đủ trong hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Nhiều đề tài, công trình khoa học có giá trị học thuật cao nhưng thiếu tính ứng dụng, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, người dân và Nhà nước, dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột nhất định giữa nhà khoa học và các cơ quan quản lý trong định hướng phát triển khoa học, công nghệ.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, một số cán bộ nghiên cứu chưa có đủ bản lĩnh chính trị và năng lực “đề kháng” trước các tác động tiêu cực từ bên ngoài. Có hiện tượng chạy theo các đơn đặt hàng nghiên cứu của đối tác nước ngoài vì lợi ích vật chất trước mắt, làm lu mờ mục tiêu phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc, từ đó nảy sinh mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và trách nhiệm xã hội của nhà khoa học.

Ngoài ra, các yếu tố về tâm lý, thái độ người học cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong điều kiện thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận cán bộ nghiên cứu còn khó khăn, kết quả nghiên cứu chưa được ứng dụng và ghi nhận xứng đáng, động lực tham gia và chuyển hóa nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng thành hành động cụ thể còn hạn chế.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, trên 45% số người được hỏi đánh giá kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng ở mức bình thường, chưa tốt hoặc khó trả lời; trong đó, các chỉ báo về nhận thức chính trị, thái độ – niềm tin chính trị và hành động chính trị tích cực, tự giác đều chưa đạt mức kỳ vọng. Chẳng hạn như: về nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu 32% người được hỏi trả lời bình thường, 2% trả lời chưa tốt và 11% khó trả lời; về thái độ, niềm tin chính trị 33% trả lời bình thường, 9% khó trả lời; về hành động chính trị tích cực, tự giác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu được thay đổi có 33% trả lời bình thường, 4% trả lời chưa tốt và 9% khó trả lời. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức và điều kiện bảo đảm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện trong thời gian tới.

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế nêu trên trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam xuất

phát từ nhiều nguyên nhân đan xen, tác động qua lại lẫn nhau, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Trong đó, các nguyên nhân khách quan có ảnh hưởng sâu sắc, lâu dài, tạo nên bối cảnh và môi trường tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành động của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

3.2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Một là, tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện.

Cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra nhiều động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội và khoa học, công nghệ so với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp trước đây. Tuy nhiên, cùng với những mặt tích cực, mặt trái của kinh tế thị trường cũng tác động không nhỏ đến đời sống tư tưởng, đạo đức xã hội nói chung và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nói riêng.

Trong môi trường đó, chủ nghĩa thực dụng, đề cao lợi ích vật chất có xu hướng len lỏi vào hoạt động nghiên cứu khoa học và định hướng giá trị của một bộ phận cán bộ nghiên cứu. Lợi ích kinh tế ngày càng trở thành yếu tố chi phối mạnh mẽ đến động cơ làm việc, lựa chọn hướng nghiên cứu, thậm chí cả thái độ tiếp nhận nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng. So với giai đoạn trước, việc thuyết phục đội ngũ trí thức khoa học hy sinh lợi ích cá nhân, cống hiến vì lý tưởng chung, vì lợi ích quốc gia – dân tộc trở nên khó khăn hơn nhiều.

Tác động này đặt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Viện trước yêu cầu phải vừa thừa nhận những ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường, vừa chủ động có giải pháp hạn chế mặt trái, khơi dậy tính tự giác, trách nhiệm xã hội và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Mức độ thành công trong việc xử lý mối quan hệ này có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

Hai là, tác động từ các chính sách đầu tư và cơ chế thu hút nguồn lực cho khoa học, công nghệ đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Việc ban hành Luật Đầu tư năm 2013 (thay thế các luật ban hành các năm 1987, 1993, 1999, 2005) đã tạo hành lang pháp lý thông thoáng hơn cho

thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong giai đoạn 1993–2023, Việt Nam thu hút khoảng 370 tỷ USD vốn FDI, trong đó khoảng 45% liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và khoa học cơ bản. Tuy nhiên, trong thực tiễn, các dự án nghiên cứu khoa học sử dụng vốn trong nước thường kém hấp dẫn hơn so với các dự án có vốn nước ngoài, cả về quy mô đầu tư, cơ chế đãi ngộ lẫn điều kiện nghiên cứu. Bên cạnh đó, các thủ tục phê duyệt, cấp vốn, giải ngân và quyết toán đối với nguồn vốn trong nước còn phức tạp, kéo dài, làm giảm tính cạnh tranh của môi trường nghiên cứu trong nước.

Hệ quả là nhiều nhà khoa học trẻ, có năng lực đã rời bỏ Viện để làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra tình trạng thiếu hụt đội ngũ kế cận và nguy cơ “chảy máu chất xám”. Thực trạng này tác động tiêu cực đến tâm lý, thái độ và mức độ quan tâm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

Ba là, sự chưa gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ trong bối cảnh chiến lược phát triển quốc gia.

Mặc dù công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện luôn được quan tâm, song trên thực tế, nội dung và phương thức giáo dục chưa gắn kết với hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và chưa thực sự đóng vai trò định hướng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong việc thực hiện các chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước, như chiến lược tự chủ công nghệ, nội địa hóa các ngành công nghiệp then chốt đã được đề ra từ Đại hội X của Đảng.

Việc thiếu sự gắn kết này làm giảm vai trò định hướng tư tưởng của giáo dục chính trị, tư tưởng, khiến một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học giảm niềm tin vào hiệu quả và tính khả thi của chính sách khoa học, công nghệ quốc gia nói chung và chiến lược phát triển của Viện nói riêng. Tác động ngược lại, tình trạng này tiếp tục làm suy giảm hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

Bốn là, những bất cập trong chính sách phát triển khoa học, công nghệ và định hướng chiến lược dài hạn ảnh hưởng đến hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Từ Đại hội VIII (1996), Đảng ta đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại, với khoa học và công nghệ

phát triển mạnh ở nhiều lĩnh vực mũi nhọn. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, các mục tiêu này chưa đạt được như kỳ vọng.

Sự chậm trễ và thiếu đồng bộ trong thực hiện các mục tiêu chiến lược đã khiến không ít nhà khoa học rơi vào trạng thái khó xác định rõ định hướng nghiên cứu dài hạn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến động lực nghiên cứu, khả năng hình thành các nhà khoa học lớn, có tầm ảnh hưởng quốc gia và quốc tế. Trong bối cảnh đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện cũng chịu tác động tiêu cực, cả về nội dung lẫn hiệu quả.

Năm là, tác động hai mặt của chính sách cho đảng viên làm kinh tế tư nhân đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Chủ trương cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, được Đảng đề ra từ Đại hội X, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học tự do sáng tạo, trao đổi, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu một cách hợp pháp, góp phần khuyến khích đổi mới sáng tạo và nâng cao đời sống vật chất cho đội ngũ trí thức.

Tuy nhiên, mặt trái của chính sách này là xu hướng thị trường hóa, thương mại hóa năng lực nghiên cứu khoa học. Trong một chừng mực nhất định, đồng tiền trở thành yếu tố định hướng nghiên cứu mạnh hơn so với lý tưởng, tinh thần yêu nước và trách nhiệm xã hội. Khi chưa có cơ chế kiểm soát và định hướng phù hợp, một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học có biểu hiện suy giảm ý thức chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, làm nảy sinh mâu thuẫn trong nội bộ đơn vị và trong quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước.

Sáu là, tác động từ bối cảnh cạnh tranh chiến lược công nghệ quốc tế đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học .

Sự cạnh tranh chiến lược công nghệ giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, thông qua các chiến lược như “Con đường tơ lụa kỹ thuật số”, “Liên minh công nghệ toàn cầu” hay chính sách “Trung Quốc +1”, vừa tạo ra cơ hội hợp tác, vừa đặt ra thách thức lớn đối với khoa học và công nghệ Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Viện HLKH&CN Việt Nam đứng trước nguy cơ gia tăng tình trạng chảy máu chất xám, cạnh tranh ảnh hưởng công nghệ và áp lực

“chọn bên” trong hợp tác quốc tế. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến môi trường tư tưởng, tâm lý và định hướng chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, từ đó ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

3.2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, những hạn chế trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam còn xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan, liên quan trực tiếp đến nhận thức, trách nhiệm, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nội bộ Viện.

Một là, vai trò định hướng tư tưởng và sự nêu gương của đội ngũ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, chưa được phát huy đầy đủ.

Trong những năm gần đây, mặc dù lãnh đạo Viện đã quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, song hiệu quả đạt được chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra. Ở một số đơn vị, việc định hướng tư tưởng, giải quyết các vấn đề phát sinh về nhận thức chính trị, cũng như vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu, còn hạn chế. Điều này dẫn đến tình trạng tâm tư, băn khoăn trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trước những xung đột về chủ trương, chính sách, định hướng phát triển và triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

Hệ quả là việc tiếp nhận, tổ chức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp trên giao cho Viện gặp nhiều khó khăn, thiếu người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiện thực hóa, làm giảm hiệu quả cả hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Hai là, một bộ phận cán bộ, đảng viên còn biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Là một bộ phận của xã hội, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện cũng chịu tác động của những biểu hiện tiêu cực chung. Một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, chưa thực sự thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, công nghệ và thi đua yêu nước; còn biểu hiện chủ nghĩa thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất, so đo hơn thiệt, né tránh trách nhiệm tham gia các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Những biểu hiện này làm suy giảm tính thống nhất về tư tưởng trong nghiên cứu khoa học, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng và hiệu quả nghiên cứu khoa học của Viện.

Ba là, tinh thần trách nhiệm và ý chí cống hiến của một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học chưa cao.

Tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng dấn thân” trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học còn những hạn chế nhất định. Viện chưa hình thành được đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhà khoa học thực sự có “tâm” và “tầm”, đủ năng lực và bản lĩnh gánh vác những nhiệm vụ khoa học lớn, mang tính chiến lược, như thế hệ các nhà khoa học tiền bối.

Thực tế này dẫn đến tình trạng số lượng công trình nghiên cứu nhiều nhưng khả năng ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Việc hiện thực hóa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa; muốn xây dựng nền khoa học xã hội chủ nghĩa phải có những nhà khoa học xã hội chủ nghĩa” [54, tr.75] gặp nhiều khó khăn, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.

Bốn là, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong một số tổ chức nghiên cứu khoa học chưa được quan tâm đúng mức.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” [6] đã xác định rõ yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”. Tuy nhiên, sau hơn một thập kỷ triển khai, hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong một số tổ chức nghiên cứu khoa học còn hạn chế; nhiều nơi chưa coi trọng đúng mức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa gắn kết chặt chẽ giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học. Sự thiếu nhận thức đầy đủ về vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng đã khiến một số công trình nghiên cứu khoa học của Viện thiếu định hướng chính trị, xã hội rõ ràng.

Năm là, việc triển khai các định hướng lớn của Đảng về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn nhiều bất cập.

Đại hội XIII của Đảng (2021) đã xác định Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là nền tảng quan trọng để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Tuy nhiên, trong thực tiễn nghiên cứu khoa học của Viện, việc cụ thể hóa và triển khai các định hướng này còn gặp nhiều khó khăn, bộc lộ những hạn chế như

vi phạm bản quyền, sao chép công nghệ, thiếu sáng tạo, lệ thuộc quá nhiều vào máy móc, internet mà chưa chú trọng đúng mức nền tảng khoa học truyền thống. Những hạn chế này ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nghiên cứu khoa học và làm suy giảm hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

Tóm lại, những nguyên nhân chủ quan trên đã và đang tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam; đồng thời làm giảm hiệu quả nghiên cứu khoa học và gây khó khăn cho quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, gắn nghiên cứu khoa học với phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh trong ngắn, trung và dài hạn.

3.3. Những vấn đề đặt ra về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay

3.3.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu cao về vai trò của chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng với hạn chế về nhận thức và năng lực thực tiễn

Mặc dù chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng – bao gồm các cấp ủy đảng, lãnh đạo đơn vị, cán bộ giảng dạy lý luận chính trị và các tổ chức chính trị – xã hội trong Viện được xác định là lực lượng then chốt trong việc định hướng nhận thức, lý tưởng và thái độ chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, nhưng trên thực tế, nhận thức và năng lực thực hiện nhiệm vụ của các chủ thể này vẫn còn nhiều bất cập.

Một mặt, sự quan tâm và chỉ đạo của một số cấp ủy đảng đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thật sự sâu sát, thiếu thường xuyên và chưa bắt kịp yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay. Phương thức lãnh đạo chậm đổi mới, thiếu tính hệ thống; sự phối hợp giữa các lực lượng liên quan còn rời rạc, thiếu đồng bộ, dẫn đến việc không phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị trong Viện trong các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Mặt khác, trình độ, vốn sống và kinh nghiệm của một bộ phận cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa tương xứng với trình độ, nhu cầu và đặc điểm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vốn là những người có tư duy độc lập, chuyên sâu và đòi hỏi cao về thực tiễn. Các bài giảng lý

luận còn nặng tính hàn lâm, lý thuyết, ít gắn với thực tiễn công tác nghiên cứu nên không tạo được sự chuyển hóa từ nhận thức sang hành động.

Đặc biệt, vai trò của các tổ chức chính trị – xã hội trong Viện như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, cựu chiến binh... chưa được phát huy đúng mức trong quá trình phối hợp giáo dục chính trị, tư tưởng. Sau khi chuyển đổi cơ chế quản lý theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, vai trò của công đoàn suy giảm rõ rệt, từ một tổ chức đại diện và hỗ trợ quyền lợi cho cán bộ khoa học trở thành bộ phận phụ thuộc, thiếu tiếng nói phản biện và bảo vệ dân chủ trong nghiên cứu. Tình trạng này đã dẫn đến những hệ lụy đáng lo ngại: khoa học bị thương mại hóa, phục vụ nhóm lợi ích, mất định hướng chiến lược, chảy máu chất xám, suy giảm niềm tin chính trị và lý tưởng nghề nghiệp trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Do thiếu vai trò hỗ trợ từ các tổ chức xã hội – chính trị, nhiều nhà khoa học rơi vào tâm lý đơn độc, bị bỏ rơi, không được bảo vệ cả về tinh thần lẫn vật chất. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và động lực nghiên cứu khoa học, mà còn làm suy giảm hiệu quả và uy tín của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện. Xu hướng “nhạt Đảng, khô Đoàn, ngại học chính trị” trong một bộ phận trí thức khoa học là dấu hiệu rõ rệt của sự khủng hoảng vai trò chủ thể giáo dục hiện nay.

3.3.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu cao về ý thức chính trị, trách nhiệm xã hội của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học với thực trạng thờ ơ, thiếu tự giác trong tham gia hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng

Cán bộ nghiên cứu khoa học là lực lượng tinh hoa trong hệ thống tri thức quốc gia, giữ vai trò quan trọng trong việc sáng tạo, truyền bá và định hướng các giá trị khoa học – công nghệ, phục vụ cho mục tiêu phát triển đất nước. Trong bối cảnh mới, khi khoa học và công nghệ ngày càng gắn chặt với yêu cầu hội nhập quốc tế, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, việc xây dựng bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và nâng cao tinh thần trách nhiệm công dân cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu càng trở thành một yêu cầu cấp bách.

Tuy nhiên, giữa yêu cầu đó với thực trạng hiện nay đang tồn tại một mâu thuẫn lớn. Trong khi công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hướng đến việc nâng cao ý thức chính trị, bồi đắp lý tưởng, khơi dậy tinh thần cống

hiến và trách nhiệm xã hội của các nhà khoa học, thì một bộ phận không nhỏ cán bộ nghiên cứu lại thể hiện sự thờ ơ, thiếu tự giác và coi nhẹ vai trò của các hoạt động này. Họ xem đây là nghĩa vụ hình thức, mang tính đối phó, thậm chí né tránh tham gia học tập chính trị hoặc chỉ tham dự cho đủ thủ tục hành chính.

Nguyên nhân của thực trạng này trước hết đến từ chính nội tại đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ khoa học. Trong nhiều năm, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phải làm việc trong điều kiện thu nhập thấp, áp lực công bố cao, môi trường làm việc ít được hỗ trợ, khiến họ dễ rơi vào trạng thái mệt mỏi, mất phương hướng, thiếu động lực. Khi quyền lợi vật chất và tinh thần chưa được bảo đảm đúng mức, cán bộ nghiên cứu khó có thể toàn tâm toàn ý dành thời gian và tâm trí cho các hoạt động chính trị, tư tưởng vốn bị xem là "xa rời thực tế" hoặc "không thiết thân".

Thêm vào đó, do đặc điểm nghề nghiệp đặc thù vốn đề cao tư duy độc lập, cá nhân hóa trong nghiên cứu, một bộ phận cán bộ khoa học có xu hướng tự do hóa nhận thức chính trị, không quan tâm đến lập trường, định hướng tư tưởng của tập thể. Tình trạng cá nhân chủ nghĩa, thực dụng trong nghiên cứu ngày càng gia tăng đã dẫn đến sự suy giảm tinh thần tập thể, làm phai nhạt lý tưởng nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội vốn là cốt lõi của người làm khoa học chân chính.

Mặt khác, trong hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, còn thiếu cơ chế phát huy tính dân chủ, tính tự nguyện, chưa có hình thức phù hợp để tạo ra sự đồng thuận, thuyết phục từ người học. Những người làm công tác giáo dục chưa thực sự lắng nghe nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ nghiên cứu – đối tượng có trình độ cao và tư duy phản biện mạnh mẽ. Sự thiếu đồng bộ giữa phương pháp giáo dục với đặc điểm người học đã làm giảm hiệu quả tác động và dẫn đến tình trạng thiếu hứng thú, thiếu niềm tin trong tiếp nhận các nội dung giáo dục tư tưởng.

Tình trạng trên không chỉ là rào cản về mặt tổ chức mà còn đặt ra nguy cơ suy giảm niềm tin chính trị, lý tưởng nghề nghiệp và lòng trung thành với sứ mệnh khoa học quốc gia trong một bộ phận đội ngũ trí thức. Nếu không có giải pháp kịp thời để khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức chính trị, lòng tự trọng nghề nghiệp và sự tự giác tham gia vào các hoạt động

chung, Viện Hàn lâm sẽ khó có thể phát huy vai trò hạt nhân của đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong thực hiện các nhiệm vụ chiến lược về khoa học và công nghệ của đất nước.

Do đó, cần đặt trọng tâm vào việc xây dựng môi trường làm việc dân chủ, nhân văn; cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần cho đội ngũ nghiên cứu; phát huy vai trò tự quản, tự chịu trách nhiệm đi đôi với việc khơi dậy lòng tự hào, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và quốc gia. Đây là giải pháp nền tảng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh mới.

3.3.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu đặc thù về nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng dành cho đội ngũ trí thức khoa học với sự rập khuôn, hình thức và thiếu cập nhật trong chương trình giáo dục hiện có

Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học – những người có trình độ học vấn cao, tư duy độc lập và khả năng phản biện mạnh mẽ đòi hỏi phải có nội dung giáo dục chuyên sâu, linh hoạt, gắn với thực tiễn nghiên cứu và đặc điểm nghề nghiệp. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy một mâu thuẫn lớn: trong khi yêu cầu đặt ra là cần nội dung giáo dục được "thiết kế riêng" cho đối tượng này thì việc thực hiện lại vẫn mang nặng tính đồng loạt, dàn trải và rập khuôn theo các chương trình đào tạo lý luận chính trị phổ thông (sơ cấp, trung cấp, cao cấp) vốn được xây dựng dành cho nhiều đối tượng khác nhau trong hệ thống chính trị và xã hội.

Việc để cán bộ nghiên cứu trình độ cao tham gia các lớp lý luận cùng với công nhân, viên chức hành chính... là một sự bất cập rõ rệt cả về khoa học giáo dục lẫn tâm lý sư phạm. Nó không chỉ tạo ra cảm giác bị “đánh đồng” và thiếu tôn trọng trong đối tượng người học mà còn làm giảm sút sự hào hứng, tính chủ động trong tiếp nhận kiến thức chính trị. Từ đó, dẫn đến tình trạng học tập mang tính hình thức, đối phó, không chuyển hóa thành động lực hành động hoặc giá trị tinh thần bền vững.

Ngược lại, sự phân biệt quá mức về đối tượng giáo dục, chẳng hạn giữa cán bộ quản lý cấp cao với cán bộ nghiên cứu chuyên môn, giữa người làm chính sách với người làm chuyên môn, giữa cán bộ hành chính và cán bộ khoa học,... cũng dẫn đến hệ quả ngược: mất đi sự gắn kết về mặt lý tưởng chính trị, thiếu đồng thuận trong tư tưởng và hành động giữa các lực lượng

trong cùng một hệ thống. Chính sự thiếu nhất quán trong định hướng nội dung đã khiến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng không phát huy được vai trò làm nền tảng tinh thần, làm động lực đoàn kết và tạo động lực đổi mới trong môi trường khoa học.

Bên cạnh đó, một hạn chế khác về nội dung là việc chưa lồng ghép, tích hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với giáo dục đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là chưa gắn với nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân trong nghiên cứu khoa học. Trong điều kiện cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng, sự gia tăng của chủ nghĩa thực dụng, cá nhân hóa và tư duy vụ lợi đang trở thành những "căn bệnh" ngày càng lây lan trong giới khoa học. Tình trạng tranh giành đề tài, đấu đá lợi ích nhóm, chiếm dụng công trình, ngại chia sẻ tri thức và hình thành các "sân sau khoa học"... đều là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân phát triển không được kiểm soát.

Điều đáng nói là, trong giai đoạn trước đây, khi điều kiện vật chất còn nhiều khó khăn thì chính nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng sâu sắc, truyền cảm hứng đã giúp đội ngũ cán bộ khoa học giữ vững đạo đức nghề nghiệp, vượt qua nghịch cảnh và sáng tạo không ngừng. Còn ngày nay, mặc dù điều kiện vật chất có nhiều cải thiện, nhưng nội dung giáo dục lại không đủ mạnh để định hướng tư tưởng, dẫn đến việc nhiều người làm khoa học chỉ vì lợi ích cá nhân, coi nhẹ tinh thần phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Đây là sự đảo chiều nguy hiểm trong định hướng giá trị của tầng lớp trí thức mà một phần nguyên nhân nằm ở sự yếu kém, lạc hậu và thiếu chiều sâu của nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng. Tình trạng này nếu kéo dài sẽ gây ra những hệ lụy nghiêm trọng: sự tha hóa về lý tưởng của một bộ phận trí thức, sự manh mún và cục bộ trong hoạt động khoa học, sự mất lòng tin vào tính nhân văn và tính định hướng của khoa học, và quan trọng nhất là sự suy giảm của nền tảng tư tưởng, chính trị trong một cơ quan đầu não của quốc gia về nghiên cứu khoa học và công nghệ như Viện HLKH&CN Việt Nam.

Vì vậy, vấn đề cốt lõi đặt ra là, phải đổi mới toàn diện nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và bối cảnh nghề nghiệp của cán bộ nghiên cứu khoa học; đồng thời lồng ghép sâu sắc giữa giáo dục chính trị với giáo dục đạo đức khoa học, đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, bảo vệ và khơi dậy lý tưởng cống hiến trong mỗi nhà khoa

học. Đây chính là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và giữ vững vai trò định hướng tư tưởng trong hệ thống nghiên cứu khoa học quốc gia.

3.3.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu hiện đại hóa phương thức, phương tiện giáo dục chính trị, tư tưởng với thực trạng lạc hậu và thiếu sự đa dạng, đồng bộ trong triển khai thực tế hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng

Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đang trở nên cấp thiết để thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế thì phương thức và phương tiện giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện HLKH&CN Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế nghiêm trọng, chưa tương xứng với đặc thù của một cơ quan nghiên cứu hàng đầu quốc gia.

Trước hết, về phương pháp giáo dục, phần lớn vẫn dừng lại ở lối truyền đạt áp đặt, một chiều, chưa phát huy tính tích cực, chủ động, phản biện của đối tượng học vốn là những nhà khoa học có tư duy độc lập và nhu cầu tiếp nhận kiến thức chính trị ở mức độ cao hơn thông thường. Cách thức “thầy giảng – trò ghi” cổ điển, thiếu tương tác thực chất đã làm giảm mạnh hiệu quả thấm thấu và chuyên hóa của nội dung giáo dục. Nhiều giảng viên lý luận chính trị chưa biết cách đưa tình huống thực tiễn gắn với đặc thù nghiên cứu của từng đơn vị, dẫn đến hiện tượng người học cảm thấy rời rạc, không liên hệ được với công việc, thậm chí bị áp đặt trong tiếp nhận tư tưởng chính trị.

Trong khi đó, các phương pháp hiện đại như: đàm thoại, thảo luận nhóm, phân tích tình huống, hỏi – đáp tương tác, mô phỏng tình huống thực tế, biểu dương kịp thời... vốn được đánh giá là phù hợp với môi trường học thuật và sáng tạo lại chưa được áp dụng thường xuyên, thiếu hệ thống. Vì thế dẫn đến tình trạng, không chỉ làm triệt tiêu động lực học tập chính trị trong đội ngũ trí thức mà còn tạo ra cảm giác nhàm chán, lệ thuộc, học đối phó.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền miệng được xem là một phương thức truyền thống nhưng vẫn rất hiệu quả trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay lại không được tổ chức bài bản trong Viện. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên làm công tác chính trị, tư tưởng còn mỏng, hoạt động lỏng lẻo, không đều tay. Thậm chí, có người được phân công nhưng không hoặc ít tham gia do thiếu cơ chế động viên, kiểm tra, giám sát phù hợp. Điều đó

khiến cho giáo dục chính trị, tư tưởng bị rơi vào thế bị động, thiếu chiều sâu và không có tác động lan tỏa thực chất.

Không kém phần quan trọng, phương tiện phục vụ cho giáo dục chính trị, tư tưởng, bao gồm cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, hiện nay vẫn chưa được đầu tư tương xứng với vai trò và vị thế của Viện HLKH&CN Việt Nam. Nhiều hội trường, phòng học có hệ thống âm thanh, ánh sáng xuống cấp; một số công trình nghiên cứu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng được đầu tư xây dựng nhưng sau khi hoàn thiện lại không được đưa vào sử dụng, gây lãng phí nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, tại nhiều đơn vị trực thuộc Viện, việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, sinh hoạt chính trị còn gặp khó khăn do điều kiện đi lại, không gian sinh hoạt chung hạn chế, phân tán địa lý, thiếu phương tiện truyền thông, truyền hình hội nghị trực tuyến chất lượng cao. Những yếu tố này cản trở việc tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng quy mô lớn, có chiều sâu, dẫn đến tính rời rạc, thiếu gắn kết trong toàn Viện.

Tổng thể những bất cập nêu trên tạo nên một mâu thuẫn lớn, đó là trong khi yêu cầu đặt ra là phải hiện đại hóa, cá thể hóa và linh hoạt hóa phương thức giáo dục để phù hợp với đối tượng trí thức có tư duy phản biện mạnh, thì thực tế lại bị chi phối bởi lối làm việc hình thức, rập khuôn, thiếu cơ sở vật chất và con người đồng bộ. Điều đó không chỉ làm giảm hiệu lực của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, mà còn tạo ra nguy cơ "mất phương hướng chính trị" trong một bộ phận cán bộ khoa học nếu không được định hướng kịp thời.

Vấn đề đặt ra ở đây là, Viện cần có chiến lược đầu tư nghiêm túc, bài bản và khoa học vào phương thức, phương tiện giáo dục chính trị, tư tưởng. Phải đổi mới nội dung lồng ghép với phương pháp, cá thể hóa hoạt động giáo dục cho từng nhóm cán bộ; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ số, tăng cường phương tiện trực tuyến, kết hợp với tuyên truyền miệng hiệu quả; đồng thời phát triển đội ngũ giảng viên, tuyên truyền viên có năng lực, tâm huyết, hiểu đặc thù nghiên cứu khoa học. Chỉ khi nào phương pháp, hình thức, phương tiện, người giảng cùng đồng bộ, thì mới tạo được hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng thực chất, sâu rộng và bền vững trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam.

3.3. 5. Mâu thuẫn giữa mục tiêu nâng cao chất lượng toàn diện trong giáo dục chính trị, tư tưởng với kết quả thực tế còn hạn chế, hình thức, thiếu chuyển biến rõ rệt trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam được xác định là một nhiệm vụ trọng yếu, góp phần hình thành bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, tinh thần trách nhiệm và ý chí công hiến của giới trí thức khoa học. Tuy nhiên, kết quả thực tế của công tác này hiện nay cho thấy nhiều vấn đề nổi cộm, thể hiện sự mâu thuẫn gay gắt giữa mục tiêu và thực trạng.

Trước hết, nhận thức chính trị của một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học vẫn còn hời hợt, phiến diện, chưa tương xứng với yêu cầu của một lực lượng trí thức có vai trò tiên phong trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ. Mặc dù đã được đào tạo bài bản, sở hữu bằng cấp lý luận chính trị, tham gia nhiều khóa học bồi dưỡng, nhưng trong thực tế, một số cán bộ vẫn thể hiện sự thiếu tự tin, lúng túng trước các vấn đề tư tưởng, chính trị đặt ra. Đặc biệt là trong các tình huống cần thể hiện chính kiến, phản biện xã hội hoặc đấu tranh với cái sai, cái lệch chuẩn, họ thường chọn thái độ im lặng, né tránh hoặc dửng dưng, cho thấy bản lĩnh chính trị chưa vững vàng.

Đồng thời, niềm tin chính trị là một trụ cột quan trọng trong nhân cách người cán bộ khoa học ở một bộ phận không nhỏ còn dao động, thiếu kiên định. Thực tiễn cho thấy, dưới tác động của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, một số cán bộ khoa học rơi vào tâm lý thực dụng, buông xuôi, ngại va chạm, ngại khó, không còn lý tưởng sống, thậm chí hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng, vào khả năng thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Những biểu hiện này không chỉ làm suy giảm chất lượng nguồn nhân lực khoa học mà còn tiềm ẩn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Một số biểu hiện cụ thể khác như: không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đúng thời hạn, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, sao chép, gian lận trong nghiên cứu, thờ ơ với các hoạt động xã hội, quay lưng với các phong trào mang ý nghĩa nhân văn... đã và đang làm tổn hại nghiêm trọng đến hình ảnh, uy tín của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Điều đó phản ánh sự mất cân bằng giữa năng lực chuyên môn và phẩm chất chính trị, giữa tri thức khoa học

và tinh thần trách nhiệm công dân, vốn là mục tiêu cốt lõi mà công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hướng tới.

Nguy hiểm hơn, sự thiếu bản lĩnh chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng của một số cán bộ khoa học còn khiến họ dễ dàng bị chi phối, lôi kéo bởi những luồng tư tưởng lệch lạc, thậm chí vô tình tiếp tay cho các thế lực thù địch thông qua việc phát tán thông tin sai lệch, sản phẩm khoa học mang tính chất độc hại. Từ đó cho thấy việc giáo dục nhận thức chính trị hiện nay mới chỉ dừng lại ở hình thức trang bị kiến thức, mà chưa thực sự thấm sâu vào tư duy, hành động và đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ khoa học.

Rõ ràng, mâu thuẫn giữa yêu cầu cấp thiết phải xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học “vừa hồng, vừa chuyên” với thực trạng nhận thức và hành vi chính trị thiếu chuẩn mực, thiếu sức đề kháng đang là rào cản lớn đối với sự phát triển bền vững của Viện HLKH&CN Việt Nam trong giai đoạn mới. Vấn đề đặt ra là, cần phải thay đổi cách tiếp cận trong giáo dục chính trị, tư tưởng, chuyển từ “áp đặt thông tin” sang “khơi gợi nhận thức”, từ “truyền đạt” sang “đối thoại, phản biện”; gắn việc học tập lý luận với việc tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản lĩnh, hành động thực tiễn. Đồng thời, phải có cơ chế động viên, khích lệ những cán bộ tiên phong, đấu tranh với những biểu hiện lệch chuẩn, xây dựng một môi trường nghiên cứu khoa học không chỉ chuyên nghiệp về chuyên môn mà còn trong sạch về chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp. Đó là con đường căn bản để khắc phục triệt để các biểu hiện suy giảm về nhận thức và niềm tin chính trị hiện nay trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam.

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, luận án đã tập trung phân tích và đánh giá thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam trên các phương diện: chủ thể, nội dung, phương pháp, phương tiện, điều kiện bảo đảm và kết quả thực hiện.

Kết quả cho thấy, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã đạt được một số ưu điểm nhất định. Các cấp ủy, tổ chức đảng và lãnh đạo đơn vị bước đầu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; nội dung giáo dục cơ bản bám sát đường lối của Đảng và có cập nhật nhất định; phương thức từng bước được đổi mới; phương tiện và điều kiện bảo đảm được chú ý. Nhờ đó, nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhìn chung được giữ vững, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của Viện.

Tuy nhiên, công tác này vẫn còn nhiều hạn chế. Một số chủ thể giáo dục chưa nhận thức đầy đủ vai trò, thiếu chủ động và sáng tạo; nội dung còn rập khuôn, thiếu tính đặc thù; phương thức giáo dục còn nặng về truyền đạt một chiều, chậm đổi mới; việc ứng dụng công nghệ, phương tiện hiện đại còn hạn chế; các điều kiện bảo đảm chưa đồng bộ. Vì vậy, kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thật sự bền vững, chưa tạo chuyển biến rõ rệt ở một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học.

Những ưu điểm và hạn chế trên bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Từ đó, luận án chỉ ra năm vấn đề đặt ra mang tính mâu thuẫn cần giải quyết.

Những vấn đề nêu trên là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện trong thời gian tới.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG
GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Dự báo tình hình và phương hướng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian tới

4.1.1. Dự báo tình hình quốc tế, khu vực và trong nước tác động đến giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

4.1.1.1. Tình hình quốc tế

Trong thời gian tới, theo dự báo của Đại hội lần thứ XIV của Đảng thì tình hình quốc tế được dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, phức tạp, khó dự báo, chịu tác động đan xen của nhiều nhân tố truyền thống và phi truyền thống. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ, bất ổn kinh tế, biến đổi khí hậu, an ninh mạng và sự phát triển nhanh của công nghệ mới sẽ làm môi trường quốc tế gia tăng tính bất định. Và “Xung đột, chiến tranh, chạy đua vũ trang, công nghệ cao diễn ra ở nhiều khu vực, nguy hiểm hơn, không loại trừ nguy cơ chiến tranh lớn” [24, tr.77]. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến định hướng nghiên cứu khoa học, hợp tác học thuật, chuyển giao công nghệ và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Một là, xung đột địa chính trị tại một số khu vực, nhất là chiến sự Nga – Ukraine, Mỹ, Israel - Iran và các điểm nóng ở Trung Đông, nhiều khả năng còn kéo dài; sự can dự của các nước lớn tiếp tục làm gia tăng tính phức tạp của cục diện quốc tế. Điều đó ảnh hưởng đến môi trường hòa bình, hợp tác, đồng thời tác động đến trao đổi học thuật, tiếp cận công nghệ và lưu chuyển nguồn lực khoa học. Vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng cần chú trọng nâng cao năng lực nhận thức, đánh giá đúng bản chất các vấn đề quốc tế và ý thức gắn hoạt động khoa học với lợi ích quốc gia - dân tộc.

Hai là, kinh tế thế giới dự báo phục hồi chậm, thiếu đồng đều, tiềm ẩn nguy cơ suy giảm tăng trưởng, bất ổn tài chính và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Xu hướng phân mảnh địa kinh tế, cạnh tranh thương mại và biến động năng lượng sẽ ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, tài trợ nghiên cứu và hợp tác khoa học quốc tế. Điều đó cũng đòi hỏi giáo dục chính trị, tư tưởng phải góp phần củng cố tinh thần tự lực, tự cường, trách nhiệm và động lực cống hiến của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Ba là, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường và các vấn đề an ninh phi truyền thống tiếp tục gia tăng, làm thay đổi ưu tiên chính sách và định hướng nghiên cứu của nhiều quốc gia. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh nghiên cứu trong các lĩnh vực phát triển bền vững. Do đó, giáo dục chính trị, tư tưởng cần tăng cường bồi dưỡng ý thức trách nhiệm xã hội và nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển khoa học với phát triển đất nước.

Bốn là, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh dẫn đến cạnh tranh công nghệ giữa các cường quốc trong các lĩnh vực then chốt ngày càng gay gắt. Xu hướng kiểm soát công nghệ, bảo hộ tri thức và cạnh tranh nhân lực chất lượng cao vừa mở ra cơ hội, vừa làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc và chảy máu chất xám. Chính điều này đặt ra yêu cầu xây dựng bản lĩnh chính trị, ý thức tự chủ khoa học và trách nhiệm bảo vệ lợi ích quốc gia cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Năm là, chuyên đổi số toàn cầu và sự phát triển của không gian mạng đang làm thay đổi sâu sắc hoạt động khoa học và đời sống tư tưởng. Bên cạnh thuận lợi, môi trường số cũng làm gia tăng nguy cơ thông tin sai lệch và vi phạm đạo đức học thuật. Vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng cần gắn với giáo dục đạo đức khoa học, văn hóa số và năng lực sàng lọc thông tin.

Nhìn chung, tình hình quốc tế vừa tạo cơ hội cho hợp tác và đổi mới sáng tạo, vừa đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao bản lĩnh và năng lực thích ứng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

4.1.1.2. Tình hình khu vực

Trong thời gian tới, “Khu vực châu Á – Thái Bình Dương và Ấn độ dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, song cũng là khu vực trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn” [24, tr.78]. Do đó cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và bất ổn. Với vị trí quan trọng trong cấu trúc khu vực, khu vực này chịu tác động trực tiếp của cạnh tranh giữa các nước lớn,

ảnh hưởng đến môi trường phát triển của Việt Nam và hoạt động nghiên cứu khoa học.

Một là, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực ASEAN và trên Biển Đông tiếp tục gia tăng. Những diễn biến phức tạp liên quan đến chủ quyền, an ninh và tài nguyên tác động trực tiếp đến lợi ích quốc gia và môi trường hợp tác khoa học. Do đó, giáo dục chính trị, tư tưởng cần nâng cao nhận thức về chủ quyền quốc gia và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Hai là, kinh tế khu vực duy trì tăng trưởng tích cực, mở ra cơ hội hợp tác khoa học và chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, cạnh tranh về nguồn lực, công nghệ và nhân tài ngày càng gay gắt, đòi hỏi nâng cao năng lực nội sinh. Giáo dục chính trị, tư tưởng cần góp phần khơi dậy tinh thần tự cường và trách nhiệm quốc gia.

Ba là, khu vực ngày càng trở thành địa bàn cạnh tranh công nghệ, tạo cơ hội tiếp cận thành tựu mới nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc công nghệ và chảy máu chất xám. Do vậy, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục bản lĩnh hội nhập và đạo đức khoa học cho đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu.

Bốn là, cạnh tranh về tài nguyên, năng lượng và không gian biển tiếp tục gia tăng, đặc biệt tại Biển Đông, ảnh hưởng đến chiến lược phát triển và hợp tác nghiên cứu của Việt Nam. Vì vậy, cần chú trọng giáo dục nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển khoa học và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn chung, tình hình khu vực vừa mở ra thời cơ, vừa đặt ra thách thức, đòi hỏi giáo dục chính trị, tư tưởng phải được tăng cường nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học có bản lĩnh và năng lực thích ứng cao.

4.1.1.3. Tình hình trong nước

Cùng với những biến động quốc tế và khu vực, tình hình trong nước thời gian tới tiếp tục có nhiều chuyển biến quan trọng, vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu mới đối với phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục chính trị, tư tưởng. Đại hội XIV của Đảng nhận định: “Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới” [24, tr. 79].

Thứ nhất, về chính trị, Đại hội XIV của Đảng thành công, tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng. Điều đó đòi hỏi tăng cường giáo dục

chính trị, tư tưởng để đội ngũ cán bộ nghiên cứu giữ vững niềm tin và bản lĩnh chính trị trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Thứ hai, về kinh tế, yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển dựa trên khoa học, công nghệ đặt ra đòi hỏi cao đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu, đồng thời yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng phải bồi dưỡng động lực cống hiến và trách nhiệm xã hội cho họ.

Thứ ba, về khoa học, công nghệ, chủ trương đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được khẳng định. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng chỉ rõ: “Nhận diện sớm, tận dụng mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; đẩy mạnh đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế, kết hợp chặt chẽ và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên” [24, tr.81-82]. Vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng cần quán triệt đầy đủ, toàn diện quan điểm chỉ đạo của Đảng để phối kết hợp đồng bộ với công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, góp phần hình thành đội ngũ cán bộ khoa học “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Thứ tư, về đối ngoại, Việt Nam tiếp tục nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng mở ra cơ hội hợp tác khoa học, tuy nhiên, cùng với đó là yêu cầu ngày càng cao đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong việc làm chủ tri thức hiện đại, giữ vững bản lĩnh hội nhập, bảo vệ lợi ích quốc gia và tránh các biểu hiện lệ thuộc, sao chép hoặc xa rời thực tiễn đất nước. Do đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cần được đổi mới theo hướng thiết thực, gắn với thực tiễn hội nhập, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học có năng lực hợp tác quốc tế nhưng vẫn giữ vững định hướng chính trị và ý thức dân tộc.

Thứ năm, tình hình Biển Đông tiếp tục tác động đến môi trường phát triển và nghiên cứu khoa học. Với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, Biển Đông gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, phát triển kinh tế

biên, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh môi trường và mở rộng không gian phát triển của đất nước. Trong bối cảnh đó, hoạt động nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực biển, tài nguyên, môi trường, khí tượng, hải dương học, công nghệ biển và năng lượng càng có ý nghĩa thiết thực. Thực tế đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phải có tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm cao, nhận thức đúng đắn về lợi ích quốc gia - dân tộc và bản lĩnh chính trị vững vàng. Vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng cần tiếp tục quan tâm bồi dưỡng nhận thức về chủ quyền, an ninh quốc gia và trách nhiệm của giới khoa học trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Thứ sáu, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu trở thành vấn đề cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Trong bối cảnh đó, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ cần nâng cao trình độ chuyên môn, mà còn phải được bồi dưỡng về ý thức chấp hành pháp luật, đạo đức khoa học, văn hóa số và tinh thần cảnh giác trước những nguy cơ mới trên không gian mạng. Đây là một nội dung cần được chú trọng trong giáo dục chính trị, tư tưởng thời gian tới.

Xét tổng thể, tình hình trong nước vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn cao và tinh thần phụng sự đất nước.

4.1.2. Những tác động từ tình hình quốc tế, khu vực và trong nước đến hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian tới chịu sự chi phối trực tiếp và gián tiếp từ những biến động của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước. Những tác động này diễn ra theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực, không chỉ ảnh hưởng đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học mà còn tác động đến nội dung, phương thức, yêu cầu và hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện.

4.1.2.1. Mặt tích cực

Một là, những biến động của tình hình thế giới, khu vực và trong nước góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu

khoa học về mối quan hệ giữa ổn định chính trị, phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển khoa học và công nghệ. Thực tiễn cho thấy, trong điều kiện thế giới biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược gay gắt và các rủi ro phi truyền thống gia tăng, chỉ những quốc gia giữ vững được ổn định chính trị, định hướng phát triển đúng đắn và năng lực tự chủ mới có điều kiện phát triển bền vững. Điều đó góp phần củng cố thêm niềm tin của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học vào vai trò lãnh đạo của Đảng, vào con đường phát triển độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước.

Hai là, thực tiễn lịch sử thế giới hiện đại, nhất là bài học từ sự tan rã của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, cùng những bất ổn chính trị - xã hội ở một số quốc gia, tiếp tục cung cấp thêm cơ sở thực tiễn để khẳng định giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong định hướng phát triển đất nước. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đây là điều kiện để nhận thức rõ hơn rằng, phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam không thể tách rời nền tảng tư tưởng của Đảng, mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

Ba là, bối cảnh mới góp phần giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhận thức đầy đủ hơn mối quan hệ thống nhất giữa lý tưởng xã hội chủ nghĩa với lợi ích quốc gia - dân tộc. Qua thực tiễn hơn 40 năm đổi mới, đường lối phát triển của Việt Nam ngày càng cho thấy tính đúng đắn và phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Từ đó, giáo dục chính trị, tư tưởng có thêm cơ sở để bồi dưỡng niềm tin, củng cố lý tưởng, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và ý thức gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, bối cảnh mới đặt ra và đồng thời thúc đẩy nhu cầu hình thành, hoàn thiện mô hình nghiên cứu khoa học mang bản sắc Việt Nam, vừa tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức nhân loại, vừa bám sát thực tiễn đất nước, định hướng xã hội chủ nghĩa và lợi ích quốc gia - dân tộc. Đây là điều kiện thuận lợi để hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng gắn chặt hơn với đặc thù hoạt động khoa học, góp phần định hướng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phát triển tư duy độc lập, sáng tạo nhưng không tách rời nền tảng tư tưởng, chính trị của Đảng.

Năm là, những tác động từ tình hình mới còn giúp đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học nhận diện rõ hơn bản chất của khoa học chân chính trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt. Khoa học không chỉ là hoạt động khám phá và sáng tạo tri thức, mà còn gắn với trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân và trách nhiệm đối với sự phát triển của quốc gia. Việc nhận thức đúng vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp cán bộ nghiên cứu khoa học tránh rơi vào nhận thức phiến diện, lệch lạc hoặc bị lôi kéo bởi những mục tiêu ngoài khoa học, từ đó nâng cao hiệu quả của giáo dục chính trị, tư tưởng trong môi trường nghiên cứu.

Tóm lại, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước hiện nay đang tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất định để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam. Những tác động tích cực đó góp phần củng cố niềm tin chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, nâng cao tư duy lý luận và định hướng hành động đúng đắn cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4.1.2.2. Mặt tiêu cực

Bên cạnh những thuận lợi, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam.

Một là, trong điều kiện phong trào cách mạng thế giới có nhiều biến đổi phức tạp, cùng với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học có thể xuất hiện biểu hiện dao động về nhận thức chính trị, giảm sút niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Điều này đặc biệt dễ nảy sinh ở những người có quá trình đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong môi trường học thuật phương Tây nhưng ít được cập nhật thường xuyên về lý luận chính trị và thực tiễn phát triển của đất nước. Nếu không được định hướng kịp thời, những tác động này có thể làm giảm hiệu quả của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Hai là, nguy cơ “chảy máu chất xám” tiếp tục là một thách thức hiện hữu trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng gia tăng. Các chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học của các nước phát triển cùng với điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ và môi

trường nghiên cứu thuận lợi hơn có thể tác động đến tâm lý, sự lựa chọn nghề nghiệp và mức độ gắn bó của một bộ phận cán bộ khoa học trong nước. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực nghiên cứu của Viện mà còn tác động gián tiếp đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là trong việc củng cố động cơ cống hiến và ý thức trách nhiệm đối với quốc gia.

Ba là, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và xu hướng gia tăng kiểm soát công nghệ, tri thức có thể làm xuất hiện nguy cơ một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học bị lôi kéo, tác động hoặc vô tình rơi vào các hoạt động chuyên giao thông tin, tri thức, công nghệ không phù hợp với lợi ích quốc gia. Trong điều kiện hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng, nếu thiếu bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác và trách nhiệm nghề nghiệp, cán bộ nghiên cứu khoa học có thể trở thành đối tượng bị tác động bởi các động cơ phi khoa học, thậm chí bị lợi dụng trong các hoạt động mang tính chất chính trị, chiến lược. Đây là thách thức không nhỏ đối với nội dung và phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay.

Bốn là, tác động của cơ chế thị trường, xu hướng cá nhân hóa và sức ép về hiệu quả, thành tích trong hoạt động khoa học có thể làm nảy sinh khuynh hướng thực dụng trong một bộ phận cán bộ nghiên cứu khoa học. Khi quá nhấn mạnh lợi ích vật chất, thành tựu cá nhân hoặc giá trị công bố, một số người có thể xem nhẹ vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng, giảm sút ý thức trách nhiệm xã hội, thờ ơ với các vấn đề chính trị - tư tưởng, thậm chí nảy sinh những biểu hiện lệch chuẩn trong đạo đức nghề nghiệp. Chính điều đó làm cho việc tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng trong môi trường khoa học trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi phải có nội dung và phương pháp phù hợp hơn với đặc thù đội ngũ trí thức.

Năm là, trong môi trường học thuật mở và hội nhập sâu rộng, xu hướng “phi chính trị hóa” hoạt động nghiên cứu khoa học có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức tinh vi hơn. Một số cán bộ có thể tuyệt đối hóa “tự do học thuật”, tách hoạt động nghiên cứu ra khỏi định hướng chính trị - xã hội, từ đó xem nhẹ hoặc phủ nhận vai trò của nền tảng tư tưởng của Đảng đối với sự phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Nếu không được nhận diện và định hướng đúng đắn, những biểu hiện này có thể làm suy giảm tính thuyết

phục, tính thiết thực và hiệu quả của hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Tóm lại, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước hiện nay không chỉ tạo ra những cơ hội thuận lợi mà còn đặt ra nhiều khó khăn, thách thức mới đối với hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam. Điều đó đòi hỏi phải có sự nhận diện đầy đủ, kịp thời những tác động nhiều chiều của bối cảnh mới, trên cơ sở đó đề ra nội dung, phương thức và giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm sự vững mạnh về tư tưởng, chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giai đoạn tới.

4.1.3. Phương hướng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

4.1.3.1. Xác định giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, hàng đầu trong công tác tư tưởng của Đảng ủy và hệ thống chính trị của Viện

Trong bối cảnh mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, việc tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cần được xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể trong toàn hệ thống của Viện HLKH&CN Việt Nam. Cần quán triệt đầy đủ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, trực tiếp là Ban Thường vụ Đảng ủy Viện và các cấp ủy đảng trực thuộc, coi đây là yếu tố then chốt quyết định chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

Lãnh đạo Viện cần bám sát các chủ trương, định hướng lớn trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần các nghị quyết Đại hội Đảng, nhất là yêu cầu đổi mới phương thức giáo dục chính trị trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Giáo dục chính trị, tư tưởng cần được tổ chức nhằm trang bị cho cán bộ nghiên cứu khoa học nhận thức đúng đắn, sâu sắc về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, đồng thời gắn với việc nâng cao chất lượng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải hướng đến hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa, những cán bộ nghiên cứu khoa học có lý tưởng sống cao đẹp, có tinh thần yêu nước, trách nhiệm với cộng đồng, đoàn kết, gắn bó và sẵn sàng cống hiến vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là cơ sở để tạo sự thống nhất cao về tư tưởng chính trị trong nội bộ Viện, góp phần xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đảng ủy Viện cần xây dựng chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng bài bản, có tầm nhìn chiến lược với các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp; đồng thời, chú trọng đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục nhằm tăng hiệu quả tiếp cận đối với cán bộ nghiên cứu khoa học, những người có đặc thù tư duy khoa học độc lập, sáng tạo nhưng cũng thường thiếu điều kiện cập nhật thực tiễn chính trị, xã hội. Công tác rèn luyện đạo đức, lối sống, đấu tranh với biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên cần được đẩy mạnh, gắn với việc nêu gương và phát huy vai trò của đội ngũ lãnh đạo, quản lý khoa học.

4.1.3.2. Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp với đặc điểm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện

Trước yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN cần được tiếp tục đổi mới đồng bộ cả về nội dung lẫn phương thức thực hiện, bảo đảm phù hợp với trình độ, đặc điểm và nhu cầu phát triển của đội ngũ trí thức khoa học.

Trước hết, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc và làm rõ tính khoa học, cách mạng và thực tiễn của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Giáo dục chính trị, tư tưởng phải góp phần xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học cho cán bộ nghiên cứu, giúp họ nâng cao năng lực nhận thức và phân tích thực tiễn, tránh sa vào các quan điểm phiến diện, siêu hình, thực dụng hoặc xa rời lý tưởng cách mạng.

Thứ hai, giáo dục chính trị cần gắn với việc làm rõ và thấm nhuần nội dung đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong thời kỳ phát triển mới – kỷ

nguyên mà Đảng xác định khoa học, công nghệ là động lực then chốt để Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao nhận thức chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là yêu cầu tất yếu, để họ ý thức rõ hơn vai trò, trách nhiệm và sứ mệnh của mình trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ ba, nội dung giáo dục cần tích hợp những quan điểm mới của Đảng về hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Trong đó, nhấn mạnh tinh thần “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”, cảnh giác với những âm mưu lợi dụng hợp tác quốc tế để làm phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời, thúc đẩy tinh thần hợp tác chân thành, hiệu quả, vì sự phát triển bền vững, an ninh và hòa bình trong khu vực và trên thế giới.

Thứ tư, cần tăng cường giáo dục ý thức chính trị, trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ nghiên cứu khoa học – những người trực tiếp góp phần tạo ra tri thức mới, giải pháp mới, đóng góp cho phát triển đất nước. Phải khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng đưa khoa học Việt Nam sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Mỗi cán bộ cần ý thức rằng, chất lượng và hiệu quả nghiên cứu không chỉ là thước đo trình độ cá nhân mà còn là trách nhiệm chính trị đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Thứ năm, tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo, đa chiều của người học. Đặc biệt chú trọng các hình thức học tập chuyên đề, tọa đàm, trao đổi nhóm, nghiên cứu thực tế gắn với các nhiệm vụ khoa học cụ thể. Tăng cường tương tác hai chiều, khuyến khích thảo luận cởi mở, phản biện học thuật và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cán bộ nghiên cứu, qua đó giúp họ tự giác tiếp thu lý luận chính trị, vận dụng vào công tác chuyên môn một cách hiệu quả và thiết thực.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc phương hướng nêu trên sẽ góp phần đưa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam phát triển vững chắc, toàn diện, xứng tầm với vai trò trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu của đất nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển quốc gia bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

4.1.3.3. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện phải là một quá trình thường xuyên, liên tục gắn với công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Viện

Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam cần được xác định là một quá trình thường xuyên, liên tục, gắn kết chặt chẽ với công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Trong đó, việc nâng cao trình độ lý luận chính trị, nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng viên không chỉ góp phần củng cố bản lĩnh chính trị mà còn là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, công nghệ, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây cũng là yêu cầu trọng tâm được nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ năm, khóa XIII về tăng cường xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Nghị quyết nhấn mạnh: “Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đảng viên... tăng cường trách nhiệm của đảng viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng...”. Do đó, Viện HLKH&CN Việt Nam cần cụ thể hóa Nghị quyết số 21-NQ/TW thành các chương trình, kế hoạch hành động, đề án chuyên đề với nội dung, mục tiêu và giải pháp rõ ràng, phù hợp với đặc điểm, chức năng của từng đơn vị trực thuộc. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá việc triển khai các nội dung này một cách hiệu quả, thực chất.

Đồng thời, Viện Hàn lâm cần sớm cụ thể hóa các nội dung của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Trong nội dung về “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng” [24, tr.130], Đảng ta nhấn mạnh yêu cầu “tăng cường xây dựng Đảng về chính trị” và “đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận” [24, tr.130]. Đây là những định hướng quan trọng để Viện tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và ý thức trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị nội bộ Viện là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Cấp ủy đảng, các cấp lãnh đạo, quản lý, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ... cần được phân công, phân nhiệm cụ thể, phối hợp chặt chẽ, hài hòa, tạo thành mạng lưới giáo dục chính trị, tư tưởng đồng bộ từ cấp Viện đến từng đơn vị nghiên cứu.

Ngoài ra, Viện cũng cần đẩy mạnh hợp tác với các chuyên gia, cơ quan đào tạo chính trị, lý luận uy tín nhằm thu hút nguồn lực chất lượng cao, có tâm huyết tham gia công tác giáo dục chính trị, tư tưởng một cách lâu dài và bền vững.

4.1.3.4. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện phải quan tâm đến việc đầu tư các điều kiện bảo đảm để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục

Bên cạnh các yếu tố về nội dung, phương pháp và tổ chức thực hiện, việc đầu tư đầy đủ và đồng bộ các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cũng là yếu tố quyết định nâng cao chất lượng và hiệu quả thực tiễn.

Trước hết, cần tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và truyền thông tư tưởng. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, cần ưu tiên đầu tư các phương tiện kỹ thuật số, nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm hỗ trợ hội nghị, hội thảo chuyên đề về chính trị, tư tưởng. Các phòng học, lớp học, trung tâm đào tạo cần được nâng cấp theo hướng hiện đại, đa phương tiện, tích hợp chức năng sử dụng linh hoạt cho các hoạt động chuyên môn và giáo dục chính trị, tư tưởng.

Đặc biệt, cần quan tâm trang bị các phòng hội nghị trực tuyến chất lượng cao, kết nối đồng bộ giữa các đơn vị trong toàn Viện nhằm phục vụ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nghị quyết, học tập chính trị từ xa. Đây là hình thức ngày càng phổ biến, hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí, phù hợp với đặc thù phân tán về không gian làm việc của đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Song song với điều đó, cần đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ cho giảng viên, báo cáo viên như máy chiếu, thiết bị trình chiếu, bảng tương tác, hệ thống âm thanh, ánh sáng... nhằm hỗ trợ việc truyền đạt kiến thức sinh động, dễ tiếp cận và nâng cao hiệu quả tiếp thu của người học.

Cùng với đó, việc tận dụng cơ sở nghiên cứu hiện có để tích hợp tổ chức hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ giúp tiết kiệm nguồn lực mà còn tạo điều kiện để gắn kết nội dung lý luận chính trị với thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ, tạo chiều sâu tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện.

4.2. Giải pháp tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian tới

Để phát huy hơn nữa những mặt tích cực, ưu điểm, hạn chế đến mức thấp nhất những mặt tiêu cực, khó khăn, thách thức có thể xảy ra trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian tới, cần thực hiện những giải pháp chủ yếu như sau:

4.2.1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp trong Viện về tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong bối cảnh mới

4.2.1.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm gương mẫu của cấp ủy đảng, lãnh đạo các đơn vị trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và chuyên môn

Yêu cầu đặt ra là phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Đảng ủy, lãnh đạo Viện, cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các đơn vị đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Đây không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên của công tác xây dựng Đảng mà còn là điều kiện quan trọng bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển đúng định hướng, gắn chặt giữa yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn với yêu cầu giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm xã hội của đội ngũ cán bộ khoa học. Thực tiễn cho thấy, ở đơn vị nào người đứng đầu thực sự quan tâm, trực tiếp chỉ đạo, nêu gương và chịu trách nhiệm thì ở đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thường được triển khai nghiêm túc, có chiều sâu và đạt hiệu quả rõ nét hơn.

Nội dung của giải pháp này trước hết là làm cho cấp ủy, lãnh đạo các đơn vị nhận thức đầy đủ rằng giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không phải là nhiệm vụ mang tính hình thức, tách rời chuyên môn, mà là bộ phận cấu thành quan trọng trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của Viện phát triển toàn diện. Đối với môi trường nghiên cứu khoa học,

nơi lao động trí tuệ mang tính đặc thù, thường xuyên tiếp xúc với tri thức mới, hợp tác quốc tế và các luồng thông tin đa chiều, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng càng phải được đặt đúng vị trí để góp phần định hướng nhận thức, củng cố niềm tin, xây dựng bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm khoa học. Vì vậy, cấp ủy đảng, lãnh đạo đơn vị cần xác định rõ đây là trách nhiệm trực tiếp của mình, không khoán trắng cho bộ phận tham mưu hoặc tổ chức đoàn thể.

Nội dung tiếp theo là đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo đơn vị trong cả nhận thức, lời nói và hành động. Người đứng đầu phải thực sự gương mẫu trong học tập lý luận chính trị, chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Viện; đồng thời gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, tác phong công tác và văn hóa ứng xử trong hoạt động khoa học. Sự gương mẫu đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi trong môi trường trí thức, sức thuyết phục nhiều khi không chỉ đến từ mệnh lệnh hành chính mà còn đến từ uy tín chính trị, năng lực chuyên môn, đạo đức và phong cách của người lãnh đạo. Khi người đứng đầu thực sự là trung tâm đoàn kết, là tấm gương về bản lĩnh chính trị và trách nhiệm nghề nghiệp thì công tác giáo dục chính trị, tư tưởng mới có cơ sở để đi vào thực chất.

Bên cạnh đó, cần xác định rõ trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu trong từng khâu của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trước hết, người đứng đầu cấp ủy phải chịu trách nhiệm lãnh đạo việc quán triệt, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và của cấp trên về công tác tư tưởng, công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng vào điều kiện cụ thể của đơn vị. Trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị cần chỉ đạo đánh giá đúng đặc điểm đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là trình độ chuyên môn, môi trường công tác, những biến động về tư tưởng và các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghiên cứu để xác định trọng tâm giáo dục phù hợp. Người đứng đầu đồng thời phải trực tiếp chỉ đạo việc gắn giáo dục chính trị, tư tưởng với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, với xây dựng đạo đức khoa học, văn hóa nghiên cứu, ý thức trách nhiệm xã hội và tinh thần phụng sự Tổ quốc.

Về cách thực hiện, trước hết cần xây dựng một quy trình tương đối chặt chẽ, đồng bộ và có thể áp dụng thống nhất trong toàn Viện, đồng thời có sự linh hoạt phù hợp với đặc điểm từng đơn vị. Quy trình đó có thể triển khai theo các bước cơ bản sau:

Bước thứ nhất, nắm tình hình và đánh giá thực trạng. Cấp ủy, người đứng đầu đơn vị cần định kỳ rà soát, đánh giá tình hình tư tưởng, đạo đức, lối sống, tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; nhận diện những vấn đề nổi lên có thể tác động đến nhận thức chính trị, thái độ nghề nghiệp và động lực cống hiến. Việc đánh giá phải dựa trên nhiều kênh thông tin như sinh hoạt chi bộ, giao ban chuyên môn, đối thoại trực tiếp, phản ánh của tổ chức đoàn thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ.

Bước thứ hai, xác định mục tiêu, nội dung và đối tượng trọng tâm. Trên cơ sở nắm chắc tình hình, người đứng đầu cấp ủy cần chỉ đạo lựa chọn những nội dung giáo dục phù hợp với đặc thù của đơn vị và từng nhóm cán bộ, tránh dàn trải, chung chung. Nội dung giáo dục cần gắn với nhiệm vụ chính trị của Viện, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới, những vấn đề về đạo đức khoa học, trách nhiệm công dân, ý thức bảo vệ lợi ích quốc gia trong hoạt động nghiên cứu và hợp tác quốc tế.

Bước thứ ba, xây dựng kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể. Cấp ủy, lãnh đạo đơn vị cần ban hành kế hoạch giáo dục chính trị, tư tưởng theo năm, theo quý hoặc theo chuyên đề; trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, thời gian, lực lượng thực hiện và tiêu chí đánh giá kết quả. Người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp phụ trách những nội dung trọng tâm, đồng thời phân công rõ trách nhiệm cho cấp ủy viên, lãnh đạo chuyên môn, tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên và các bộ phận tham mưu để bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ.

Bước thứ tư, tổ chức thực hiện gắn với môi trường chuyên môn. Việc giáo dục chính trị, tư tưởng không nên chỉ dừng ở các buổi học tập nghị quyết hoặc sinh hoạt định kỳ, mà cần được lồng ghép với hoạt động chuyên môn, sinh hoạt học thuật, hội thảo khoa học, đánh giá đề tài, quản lý nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng văn hóa cơ quan. Người đứng đầu đơn vị cần trực tiếp tham gia một số nội dung quan trọng, đối thoại với cán bộ, giải đáp những vấn đề tư tưởng nảy sinh, định hướng nhận thức trước những vấn đề mới, nhạy cảm và phức tạp. Cách làm này giúp tăng tính thuyết phục và làm cho giáo dục chính trị, tư tưởng gắn chặt hơn với thực tiễn lao động khoa học.

Bước thứ năm, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và điều chỉnh. Người đứng đầu cấp ủy cần chỉ đạo đưa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng vào nội dung kiểm tra, giám sát thường xuyên; định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá đúng

kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế, nguyên nhân và kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện. Kết quả công tác này cần được gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, lãnh đạo đơn vị và cá nhân người đứng đầu.

Cùng với quy trình trên, cần quy định rõ hơn vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy. Người đứng đầu phải là chủ thể lãnh đạo trực tiếp, giữ vai trò định hướng, tổ chức, kiểm tra và chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng của đơn vị. Người đứng đầu không chỉ có trách nhiệm ban hành kế hoạch, phân công nhiệm vụ, mà còn phải thường xuyên dự báo tình hình tư tưởng, kịp thời phát hiện những biểu hiện lệch lạc, dao động, thực dụng hoặc xem nhẹ nền tảng tư tưởng của Đảng trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học để có biện pháp uốn nắn phù hợp. Đồng thời, người đứng đầu phải biết kết hợp hài hòa giữa yêu cầu quản lý, giáo dục, thuyết phục và nêu gương, tránh áp đặt hành chính đơn thuần hoặc tách rời giáo dục chính trị, tư tưởng với đặc điểm của lao động khoa học.

Để bảo đảm tính thực chất, cần gắn trách nhiệm của người đứng đầu với cơ chế đánh giá, xếp loại và kiểm điểm hằng năm. Đơn vị nào buông lỏng công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, để xảy ra biểu hiện mất đoàn kết, suy giảm ý thức chính trị, vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc xem nhẹ trách nhiệm xã hội trong nghiên cứu khoa học thì người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo đơn vị phải chịu trách nhiệm. Ngược lại, những đơn vị làm tốt, có mô hình hiệu quả, gắn chặt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với nâng cao chất lượng chuyên môn, xây dựng văn hóa nghiên cứu và phát huy vai trò đội ngũ cán bộ khoa học cần được sơ kết, tổng kết, biểu dương và nhân rộng.

Trách nhiệm gương mẫu của cấp ủy đảng, lãnh đạo đơn vị, nhất là người đứng đầu, vì thế không chỉ góp phần tạo dựng môi trường chính trị - tư tưởng lành mạnh mà còn tác động trực tiếp đến chất lượng hoạt động chuyên môn của Viện. Trong giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045, khi Viện HLKH&CN Việt Nam hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm khoa học và công nghệ hàng đầu quốc gia, từng bước có vị thế trong khu vực, tham gia tư vấn chiến lược cho Đảng và Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ trình độ cao, làm chủ một số công nghệ then chốt, thì việc phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, trách nhiệm nêu gương và trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu trong công tác giáo dục chính trị, tư

tưởng càng có ý nghĩa quan trọng. Đây là cơ sở để xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phát triển toàn diện, vừa vững vàng về chính trị, tư tưởng, vừa giỏi về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển của Viện và của đất nước trong tình hình mới.

4.2.1.2. Tăng cường vai trò trực tiếp của các chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện

Yêu cầu đặt ra là phải phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm trực tiếp của các chủ thể tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện, bảo đảm công tác này được triển khai thống nhất, đồng bộ, thường xuyên và gắn chặt với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị. Đối với Viện HLKH&CN Việt Nam, nơi đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, môi trường làm việc mang đậm tính học thuật và tính đặc thù nghề nghiệp, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng phụ thuộc nhiều vào sự tham gia thực chất, chủ động và trực tiếp của các chủ thể lãnh đạo, quản lý, tham mưu và tổ chức quần chúng.

Nội dung của giải pháp này trước hết là làm rõ nhận thức của các chủ thể giáo dục về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phát triển toàn diện. Hoạt động này không chỉ nhằm củng cố lập trường tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, mà còn góp phần tạo nền tảng chính trị - tinh thần cho việc hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, triển khai các chương trình, đề tài, dự án và thực hiện chiến lược phát triển của Viện trong tình hình mới. Vì vậy, các chủ thể giáo dục phải coi đây là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên, không thể khoán trắng cho một cơ quan hay một lực lượng riêng lẻ.

Tiếp theo là cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị của Viện đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong đó, cấp ủy đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn diện; lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện gắn với nhiệm vụ chuyên môn; cơ quan tuyên giáo và các bộ phận tham mưu có trách nhiệm đề xuất nội dung, chương trình, hướng dẫn, kiểm tra; các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh và các tổ chức khác có vai trò phối hợp, tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và

phản ánh tình hình tư tưởng của cán bộ. Việc phân định rõ như vậy sẽ giúp tránh chòng chéo, bỏ sót trách nhiệm hoặc tình trạng triển khai hình thức, thiếu đầu mối chịu trách nhiệm cụ thể.

Về cách thực hiện, trước hết cần rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ cơ chế kiểm tra và rõ kết quả cần đạt. Trên cơ sở đó, cần quy định cụ thể những nội dung do cấp ủy trực tiếp lãnh đạo; những công việc do lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện; những nhiệm vụ do cơ quan tuyên giáo, bộ phận tổ chức cán bộ, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp đảm nhiệm; đồng thời xác định rõ chế độ thông tin, báo cáo, giao ban, sơ kết, tổng kết để bảo đảm sự liên thông, thống nhất trong quá trình triển khai.

Đồng thời, cần giao việc cụ thể gắn với vị trí, chức năng của từng chủ thể. Cấp ủy và người đứng đầu đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giáo dục chính trị, tư tưởng hằng năm và theo chuyên đề; lồng ghép nội dung giáo dục vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cơ quan, hội nghị cán bộ, hoạt động học thuật và quản lý chuyên môn. Cơ quan tham mưu cần chủ động chuẩn bị tài liệu, nội dung, đề cương tuyên truyền, đề xuất hình thức tổ chức phù hợp với từng nhóm cán bộ. Các tổ chức đoàn thể cần phát huy vai trò gần gũi, nắm bắt diễn biến tư tưởng, kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh và phối hợp triển khai các hoạt động giáo dục mang tính mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm đội ngũ trí thức khoa học.

Một yêu cầu quan trọng khác là tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Việc phát huy vai trò trực tiếp của các chủ thể giáo dục chỉ có thể đi vào thực chất khi được đặt trong cơ chế theo dõi thường xuyên, có tiêu chí đánh giá cụ thể và gắn với trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan. Vì vậy, cần đưa kết quả thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng vào nội dung đánh giá chất lượng tổ chức đảng, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị, cán bộ chủ chốt và hiệu quả phối hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị của Viện.

Tóm lại, tăng cường vai trò trực tiếp của các chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện là giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm bảo đảm công tác này được triển khai đồng bộ, thường xuyên và hiệu quả. Khi từng chủ thể

nhận thức rõ chức năng, trách nhiệm của mình và phối hợp chặt chẽ trong tổ chức thực hiện, giáo dục chính trị, tư tưởng sẽ có điều kiện gắn bó mật thiết hơn với hoạt động nghiên cứu khoa học, qua đó góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện vừa vững vàng về chính trị, tư tưởng, vừa có năng lực chuyên môn cao.

4.2.1.3. Quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện

Yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và phương pháp công tác phù hợp với đặc thù đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện. Đây là điều kiện quan trọng bảo đảm cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được tổ chức bài bản, có chiều sâu, ổn định và bền vững.

Nội dung của giải pháp này trước hết là khẳng định vai trò trung tâm của Đảng ủy và Ban lãnh đạo Viện trong việc xác định quan điểm, chủ trương, phương hướng và biện pháp tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Từ vị trí lãnh đạo toàn diện, Đảng ủy và Ban lãnh đạo Viện cần chỉ đạo xây dựng hệ thống tổ chức, cơ chế vận hành và phương thức phối hợp phù hợp để công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thực sự trở thành một bộ phận hữu cơ trong toàn bộ hoạt động xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học. Những chủ trương đó phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ giỏi chuyên môn mà còn vững vàng về chính trị, tư tưởng, có đạo đức nghề nghiệp và tinh thần phụng sự đất nước.

Nội dung tiếp theo là nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp về vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong điều kiện hoạt động khoa học ngày càng phát triển theo hướng chuyên sâu, liên ngành, hội nhập quốc tế và chuyên đổi số mạnh mẽ, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng không thể đạt hiệu quả nếu thiếu một bộ máy đủ năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện và thiếu đội ngũ cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có trình độ, tâm huyết, am hiểu đặc thù đội ngũ trí thức khoa học. Đặc biệt, đối với lực lượng cán bộ khoa học đầu

ngành, cán bộ có học hàm, học vị cao, có vị trí và ảnh hưởng lớn trong đời sống khoa học của Viện, việc giáo dục chính trị, tư tưởng đòi hỏi cách tiếp cận phù hợp, có cơ sở lý luận, thực tiễn và sức thuyết phục cao; vì thế, yêu cầu đối với đội ngũ làm công tác này càng phải được đặt ra nghiêm túc hơn.

Về cách thực hiện, trước hết cần tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng tổ chức bộ máy và đội ngũ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Viện; trên cơ sở đó xác định rõ những mặt mạnh, hạn chế, bất cập về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chế độ phối hợp và chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện. Từ kết quả rà soát, cần có kế hoạch kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, rõ đầu mối, đồng thời bảo đảm sự phối hợp thông suốt giữa cấp ủy, cơ quan tuyên giáo, tổ chức cán bộ, các đơn vị chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội trong Viện.

Tiếp đó, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng chuyên nghiệp hơn. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ cần căn cứ vào phẩm chất chính trị, bản lĩnh tư tưởng, năng lực tham mưu, kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục, khả năng nắm bắt tâm lý cán bộ và sự hiểu biết về môi trường nghiên cứu khoa học. Cần tăng cường bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác đảng, kỹ năng tuyên truyền miệng, kỹ năng đối thoại, kỹ năng xử lý tình huống tư tưởng và năng lực sử dụng công nghệ số cho đội ngũ này, nhằm giúp họ đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong điều kiện mới.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ, cần quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp đối với cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong bối cảnh xã hội ngày càng đa dạng hóa về nhu cầu vật chất và tinh thần, nếu không có sự quan tâm đúng mức về điều kiện làm việc, chế độ động viên, ghi nhận và sử dụng cán bộ, rất khó phát huy tính tích cực, trách nhiệm và sự gắn bó lâu dài của đội ngũ này. Vì vậy, cần có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ có nhiều đóng góp, có năng lực chuyên môn sâu, có kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời bảo đảm sự công khai, minh bạch, công bằng trong công tác tổ chức cán bộ, thi đua - khen thưởng, đánh giá, quy hoạch và sử dụng cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Ngoài ra, cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa trách nhiệm chính trị với lợi ích chính đáng của đội ngũ cán bộ làm công tác này. Khi được bảo

đảm điều kiện làm việc, được ghi nhận đúng mức và được tạo cơ hội phát triển, đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng sẽ có thêm động lực để phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Tóm lại, quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện là giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm tính ổn định, chuyên nghiệp và hiệu quả lâu dài của công tác này. Đây cũng là một trong những điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện phát triển toàn diện trong bối cảnh mới.

4.2.1.4. Phát huy vai trò tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cơ quan tuyên giáo trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Yêu cầu đặt ra là phải phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt của cơ quan tuyên giáo trong tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện. Trong điều kiện yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng ngày càng cao, nội dung ngày càng đa dạng, phương thức tổ chức ngày càng đòi hỏi tính chuyên nghiệp và phù hợp với đặc thù lao động khoa học, cơ quan tuyên giáo cần thực sự trở thành đầu mối chủ động, nhạy bén và có chiều sâu trong tham mưu cho Đảng ủy và Ban lãnh đạo Viện.

Nội dung của giải pháp này là làm rõ vai trò của cơ quan tuyên giáo trong toàn bộ quy trình giáo dục chính trị, tư tưởng, từ khâu nghiên cứu, dự báo tình hình, xây dựng kế hoạch, đề xuất nội dung, lựa chọn hình thức, tổ chức triển khai đến theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và tham mưu điều chỉnh. Với vai trò là cơ quan chuyên trách, cơ quan tuyên giáo không chỉ giúp việc cho cấp ủy trong việc quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng mà còn phải chủ động bám sát đặc điểm đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặc điểm từng đơn vị và những vấn đề tư tưởng nảy sinh trong thực tiễn nghiên cứu để tham mưu nội dung giáo dục thiết thực, kịp thời và có tính thuyết phục.

Một nội dung quan trọng khác là cơ quan tuyên giáo cần làm tốt vai trò đầu mối trong xây dựng kế hoạch giáo dục chính trị, tư tưởng theo nhiệm kỳ, hằng năm, hằng quý, hằng tháng và theo từng chuyên đề cụ thể. Kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung trọng tâm, đối tượng tác động, hình

thức tổ chức, lực lượng tham gia và tiêu chí đánh giá kết quả, bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chung của Đảng, của Viện với đặc thù hoạt động khoa học của từng đơn vị. Đồng thời, cơ quan tuyên giáo cần tham mưu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với từng nhóm cán bộ, từng chức danh, từng cấp độ yêu cầu, từ đó góp phần từng bước nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Về cách thực hiện, trước hết cơ quan tuyên giáo cần chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thông qua nhiều kênh khác nhau như sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, phản ánh của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể, kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và các diễn biến mới trong đời sống học thuật, xã hội. Trên cơ sở đó, cơ quan tuyên giáo phải nâng cao năng lực dự báo, nhận diện đúng những vấn đề tư tưởng nổi lên, những biểu hiện cần quan tâm, những nội dung cần định hướng kịp thời để tham mưu cho cấp ủy và lãnh đạo Viện có giải pháp phù hợp.

Tiếp đó, cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa cơ quan tuyên giáo với các ban, bộ phận chức năng, các đơn vị chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội trong Viện. Sự phối hợp này phải được thực hiện thường xuyên, có chế độ trao đổi thông tin, giao ban, phản hồi, đánh giá rõ ràng, nhằm bảo đảm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng không bị tách rời khỏi hoạt động chuyên môn và không chỉ dừng ở khâu tuyên truyền đơn thuần. Trong đó, cơ quan tuyên giáo cần giữ vai trò tham mưu tổng hợp, hướng dẫn nghiệp vụ, đôn đốc thực hiện và đề xuất các biện pháp xử lý, định hướng dư luận khi xuất hiện những vấn đề tư tưởng phức tạp.

Bên cạnh đó, cơ quan tuyên giáo cần chú trọng đổi mới phương pháp tổ chức thực hiện, nhất là trong việc lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục phù hợp với đội ngũ cán bộ trí thức khoa học. Việc kết hợp giữa tuyên truyền miệng, sinh hoạt chuyên đề, hội nghị học tập nghị quyết, tọa đàm học thuật, đối thoại trực tiếp, tài liệu điện tử và các phương tiện truyền thông nội bộ sẽ giúp nâng cao tính hấp dẫn, tính cập nhật và hiệu quả tiếp nhận của cán bộ nghiên cứu khoa học. Cơ quan tuyên giáo đồng thời cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá khách quan kết quả thực hiện, chỉ ra nguyên nhân của hạn chế, bất cập và kịp thời tham mưu điều chỉnh.

Tóm lại, phát huy vai trò tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cơ quan tuyên giáo là một trong những giải pháp then chốt nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Khi cơ quan tuyên giáo thực sự chủ động, sâu sát, có năng lực tham mưu tốt và phối hợp hiệu quả với các lực lượng liên quan, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng sẽ có điều kiện phát huy vai trò rõ nét hơn trong thực tiễn.

4.2.1.5. Xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có chất lượng, đáp ứng yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng trong điều kiện mới

Yêu cầu đặt ra là phải xây dựng được đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có phẩm chất chính trị vững vàng, trình độ lý luận tốt, năng lực chuyên môn phù hợp, phương pháp truyền đạt hiệu quả và am hiểu đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong Viện. Đây là lực lượng trực tiếp chuyển tải các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng đến người học, do đó có vai trò rất quan trọng trong việc quyết định chất lượng tiếp nhận, mức độ thuyết phục và hiệu quả thực tế của hoạt động giáo dục.

Nội dung của giải pháp này là xây dựng mạng lưới giảng viên, báo cáo viên theo hướng ổn định, có cơ cấu hợp lý, kết hợp giữa lực lượng bên ngoài có trình độ chuyên sâu với lực lượng bên trong am hiểu thực tiễn hoạt động của Viện. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, việc giáo dục chính trị, tư tưởng chỉ thực sự đạt hiệu quả khi người truyền đạt không chỉ nắm chắc lý luận chính trị mà còn có khả năng liên hệ sâu sắc với đặc điểm lao động khoa học, môi trường học thuật, yêu cầu hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn nghiên cứu. Vì vậy, việc lựa chọn giảng viên, báo cáo viên cần được thực hiện trên cơ sở cả phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và khả năng kết nối lý luận với thực tiễn.

Một trong các nội dung quan trọng là tận dụng có hiệu quả nguồn lực giảng viên chất lượng cao từ các học viện, trường đại học, cơ sở đào tạo lý luận chính trị và các cơ quan có uy tín trên địa bàn Hà Nội để giảng dạy, bồi dưỡng cho cán bộ của Viện. Đối với các chương trình đào tạo lý luận chính trị từ sơ cấp đến cao cấp, cần xây dựng mối quan hệ phối hợp ổn định, lâu dài với các cơ sở đào tạo có chất lượng, đồng thời lựa chọn những giảng viên có

kinh nghiệm, phương pháp phù hợp với đối tượng là cán bộ nghiên cứu khoa học. Điều này sẽ góp phần nâng cao tính hệ thống, chuẩn mực và chiều sâu lý luận trong hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng.

Bên cạnh đó, đối với các lớp bồi dưỡng, hội nghị quán triệt nghị quyết, phổ biến chính sách, thông tin thời sự, cập nhật những vấn đề mới, cần mời các báo cáo viên có trình độ, uy tín và kinh nghiệm thực tiễn từ các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia khoa học và các lĩnh vực liên quan. Việc lựa chọn báo cáo viên phải bảo đảm nội dung truyền đạt có tính cập nhật, chính xác, phù hợp với yêu cầu định hướng tư tưởng, đồng thời có khả năng gợi mở, thuyết phục và liên hệ trực tiếp với thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện.

Về cách thực hiện, trước hết cần xây dựng tiêu chí lựa chọn, đánh giá và sử dụng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên theo hướng cụ thể, thống nhất và phù hợp với đặc điểm của từng loại hình hoạt động giáo dục. Các tiêu chí cơ bản cần bao gồm: phẩm chất chính trị, trình độ lý luận, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, năng lực sư phạm, kỹ năng truyền đạt, khả năng tương tác với người học và khả năng liên hệ nội dung giáo dục với đặc thù hoạt động khoa học. Trên cơ sở đó, Viện cần xây dựng danh sách giảng viên, báo cáo viên nòng cốt theo từng nhóm nội dung để chủ động trong kế hoạch tổ chức thực hiện.

Cần kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng giảng viên, báo cáo viên bên ngoài với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ chuyên trách công tác đảng của Viện. Lực lượng bên ngoài có ưu thế về chiều sâu lý luận, tính cập nhật và kinh nghiệm giảng dạy; trong khi lực lượng bên trong có lợi thế trong việc bám sát thực tiễn hoạt động của Viện, hiểu đặc điểm cán bộ, thuận lợi trong liên hệ, cụ thể hóa nội dung và định hướng tư tưởng sát hợp hơn. Sự kết hợp này sẽ giúp nâng cao cả tính chuẩn mực và tính thực tiễn của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Trong bối cảnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và tổ chức nhiều hội nghị, lớp học theo hình thức trực tuyến, vai trò của giảng viên, báo cáo viên càng cần được phát huy theo phương thức mới. Việc truyền đạt nội dung trong môi trường trực tuyến đòi hỏi giảng viên, báo cáo viên không chỉ nắm chắc nội dung mà còn cần có kỹ năng trình bày ngắn gọn, rõ ràng, có trọng tâm, biết sử

dụng phương tiện hỗ trợ và tương tác phù hợp để nâng cao hiệu quả tiếp nhận. Đối với những hội nghị trực tuyến có nội dung chung, Viện cần có thêm hoạt động quán triệt, trao đổi, làm rõ ở cấp nội bộ thông qua lực lượng báo cáo viên của Viện, nhằm gắn các chủ trương, nghị quyết, chính sách với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn và yêu cầu thực tiễn của từng đơn vị.

Ngoài ra, cần quan tâm bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho chính đội ngũ giảng viên, báo cáo viên; định kỳ đánh giá chất lượng giảng dạy, báo cáo; lắng nghe phản hồi từ người học để kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức. Đây là cơ sở để từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên ổn định, có chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng trong điều kiện mới.

Tóm lại, xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có chất lượng, am hiểu lý luận, vững vàng về chính trị, giàu kinh nghiệm thực tiễn và có phương pháp truyền đạt phù hợp với đặc thù đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện HLKH&CN Việt Nam hiện nay

4.2.2. Chú trọng đặc điểm và tính đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện, phát huy vai trò chủ động của họ trong giáo dục chính trị, tư tưởng

4.2.2.1. Nghiên cứu, quán triệt sâu sắc đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giáo dục chính trị, tư tưởng

Muốn hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đạt hiệu quả thiết thực và bền vững, trước hết phải nhận diện đúng và đầy đủ đặc điểm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện HLKH&CN Việt Nam. Đây là lực lượng trí thức đặc thù, được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ, có năng lực tư duy logic, độc lập, đề cao tính sáng tạo và chuẩn mực học thuật. Họ là những người trực tiếp sản sinh tri thức mới, tham gia giải quyết các vấn đề khoa học – công nghệ phục vụ phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tuy nhiên, chính sự chuyên sâu về chuyên môn và đặc thù lao động trí tuệ cường độ cao cũng có thể dẫn đến xu hướng chuyên môn hóa khép kín, khiến một bộ phận cán bộ nghiên cứu ít quan tâm đến các lĩnh vực ngoài phạm vi nghiên cứu trực tiếp, trong đó có lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Mặt

khác, đặc trưng tư duy lý luận của đội ngũ này mang tính duy lý, đề cao chứng cứ khoa học và tinh thần phản biện, do đó họ không dễ chấp nhận những nội dung mang tính áp đặt, khuôn mẫu hoặc thiếu cơ sở thực tiễn.

Chính vì vậy, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không thể triển khai theo lối truyền đạt một chiều, mà cần được thiết kế trên nền tảng khoa học, bảo đảm tính lý luận chặt chẽ, lập luận thuyết phục và gắn chặt với thực tiễn hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Nội dung giáo dục cần làm rõ mối quan hệ giữa lý luận chính trị với phương pháp luận khoa học, giữa định hướng chính trị với định hướng nghiên cứu, qua đó giúp cán bộ nhận thức sâu sắc hơn vai trò của mình trong sự nghiệp phát triển khoa học – công nghệ và xây dựng đất nước.

Đồng thời, việc nghiên cứu, quán triệt đặc thù của đội ngũ cần được thực hiện một cách có hệ thống thông qua khảo sát, phân loại theo lĩnh vực chuyên môn, trình độ, độ tuổi, môi trường công tác... làm cơ sở cho việc cá thể hóa nội dung và phương thức giáo dục. Cùng với đó, cần tăng cường các hình thức đối thoại học thuật, diễn đàn trao đổi, tranh luận khoa học về các vấn đề chính trị, tư tưởng, qua đó nâng cao tính tương tác, tính phản biện tích cực và sức thuyết phục của công tác giáo dục.

Như vậy, hiểu đúng và đầy đủ đặc điểm nghề nghiệp, tâm lý học thuật của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học chính là tiền đề quan trọng để đổi mới nội dung, phương pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong Viện.

4.2.2.2. Phát huy mạnh mẽ tính tự giác, chủ động của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giáo dục chính trị, tư tưởng

Tính tự giác và chủ động là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và chiều sâu của quá trình học tập lý luận chính trị. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là những người có năng lực tư duy độc lập, khả năng tự học cao, cho nên việc phát huy yếu tố này không chỉ là yêu cầu mà còn là điều kiện tiên quyết để công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạt hiệu quả thực chất.

Trước hết, đội ngũ cán bộ nghiên cứu cần nhận thức rõ vai trò nền tảng, định hướng của lý luận chính trị, tư tưởng đối với hoạt động khoa học. Lý luận chính trị không chỉ góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và

phương pháp luận khoa học đúng đắn, mà còn định hướng giá trị, mục tiêu nghiên cứu, bảo đảm cho hoạt động khoa học gắn với lợi ích của quốc gia, dân tộc và phục vụ nhân dân.

Trên cơ sở đó, mỗi cán bộ nghiên cứu cần chủ động xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu lý luận chính trị gắn với lĩnh vực chuyên môn của mình; tích cực tham gia các lớp học, hội nghị, tọa đàm; đồng thời chủ động cập nhật thông tin về tình hình chính trị, thời sự trong nước và quốc tế có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu. Việc tự học cần được nâng lên thành nhu cầu nội tại, trở thành một bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển nghề nghiệp và hoàn thiện nhân cách của người cán bộ khoa học.

Trong bối cảnh Viện HLKH&CN Việt Nam đang tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu tinh hoa, phát triển các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử, sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, y tế..., với mục tiêu đến năm 2045 trở thành trung tâm khoa học – công nghệ hàng đầu khu vực, thì yêu cầu nâng cao nền tảng chính trị, tư tưởng càng trở nên cấp thiết và mang tính chiến lược.

Để hiện thực hóa yêu cầu này, Viện cần xây dựng cơ chế khuyến khích và ràng buộc phù hợp nhằm thúc đẩy tính tự giác, chủ động của cán bộ nghiên cứu trong học tập lý luận chính trị; gắn kết quả học tập với đánh giá, xếp loại, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ. Đồng thời, cần tổ chức định kỳ sơ kết, tổng kết công tác giáo dục chính trị, tư tưởng song song với đánh giá chuyên môn; tăng cường nắm bắt, dự báo và xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh về tư tưởng, tâm lý, tạo môi trường ổn định, lành mạnh để cán bộ yên tâm công tác, phát huy tối đa năng lực sáng tạo.

4.2.2.3. Tăng cường rèn luyện bản lĩnh chính trị, nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng trong nghiên cứu khoa học

Rèn luyện bản lĩnh chính trị là yêu cầu thiết yếu và mang tính lâu dài đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong Viện HLKH&CN Việt Nam. Bản lĩnh chính trị không chỉ thể hiện ở sự trung thành với Đảng, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, mà còn ở khả năng nhận diện, phân tích và xử lý đúng đắn các vấn đề phức tạp trong môi trường học thuật ngày càng đa dạng, mở và chịu nhiều tác động từ bên ngoài.

Việc rèn luyện bản lĩnh chính trị cần gắn liền với quá trình nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào hoạt động nghiên cứu khoa học. Điều đó giúp bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn cho các đề tài nghiên cứu, đồng thời nâng cao giá trị thực tiễn, tính ứng dụng và ý nghĩa xã hội của các sản phẩm khoa học.

Bên cạnh đó, cần đặc biệt chú trọng phòng ngừa và khắc phục các biểu hiện tiêu cực như chủ nghĩa cá nhân, vụ lợi, chạy theo thành tích, thương mại hóa khoa học thiếu kiểm soát, hoặc lợi dụng nghiên cứu phục vụ lợi ích nhóm. Việc phát huy tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt học thuật và trong tổ chức Đảng cần được coi là cơ chế quan trọng giúp mỗi cán bộ tự soi, tự sửa, hoàn thiện bản thân theo chuẩn mực đạo đức cách mạng.

Trong bối cảnh hiện nay, khi khoa học – công nghệ giữ vai trò then chốt trong phát triển đất nước, những lệch lạc về chính trị, tư tưởng trong giới nghiên cứu có thể dẫn tới nguy cơ suy thoái, mất phương hướng và bị các thế lực thù địch lợi dụng. Bài học lịch sử từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu cho thấy việc xem nhẹ giáo dục chính trị, tư tưởng trong đội ngũ trí thức có thể dẫn đến khủng hoảng niềm tin và suy yếu tổ chức.

Do đó, cần gắn chặt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong lĩnh vực khoa học – công nghệ; đồng thời hoàn thiện cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng công tác cán bộ. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu phải vừa là chủ thể sáng tạo tri thức, vừa là lực lượng tiên phong trên mặt trận tư tưởng, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong lĩnh vực khoa học. Muốn vậy, Đảng ủy và lãnh đạo Viện cần quán triệt quan điểm của Đại hội XIV của Đảng, cần phải: “Quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật...” [24, 137].

4.2.2.4. Phát huy tinh thần trách nhiệm, lòng tự trọng, niềm tự hào nghề nghiệp trong rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức khoa học

Tinh thần trách nhiệm, lòng tự trọng và niềm tự hào nghề nghiệp là những giá trị cốt lõi, tạo nên động lực nội sinh mạnh mẽ thúc đẩy đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không ngừng rèn luyện, tu dưỡng và cống hiến. Trong điều kiện hiện nay, việc phát huy những giá trị này cần được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và xây dựng văn hóa khoa học trong Viện.

Trước hết, cần đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Nguyên tắc “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “nói đi đôi với làm” cần được quán triệt và thực hiện một cách thực chất, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong toàn bộ hệ thống.

Mặt khác, xây dựng đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ nghiên cứu khoa học cần được xác định là nhiệm vụ nền tảng, lâu dài. Đạo đức khoa học không chỉ là hệ chuẩn mực hành vi nghề nghiệp mà còn là biểu hiện của trách nhiệm chính trị – xã hội của nhà khoa học đối với đất nước và nhân dân. Đó là sự kết tinh của lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm, tinh thần trung thực khoa học, khát vọng cống hiến và ý chí vươn lên trong nghiên cứu.

Khi đội ngũ cán bộ nghiên cứu có bản lĩnh chính trị vững vàng và đạo đức nghề nghiệp trong sáng, họ sẽ phát huy cao nhất năng lực chuyên môn, tạo ra những sản phẩm khoa học có giá trị, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy phát triển bền vững.

Trên cơ sở đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cần được gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng văn hóa học thuật, chuẩn mực đạo đức và quy tắc ứng xử trong môi trường nghiên cứu. Việc hình thành một môi trường khoa học dân chủ, minh bạch, tôn trọng giá trị học thuật sẽ không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học mà còn góp phần củng cố uy tín, vị thế của Viện HLKH&CN Việt Nam trong nước và trên trường quốc tế.

4.2.3. Đổi mới nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho phù hợp đối tượng và nâng cao hiệu quả

4.2.3.1. Lựa chọn, cấu trúc lại nội dung trọng tâm phù hợp với đặc điểm đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong Viện

Giáo dục chính trị, tư tưởng chỉ đạt hiệu quả khi nội dung được lựa chọn phù hợp với đặc điểm của đối tượng. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam là lực lượng có trình độ học vấn cao, tư duy lý luận và năng lực phân tích khoa học sâu thì nội dung giáo dục cần được thiết kế theo hướng tinh gọn, hiện đại, có tính khái quát cao và gắn chặt với thực tiễn nghiên cứu khoa học.

Cán bộ nghiên cứu khoa học có ưu thế về tư duy logic, hệ thống và khả năng tiếp cận các vấn đề ở tầm lý luận. Tuy nhiên, do tính chuyên sâu của hoạt động nghiên cứu, họ có xu hướng ít quan tâm đến các vấn đề chính trị –

xã hội nếu nội dung giáo dục thiếu tính thiết thực hoặc không gắn với lĩnh vực chuyên môn. Vì vậy, nội dung giáo dục cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi như: Những phát triển mới của lý luận chính trị; quan điểm, đường lối của Đảng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các vấn đề an ninh phi truyền thống; chuyển đổi số, kinh tế tri thức, phát triển bền vững.

Vì vậy, đổi mới cần chú trọng: (1) Chuyển từ nội dung truyền đạt chung cho mọi đối tượng sang nội dung theo chuyên đề liên ngành (ví dụ: chính trị với khoa học dữ liệu, chính trị với công nghệ sinh học, đạo đức AI...). (2) Thiết kế module nội dung linh hoạt phù hợp từng nhóm nghiên cứu, lĩnh vực khoa học. (3) Tăng cường liên hệ trực tiếp giữa lý luận chính trị với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cụ thể của cán bộ.

Cách tiếp cận nội dung cần bảo đảm tính hệ thống, logic, kết hợp hài hòa giữa “xây” và “chống”, giữa trang bị nhận thức và định hướng hành động, giữa lý luận và thực tiễn khoa học.

4.2.3.2. Cập nhật những nội dung mới, cung cấp tình hình thời sự trong nước và quốc tế thường xuyên, giúp nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và định hướng tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, việc cập nhật thông tin chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế là yêu cầu tất yếu. Đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, việc tiếp cận thông tin thời sự không chỉ dừng ở mức “biết”, mà cần đạt tới trình độ phân tích, đánh giá và dự báo tác động đến lĩnh vực khoa học – công nghệ.

Thực tế cho thấy, nhiều cán bộ nghiên cứu do tập trung chuyên môn nên chưa dành sự quan tâm đúng mức đến các vấn đề chiến lược. Vì vậy, nội dung giáo dục cần cung cấp thông tin có chọn lọc, có định hướng, đồng thời gắn với phân tích chuyên sâu về tác động của các xu thế toàn cầu đến hoạt động nghiên cứu.

Do đó, đổi mới cần triển khai: Xây dựng bản tin phân tích chiến lược chuyên biệt cho cán bộ khoa học (không chỉ thông tin mà có phân tích chiều sâu). Tổ chức diễn đàn học thuật chính trị – khoa học, nơi các nhà khoa học tham gia thảo luận các vấn đề thời sự dưới góc nhìn khoa học. Tích hợp nội dung thời sự với các bài toán nghiên cứu cụ thể, giúp cán bộ nhận thấy vai trò trực tiếp của mình.

Đồng thời, nội dung giáo dục cần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa tự do học thuật và định hướng chính trị; giữa sáng tạo khoa học và trách nhiệm xã hội; giữa hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc, lợi ích quốc gia.

4.2.3.3. Đổi mới nội dung quán triệt nghị quyết theo hướng gắn với nhiệm vụ nghiên cứu

Việc quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng cần được thực hiện nghiêm túc, nhưng phải đổi mới về nội dung theo hướng thiết thực, tránh hình thức. Thay vì truyền đạt mang tính khái quát, cần cụ thể hóa nội dung nghị quyết thành định hướng nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học và trách nhiệm cá nhân của cán bộ nghiên cứu.

Trọng tâm đổi mới hướng tới: (1) Chuyển từ “học nghị quyết” sang “giải mã nghị quyết trong hoạt động khoa học”. (2) Xây dựng ý tưởng liên kết giữa nghị quyết của Đảng với các chương trình, đề tài nghiên cứu của Viện. (3) Tổ chức các tọa đàm chuyên đề: nghị quyết với từng lĩnh vực khoa học cụ thể. Qua đó, giúp cán bộ nghiên cứu không chỉ hiểu mà còn vận dụng trực tiếp vào hoạt động chuyên môn, góp phần nâng cao tính định hướng chính trị trong nghiên cứu khoa học.

4.2.3.4. Tăng cường cung cấp thông tin, tri thức, phương pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Trong bối cảnh không gian mạng và hội nhập quốc tế, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đòi hỏi cách tiếp cận mới, phù hợp với đặc thù đội ngũ trí thức khoa học. Đối với cán bộ nghiên cứu khoa học, việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái cần được thực hiện bằng lập luận khoa học, bằng chứng thực nghiệm và tư duy phản biện hiện đại, thay vì chỉ dừng ở tuyên truyền một chiều.

Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng trong giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII đã xác định rõ: Cần tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, đồng thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Đại hội XIII, XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu này, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ. Trong bối cảnh hiện nay, khi các

thế lực thù địch ngày càng tinh vi trong việc sử dụng không gian mạng, các diễn đàn quốc tế để chống phá Đảng và Nhà nước, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học với trình độ lý luận và năng lực phân tích khoa học cần được trang bị đầy đủ tri thức, lập trường và phương pháp để tham gia đấu tranh một cách chủ động, hiệu quả. Việc tuyên truyền, giáo dục phải làm rõ các nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các luận điểm lý luận quan trọng về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giáo dục chính trị, tư tưởng không né tránh những hiện tượng tiêu cực đang tồn tại như suy thoái đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ... mà phải phân tích rõ nguyên nhân, chỉ ra hậu quả, từ đó củng cố tinh thần cảnh giác và nâng cao ý thức tự rèn luyện trong đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Mỗi cán bộ phải hiểu rằng “một cuộc cách mạng không biết tự bảo vệ mình là tự sát”, từ đó chủ động, kiên định và bản lĩnh hơn trong bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ từ chính hoạt động khoa học mà mình đảm nhiệm.

Vì vậy, đổi mới nội dung cần tập trung: (1) Trang bị phương pháp luận phản biện khoa học trong lĩnh vực chính trị – tư tưởng. (2) Hướng dẫn kỹ năng nhận diện thông tin sai lệch, thao túng nhận thức trên không gian số. (3) Phát triển các nhóm nghiên cứu kết hợp giữa khoa học tự nhiên – xã hội để tham gia đấu tranh học thuật.

Đồng thời, cần khuyến khích cán bộ khoa học tham gia viết bài, công bố quốc tế, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên diễn đàn học thuật toàn cầu.

4.2.3.5. Coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần cống hiến cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Giáo dục đạo đức cách mạng đối với cán bộ nghiên cứu khoa học cần được cụ thể hóa thành đạo đức nghề nghiệp và liêm chính học thuật, phù hợp với đặc thù hoạt động nghiên cứu. Trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh khoa học, những vấn đề như đạo văn, gian lận học thuật, chạy theo thành tích... đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới nội dung giáo dục đạo đức. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Người cách mạng mà không có đạo đức thì không làm nổi việc gì” và “Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống, nó do phấn đấu rèn luyện mà thành”. Trong công cuộc xây dựng Đảng hiện nay, đạo đức được xem là một trong năm trụ cột

quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và đạo đức. Trong chuyến thăm Viện Hàn Lâm đầu năm 2026, Thủ tướng Phạm Minh Chính cũng đặt ra yêu cầu cần phải “xây dựng đội ngũ nhà khoa học có trình độ cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa lý luận và thực tiễn” [107].

Những nội dung cần nhấn mạnh, bổ sung trong quá trình đổi mới: Xây dựng chuẩn mực liêm chính khoa học (research integrity) như một tiêu chí chính trị – đạo đức. Giáo dục trách nhiệm xã hội của nhà khoa học trong các nghiên cứu có tác động lớn (AI, sinh học, môi trường...). Gắn việc học tập tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh với chuẩn mực hành vi cụ thể trong nghiên cứu khoa học.

Đồng thời cần đổi mới phương thức vận dụng: Đưa tiêu chí đạo đức khoa học vào đánh giá, nghiệm thu đề tài, xét thi đua, bổ nhiệm. Xây dựng văn hóa nghiên cứu liêm chính trong toàn Viện. Nêu gương các nhà khoa học tiêu biểu, tạo hiệu ứng lan tỏa.

Thông qua đó, hình thành đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ giỏi chuyên môn mà còn vững vàng về bản lĩnh chính trị, trong sáng về đạo đức, góp phần phát triển nền khoa học Việt Nam hiện đại, nhân văn và định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.2.4. Đổi mới phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện phù hợp với xu thế phát triển của thời đại công nghệ thông tin và chuyển đổi số

4.2.4.1. Đổi mới và đa dạng hóa phương pháp, hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng hiện đại, tương tác và phù hợp với đặc thù đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam cần được đổi mới căn bản theo hướng đa dạng hóa phương pháp, hiện đại hóa hình thức và tăng cường tính tương tác, cá thể hóa. Mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt thông tin mà phải tạo ra môi trường học tập mở, khuyến khích đối thoại, tư duy phản biện và khả năng vận dụng vào hoạt động nghiên cứu khoa học.

Các hình thức truyền thông như hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết vẫn cần được duy trì, nhưng không nên là phương thức chủ đạo. Thay vào đó, cần chuyển mạnh sang các mô hình giáo dục linh hoạt, tương tác cao và ứng dụng công nghệ số, cụ thể:

Một là, tổ chức các buổi đối thoại trực tuyến (online dialogue) giữa lãnh đạo, chuyên gia lý luận với cán bộ nghiên cứu khoa học theo hình thức hỏi - đáp, trao đổi mở về các vấn đề chính trị - xã hội gắn với lĩnh vực khoa học.

Hai là, xây dựng chuỗi talkshow chính trị - khoa học với sự tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia lý luận, tập trung vào các chủ đề như: tự do học thuật và định hướng chính trị; đạo đức khoa học; vai trò của khoa học trong phát triển đất nước.

Ba là, tổ chức phát sóng định kỳ các chương trình chuyên đề trên nền tảng số, hệ thống mạng nội bộ của Viện, dưới dạng video ngắn, podcast, bản tin phân tích, giúp cán bộ có thể tiếp cận linh hoạt theo nhu cầu cá nhân.

Bốn là, xây dựng thư viện số về giáo dục chính trị, tư tưởng với các tài liệu được số hóa, phân loại theo chuyên đề, tích hợp công cụ tìm kiếm, phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của cán bộ khoa học.

Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cần được đổi mới theo hướng kết hợp giữa đào tạo tập trung và trực tuyến (blended learning), giảm tải tính hàn lâm, tăng cường các nội dung thảo luận tình huống, phân tích chính sách và liên hệ với hoạt động nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, cần thiết kế các chuyên đề riêng dành cho cán bộ nghiên cứu, chú trọng phát triển tư duy chính trị khoa học, năng lực phân tích, phản biện và dự báo.

Đối với các lớp bồi dưỡng chuyên đề, cần chuyển từ phương thức truyền đạt một chiều sang mô hình seminar, workshop chuyên sâu, trong đó cán bộ nghiên cứu trực tiếp tham gia trình bày, thảo luận, phản biện các vấn đề chính trị - xã hội dưới góc nhìn khoa học. Qua đó, biến quá trình giáo dục thành quá trình đồng sáng tạo tri thức, nâng cao tính chủ động và hứng thú học tập.

Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cũng cần được tích hợp vào các nền tảng truyền thông số hiện đại:

Phát triển các kênh truyền thông nội bộ trên nền tảng số (website, app nội bộ, nhóm chuyên môn) để chia sẻ thông tin chính trị, tài liệu học tập, video chuyên đề.

Sử dụng mạng xã hội có kiểm soát, định hướng như một kênh hỗ trợ nhằm lan tỏa thông tin chính thống, nâng cao khả năng tiếp cận của đội ngũ cán bộ khoa học.

Ứng dụng công nghệ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo để cá thể hóa nội dung học tập, gợi ý tài liệu phù hợp với từng nhóm cán bộ.

Bên cạnh đó, cần đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt Đảng theo hướng thiết thực, gắn với nhiệm vụ chuyên môn và các vấn đề tư tưởng nảy sinh trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Có thể triển khai sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề trực tuyến, sinh hoạt kết hợp (offline – online), tăng cường trao đổi, thảo luận thay vì báo cáo một chiều.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cần được nâng cao năng lực theo hướng liên ngành, am hiểu khoa học – công nghệ và có kỹ năng truyền thông số, nhằm nâng cao chất lượng dẫn dắt, định hướng tư tưởng và truyền cảm hứng cho cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thông qua việc cụ thể hóa và triển khai đồng bộ các phương pháp, hình thức giáo dục hiện đại, linh hoạt và phù hợp với đặc thù đội ngũ trí thức khoa học, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện HLKH&CN Việt Nam sẽ từng bước chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình tương tác, mở và hiệu quả, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy và trách nhiệm xã hội của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giai đoạn mới.

4.2.4.2. Hiện đại hóa và ứng dụng các phương tiện mới, tiên tiến trong hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng

Trước bối cảnh chuyển đổi số diễn ra sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam cũng cần được hiện đại hóa về phương thức và phương tiện thực hiện. Việc ứng dụng thành tựu của khoa học – công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây... vào hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng là xu thế tất yếu và cấp thiết. Đây cũng là lý do mà trong chuyến thăm Viện nhân dịp năm mới Bính Ngọ, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã đặt ra yêu cầu phải “tập trung quy hoạch lại và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trong đó có hạ tầng chiến lược và cơ sở vật chất của Viện Hàn lâm” [107].

Cần đẩy mạnh việc tổ chức các hội nghị, lớp học trực tuyến, kết hợp hài hòa giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến tùy theo điều kiện, nội dung và phạm vi người học. Viện cần trang bị hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ: các phòng họp thông minh, kết nối nhanh, đường truyền ổn định; xây dựng nền tảng đào tạo số dùng chung trong toàn hệ thống Viện; phát triển kho dữ liệu số, học liệu điện tử phục vụ học tập lý luận chính trị.

Ngoài ra, cần thiết lập hệ thống mạng nội bộ để truyền tải tài liệu học tập, bài giảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, tạo điều kiện để cán bộ nghiên cứu có thể nghiên cứu trước nội dung, từ đó tăng hiệu quả trao đổi và thảo luận. Việc triển khai các lớp bồi dưỡng chuyên đề, bồi dưỡng chính trị cho cán bộ đang công tác tại các đơn vị ở xa trung tâm cần được linh hoạt tổ chức trực tuyến, bảo đảm mọi cán bộ đều có cơ hội tiếp cận nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng một cách đầy đủ và hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ hiện đại cũng mở ra khả năng cá nhân hóa nội dung đào tạo, xây dựng các chương trình bồi dưỡng theo nhu cầu, theo lĩnh vực chuyên môn, theo đối tượng cụ thể. Cách tiếp cận linh hoạt này phù hợp với đặc thù và nhu cầu đa dạng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong Viện, đồng thời tạo điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.

Việc hiện đại hóa phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, mà còn góp phần xây dựng một hệ sinh thái giáo dục lý luận – tư tưởng hiện đại, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa truyền thống và đổi mới, giữa công nghệ và nội dung tư tưởng, giữa yêu cầu chính trị và đặc thù khoa học.

4.2.4.3. Phối kết hợp đồng bộ và hiệu quả giữa các phương pháp, hình thức, phương tiện trong hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng

Một trong những yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện HLKH&CN Việt Nam là cần tổ chức đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả giữa các hình thức, phương pháp và phương tiện giáo dục.

Việc kết hợp giữa phương pháp truyền thống (thuyết trình, giảng dạy trực tiếp) với các phương pháp hiện đại như dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trao đổi đa chiều... sẽ tạo điều kiện phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Đặc biệt, với đặc điểm của đội ngũ cán bộ nghiên

cứu khoa học là những người có trình độ chuyên môn cao, tư duy độc lập, việc lựa chọn hình thức truyền đạt phù hợp sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả tiếp nhận và chuyên hóa tri thức lý luận thành hành động thực tiễn. Cùng với đó, cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng như: tổ chức các buổi thông tin chuyên đề, phổ biến nghị quyết, cập nhật tình hình thời sự trong nước và quốc tế, giới thiệu các văn bản, chính sách mới... thông qua các nền tảng số, hệ thống mạng nội bộ, hội nghị trực tuyến. Việc làm này không chỉ đảm bảo tính kịp thời, chính xác trong định hướng tư tưởng, mà còn giúp đội ngũ cán bộ nắm bắt nhanh chóng những vấn đề nóng đang được dư luận và Đảng quan tâm.

Đặc biệt, để phù hợp với đặc điểm người học là cán bộ khoa học, có tư duy phản biện và quan tâm đến tính logic, lý luận, giảng viên cần linh hoạt trong cách trình bày, dẫn dắt nội dung từ thực tiễn đến lý luận, từ hiện tượng đến bản chất; gắn các chủ đề học tập với thực tiễn hoạt động của Viện, xây dựng các tình huống có vấn đề để người học tham gia phản biện, tranh luận, từ đó củng cố hiểu biết và thái độ chính trị vững vàng hơn.

4.2.5. Tạo lập môi trường thuận lợi và các điều kiện bảo đảm để hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng có chất lượng và hiệu quả

4.2.5.1. Tạo lập môi trường nghiên cứu khoa học cởi mở, tự do tư tưởng, dân chủ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, hỗ trợ cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Môi trường làm việc, học tập và nghiên cứu có vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách, tư duy và bản lĩnh chính trị của cán bộ khoa học. Do đó, việc xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học dân chủ, cởi mở, đề cao tinh thần trách nhiệm, khuyến khích tranh luận học thuật, sáng tạo và đổi mới cần được coi là một phần không thể tách rời trong hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện. Trên nền tảng bảo đảm kỷ cương, nguyên tắc và sự tôn trọng lẫn nhau, môi trường nghiên cứu cần khuyến khích sự tự do học thuật, tự do tư tưởng trong khuôn khổ pháp luật và định hướng chính trị của Đảng. Qua đó, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu thể hiện vai trò chủ động, sáng tạo, độc lập trong hoạt động chuyên môn, đồng thời lan tỏa các giá trị tư tưởng tích cực và tinh thần trách nhiệm xã hội.

Đoàn kết nội bộ là yếu tố then chốt để xây dựng môi trường nghiên cứu lành mạnh. Đoàn kết không thể chỉ dừng ở lời hiệu triệu, mà cần gắn với cơ chế phân bổ lợi ích công bằng, minh bạch, giải quyết hài hòa giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, tạo dựng sự đồng thuận và tin tưởng trong tập thể. Trong đó, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đóng vai trò là cầu nối giữa cấp ủy, lãnh đạo với cán bộ, viên chức, giúp phản ánh tâm tư nguyện vọng, tạo không khí làm việc dân chủ, thân thiện, giàu tính nhân văn.

4.2.5.2. Xây dựng không gian văn hóa công sở văn minh, hiện đại, tạo động lực kích thích tinh thần đam mê, sáng tạo cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và trong giáo dục chính trị, tư tưởng

Một môi trường văn hóa công sở hiện đại, kỷ cương, văn minh là nền tảng để xây dựng động lực làm việc, phát triển phẩm chất chính trị và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Văn hóa công sở không chỉ biểu hiện ở cơ sở vật chất khang trang, cảnh quan sạch đẹp, mà còn thể hiện ở lối sống, phong cách ứng xử, tác phong làm việc và mối quan hệ giữa con người với con người trong cơ quan.

Việc xây dựng văn hóa công sở tại Viện cần đặt trọng tâm vào việc phát huy đạo đức công vụ, xây dựng các mối quan hệ ứng xử thân thiện, cởi mở, minh bạch, tôn trọng lẫn nhau; đề cao tính hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ và trách nhiệm giữa các đồng nghiệp. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ các biểu hiện tiêu cực như quan liêu, cửa quyền, chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, bao che sai phạm, trù dập người góp ý thẳng thắn...

Mặt khác, cần thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động công sở; tạo lập phong cách làm việc khoa học, hiện đại, hiệu suất cao, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và đổi mới. Môi trường văn hóa công sở cũng là nơi phản ánh rõ nhất tinh thần học tập suốt đời, tinh thần tự rèn luyện, xây dựng đạo đức nghề nghiệp gắn với đạo đức cách mạng trong mỗi cán bộ nghiên cứu khoa học.

Về chiều sâu, việc xây dựng không gian văn hóa công sở của Viện cần gắn với định hướng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng: “phát triển con người Việt Nam toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa và tinh thần công dân”. Đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển,

coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của tiến trình hiện đại hóa, chính là yếu tố quyết định sự thành công trong hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng và khoa học – công nghệ của Viện trong giai đoạn hiện nay.

4.2.5.3. Tăng cường đầu tư các nguồn lực đáp ứng yêu cầu của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong tình hình mới

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, việc đầu tư các nguồn lực là điều kiện tất yếu, trong đó nguồn lực con người và nguồn lực vật chất, tài chính cần được đặt trọng tâm.

Trước hết, cần quan tâm xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng như: giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp. Đây là lực lượng then chốt, đóng vai trò định hướng tư tưởng, truyền bá lý luận chính trị và lan tỏa các giá trị cốt lõi của Đảng trong môi trường khoa học. Do đó, phải thường xuyên nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận và năng lực sư phạm cho đội ngũ này, bảo đảm họ có thể truyền tải tư tưởng chính trị một cách hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp với đối tượng là cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn sâu và tư duy phản biện cao.

Bên cạnh đó, cần đầu tư có chiều sâu cho cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục chính trị, tư tưởng như: hệ thống phòng học, hội trường, thiết bị trình chiếu, nền tảng số, thư viện điện tử, hạ tầng mạng... Việc tích hợp công nghệ vào hoạt động giáo dục không chỉ nâng cao hiệu quả truyền đạt mà còn góp phần hiện đại hóa hoạt động quản lý và học tập chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.

Viện HLKH&CN Việt Nam cần gắn chiến lược đầu tư cho giáo dục chính trị, tư tưởng với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Theo đó, tăng cường xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào nghiên cứu - phát triển (R&D), đồng thời kết nối chặt chẽ với chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu do các đối tác lớn như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc dẫn dắt. Đây vừa là điều kiện để nâng cao vị thế khoa học của Việt Nam, vừa là nền tảng để giáo dục chính trị, tư tưởng gắn chặt hơn với thực tiễn phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, cần đặc biệt chú trọng chế độ đãi ngộ, chính sách lương thưởng, phúc lợi xã hội cho cán bộ làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhằm khuyến khích họ gắn bó lâu dài và cống hiến tích cực trong lĩnh vực đặc thù này.

4.2.5.4. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện

Chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phụ thuộc rất lớn vào điều kiện đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người học. Trong đó, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, với đặc thù công việc đòi hỏi trí tuệ và sáng tạo, lại càng cần có môi trường sống và làm việc ổn định, truyền cảm hứng và tạo động lực để cống hiến. Triết lý của chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh: không thể nói đến chính trị, nghệ thuật hay khoa học khi con người còn chưa được bảo đảm các nhu cầu tối thiểu như ăn, mặc, ở, chăm sóc sức khỏe... Chính vì vậy, cần chăm lo đầy đủ, kịp thời đời sống vật chất cho cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện, như: chế độ lương, thưởng, phụ cấp nghiên cứu, bảo hiểm xã hội, nhà ở công vụ, điều kiện sinh hoạt... Những bảo đảm này không chỉ giúp họ yên tâm công tác mà còn tạo điều kiện để họ tiếp nhận sâu sắc hơn các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng từ thực tiễn cuộc sống.

Cùng với đó, đời sống tinh thần cũng cần được quan tâm đúng mức. Cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị – xã hội trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giao lưu học thuật, sinh hoạt tư tưởng, tham quan học tập..., góp phần tạo ra không khí đoàn kết, nhân văn, dân chủ trong Viện.

Đặc biệt, vai trò của Đảng ủy và Ban lãnh đạo Viện trong chăm lo đời sống cán bộ là yếu tố then chốt. Thái độ, trách nhiệm và sự quan tâm thực chất của cấp ủy, chính quyền đối với đời sống người lao động là điều kiện để xây dựng niềm tin, từ đó thúc đẩy hiệu quả của giáo dục chính trị, tư tưởng theo đúng phương châm: "chính trị phải gắn với đời sống, tư tưởng phải bắt nguồn từ thực tiễn".

Tóm lại, đầu tư cho con người không chỉ là đầu tư vào lực lượng lao động khoa học, mà còn là đầu tư vào nền tảng tư tưởng chính trị, đạo đức, lý

tương cách mạng – những yếu tố làm nên bản lĩnh của đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong thời đại mới.

4.2.6. Khơi dậy và phát huy ý thức tự giác, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giáo dục chính trị, tư tưởng ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Trong bất kỳ quá trình giáo dục nào, vai trò chủ động, tích cực của người học luôn là yếu tố quyết định đến hiệu quả. Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện HLKH&CN Nam không nằm ngoài quy luật đó. Đặc biệt, đối tượng là những trí thức đã trưởng thành về học vấn, có năng lực tư duy độc lập và chuyên sâu, thì càng đòi hỏi sự tham gia một cách tự nguyện, tự giác và có trách nhiệm cao. Do đó, việc khơi dậy và phát huy ý thức tự giác, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ là mục tiêu, mà còn là giải pháp có tính nền tảng để nâng cao chất lượng, chiều sâu và sức lan tỏa của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong tình hình mới.

Một trong những giải pháp cốt lõi để thúc đẩy tinh thần tự giác là giúp đội ngũ cán bộ nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa chiến lược của lý luận chính trị trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Do đó, nghiên cứu, học tập, quán triệt và vận dụng các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng chính là trách nhiệm chính trị, là biểu hiện cụ thể của tinh thần tự giác của mỗi cán bộ nghiên cứu khoa học đối với sự nghiệp phát triển đất nước nói chung và của Viện nói riêng.

Để khơi dậy tinh thần đó, một yêu cầu quan trọng là phải đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng khoa học, thiết thực và gần gũi với đặc điểm nhận thức, nhu cầu tiếp nhận thông tin của đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Các chương trình, tài liệu giảng dạy không nên chỉ dừng lại ở những nội dung lý thuyết khô khan hoặc mang tính giáo điều, mà cần có sự gắn kết chặt chẽ với thực tiễn khoa học - công nghệ, với yêu cầu đổi mới tư duy và hành động trong môi trường nghiên cứu. Đồng thời, cần tránh lối truyền đạt một chiều, thiếu trao đổi, đối thoại. Việc khuyến khích phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm, học tập tình huống... sẽ phát huy khả năng tư duy phản biện và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn – vốn là thế mạnh của các nhà khoa học.

Một yếu tố tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến tinh thần tự giác trong học tập chính trị của cán bộ nghiên cứu là sự gương mẫu của đội ngũ lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể trong Viện. Khi lãnh đạo thể hiện sự coi trọng thực chất đối với giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ trong lời nói mà bằng hành động cụ thể, qua việc trực tiếp tham gia học tập, chủ động phổ biến, hướng dẫn và thúc đẩy tinh thần học tập trong đơn vị thì sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa, cổ vũ tinh thần trách nhiệm trong toàn thể cán bộ, đảng viên. Bản thân sự nghiêm túc, kỷ luật và thái độ chính trị mẫu mực của người lãnh đạo sẽ có tác dụng giáo dục và truyền cảm hứng mạnh mẽ hơn bất kỳ lời kêu gọi nào.

Như vậy, phát huy ý thức tự giác, trách nhiệm trong giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ là giải pháp mang tính khuyến khích tinh thần, mà còn là chiến lược để xây dựng một lực lượng khoa học vững vàng về lập trường chính trị, kiên định lý tưởng, gắn bó mật thiết với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn phát triển mới.

Tiểu kết chương 4

Trong chương này, luận án đã tập trung phân tích và dự báo bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước, qua đó làm rõ những yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó luận án đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam trong thời gian tới.

Trước hết, trên cơ sở phân tích xu thế vận động của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, luận án khẳng định: trong thời gian tới, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng sẽ chịu sự tác động ngày càng mạnh mẽ, đa chiều và phức tạp. Các xu hướng như toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chuyển đổi số và sự phát triển của khoa học - công nghệ vừa mở ra cơ hội nâng cao trình độ, mở rộng không gian học thuật cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ đối với việc giữ vững bản lĩnh chính trị, định hướng tư tưởng và trách

nhiệm xã hội của đội ngũ này. Từ đó, luận án chỉ ra rằng, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học phải được tiếp cận theo hướng mới: không chỉ nhằm trang bị tri thức chính trị mà còn phải góp phần hình thành tư duy chính trị khoa học, năng lực phản biện, khả năng thích ứng và bản lĩnh trước những tác động phức tạp của môi trường học thuật và xã hội hiện đại.

Trên cơ sở nhận diện đúng bối cảnh và yêu cầu đặt ra, luận án đã xác định bốn phương hướng lớn có tính định hướng chiến lược, bao gồm: Một là, xác định giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, hàng đầu trong công tác tư tưởng của Đảng ủy và hệ thống chính trị của Viện. Hai là, tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp với đặc điểm của đội ngũ trí thức khoa học. Ba là, coi giáo dục chính trị, tư tưởng là một quá trình thường xuyên, liên tục, gắn chặt với công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Viện. Bốn là, quan tâm đầu tư đồng bộ các điều kiện bảo đảm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng.

Cụ thể hóa các phương hướng đó, luận án đã đề xuất sáu nhóm giải pháp mang tính hệ thống và khả thi, hướng tới đổi mới toàn diện, từ nhận thức của chủ thể đến nội dung, phương thức, phương tiện và các điều kiện bảo đảm cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Các giải pháp không chỉ tập trung khắc phục những hạn chế hiện nay mà còn nhấn mạnh yêu cầu thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và đặc thù của đội ngũ trí thức khoa học.

Như vậy, chương 4 đã góp phần làm rõ một luận điểm quan trọng của luận án: Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học không chỉ là yêu cầu mang tính chính trị - tư tưởng, mà còn là điều kiện nền tảng để phát triển nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

KẾT LUẬN

Giáo dục chính trị, tư tưởng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm xã hội và định hướng giá trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Viện HLKH&CN Việt Nam là cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng đầu của đất nước, đồng thời là tổ chức tham mưu, tư vấn chiến lược quan trọng cho Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là lực lượng nòng cốt trong hệ thống tổ chức nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ quốc gia. Do vậy, việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ này không chỉ là yêu cầu về mặt chính trị mà còn là yếu tố bảo đảm cho sự phát triển đúng hướng, bền vững của hoạt động khoa học của Viện. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cạnh tranh tri thức ngày càng gay gắt, việc tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học càng trở nên cấp thiết, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới. Bởi vậy, việc lựa chọn vấn đề giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện HLKH&CN Việt Nam làm đề tài luận án là đáp ứng yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Sau khi nghiên cứu, luận án đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã hệ thống hóa một cách có chọn lọc những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng và đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Thông qua việc phân tích các hướng tiếp cận, nội dung và kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố, luận án đã làm rõ những vấn đề đã được nghiên cứu tương đối đầy đủ, đồng thời chỉ ra những hạn chế và khoảng trống nghiên cứu, đặc biệt là sự thiếu vắng các công trình chuyên sâu về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong một thiết chế nghiên cứu cụ thể. Trên cơ sở đó, luận án đã xác định rõ hướng tiếp cận, khung lý thuyết và nhiệm vụ nghiên cứu, tạo nền tảng khoa học cho việc triển khai các nội dung ở các chương tiếp theo.

Thứ hai, luận án đã tập trung hệ thống hóa, kế thừa và phát triển để làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Trong đó, đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng; phân tích các yếu tố cấu thành quá trình giáo dục, bao gồm chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức, phương tiện và điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục. Đồng thời, luận án đã chỉ ra những đặc thù cơ bản của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là lực lượng lao động trí tuệ có trình độ cao, tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng phản biện mạnh, qua đó khẳng định yêu cầu phải đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng khoa học, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm hoạt động nghiên cứu và môi trường học thuật của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, trên cơ sở khảo sát, điều tra và phân tích thực tế tại Viện HLKH&CN Việt Nam, luận án đã đánh giá một cách toàn diện thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Việc đánh giá được thực hiện trên các phương diện chủ thể, nội dung, phương thức, phương tiện, điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục. Kết quả cho thấy, bên cạnh những ưu điểm như sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, sự duy trì nền nếp hoạt động giáo dục, nhận thức chính trị của cán bộ cơ bản được giữ vững, thì vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như nội dung chậm đổi mới, phương pháp còn nặng tính truyền đạt, thiếu tính tương tác, điều kiện bảo đảm chưa đồng bộ và kết quả đạt được chưa cao. Luận án cũng đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế đó từ cả hai phía khách quan và chủ quan, đồng thời khái quát các mâu thuẫn cơ bản đang đặt ra, phản ánh những “điểm nghẽn” cần được giải quyết trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại Viện hiện nay.

Thứ tư, từ cơ sở lý luận và thực tiễn đã được phân tích, luận án đã phân tích dự báo tình hình tác động đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất các phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở Viện trong thời gian tới. Các phương hướng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới toàn diện theo hướng hiện đại, thiết thực và phù hợp với đặc thù lao động khoa học, gồm: *Một là*, xác định giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, hàng đầu trong công tác tư tưởng của Đảng ủy và hệ thống chính trị của Viện.

Hai là, tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp với đặc điểm của đội ngũ trí thức khoa học. *Ba là*, coi giáo dục chính trị, tư tưởng là một quá trình thường xuyên, liên tục, gắn chặt với công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Viện. *Bốn là*, quan tâm đầu tư đồng bộ các điều kiện bảo đảm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng. Theo đó, các nhóm giải pháp được đề xuất một cách đồng bộ, khả thi, đó là: (1) Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp trong Viện về tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong bối cảnh mới; (2) Chú trọng đặc điểm và tính đặc thù của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện, phát huy vai trò chủ động của họ trong giáo dục chính trị, tư tưởng; (3) Đổi mới nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp với đối tượng và nâng cao hiệu quả; (4) Đổi mới phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế công nghệ thông tin và chuyển đổi số; (5) Tạo lập môi trường và các điều kiện bảo đảm để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng; (6) Khơi dậy và phát huy ý thức tự giác, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong giáo dục chính trị, tư tưởng ở Viện HLKH&CN Việt Nam.

Nhìn chung, luận án đã góp phần bổ sung, phát triển một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong điều kiện mới, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác này tại Viện HLKH&CN Việt Nam trong bối cảnh mới.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về đổi mới mô hình, nội dung và phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển xã hội tri thức; nghiên cứu cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời mở rộng phạm vi khảo sát, so sánh với các tổ chức khoa học - công nghệ trong để hoàn thiện hơn các luận cứ khoa học và giải pháp thực tiễn. Đây là những hướng nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng nhằm tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Lê Sỹ Tùng (2022), “Giải pháp cường khả năng quản lý hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến năm 2025: Từ kinh nghiệm giai đoạn 2015-2019” Tạp chí Công thương, số 6, tháng 4/2022.
2. Lê Sỹ Tùng (2025), “Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho nhân lực khoa học, công nghệ ở Việt Nam hiện nay” Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị, ngày 20/5/2025.
3. Lê Sỹ Tùng (2025), “Giáo dục chính trị tư tưởng – Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ vừa hồng, vừa chuyên” Tạp chí Quản lý nhà nước, ngày 20/6/2025
4. Lê Sỹ Tùng (2025), “Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ Việt Nam hiện nay” Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, chuyên đề kỳ 2/2025.
5. Lê Sỹ Tùng (2025), “Giải pháp then chốt để xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ vừa “hồng” vừa “chuyên”” Tạp chí Cộng sản, ngày 28/7/2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Văn An (2012), *Thế chế chính trị Việt Nam - Lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đoàn Tá Anh (2011), *Mấy giải pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng ở đơn vị cơ sở hiện nay*. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 10.
3. Phan Thị Phương Anh và Trần Thị Như Tuyền (2016), *Xác định khái niệm giáo dục chính trị tư tưởng*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ.
4. Lê Trọng Ân, Trương Văn Tuấn (2014), *Kinh nghiệm của một số quốc gia về xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức*, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2008), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước” tại Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, tại trang: <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/xay-dung-doi-ngu-tri-thuc-xung-tam-voi-yeu-cau-nhiem-vu-moi-636627.html>, [Truy cập này: 2/1/2023].
6. Báo Điện tử Chính phủ (2012), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4: Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, tại trang: <https://baochinhphu.vn/ngphi-quyet-hoi-ngphi-trung-uong-4-mot-so-van-de-cap-bach-ve-xay-dung-dang-hien-nay-102116122.htm>, [Truy cập ngày: 20/3/2024].
7. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Kế hoạch số 20-KH/TW ngày 28/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới*. Tại trang: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ke-hoach-so-20-khtw-ngay-28112023-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-thuc-hien-ngphi-quyet-hoi-ngphi-lan-thu-tam-ban-chap-hanh-trung-9943>. Truy cập ngày: 20/3/2024.

8. Tập Cận Bình (2015), *Một số vấn đề đặt ra đối với công tác phát triển lý luận xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc trong thời đại ngày nay*, Nxb Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh.
9. Trần Văn Bính (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Bộ Nội vụ (2006), *Quyết định số 11/2006/QĐ-BNV ngày 05/10/2006 về việc Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành khoa học và công nghệ*, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (2013), *Luật cán bộ công chức, viên chức*, Nxb Chính trị Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Văn hóa Thông tin (1996), *Đại từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
13. Các tác giả Cuba (2017), *Tư tưởng của lãnh tụ Phidel Castro*, Nxb Đại học La Habana, Cuba.
14. Raul Castro (2011), *Đường lối kinh tế-xã hội của Đảng và cách mạng*, Nxb Đại học La Habana, Cuba.
15. Trường Chinh (1943), *Đề cương văn hóa Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
16. Trường Chinh (1946), *Nông dân là quân chủ lực của cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
17. Chính phủ (2004), *Nghị định số 27/2004/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. Tại trang: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=12525>, [truy cập ngày: 20/3/2023].
18. Chính phủ (2012), *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=165045>, [truy cập ngày: 12/6/2023].
19. Cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm và Công nghệ Việt Nam. Tại trang: <https://vast.gov.vn/web/guest/gioi-thieu1>. Truy cập ngày 12/11/2024
20. Lê Duẩn (1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành thắng lợi mới*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1960), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb, CTQG ST, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
25. Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2021), *Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Hà Nội.
26. Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2024), *Báo cáo tổng kết công tác đảng giai đoạn 2016-2024*, Hà Nội.
27. Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2025), *Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025* - (Lưu hành nội bộ).
28. Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2025), *Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 – 2030* - (Lưu hành nội bộ).
29. Trần Thị Anh Đào, Phan Sỹ Thanh (2020), *Chất lượng lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
30. Nguyễn Khoa Điềm, Hồng Vinh (2005), *Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
31. Thomas L. Friedman (2002), *Chiếc Lexus và cây Ô Liu*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
32. Ben Gurion (1950), *Chiến lược phát triển khoa học công nghệ*, Nxb Đại học Ben Gurion, Israel.
33. Phùng Thị Hiền (2021), *Quan điểm của Đảng về công tác tư tưởng trong thời kỳ mới*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/3728-quan-diem-cua-dang-ve-cong-tac-tu-tuong-trong-thoi-ky-moi.html>, [truy cập ngày 15/3/2024].
34. Lương Khắc Hiếu (2017), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

35. Nguyễn Sỹ Hòa, Dương Xuân Mạnh (2024), *Xây dựng đội ngũ trí thức - động lực phát triển đất nước*, tại trang <http://tapchiquoptd.vn/vi/tap-chi-voi-ban-doc/tap-chi-quoc-phong-toan-dan-so-012024/21282.html>.
36. Hà Ngọc Hối, Ngô Văn Thảo (2002), *Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Samuel P. Huntington (1993), *Sự va chạm giữa các nền văn minh*, Nxb Ottawa, Canada.
38. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, tr. 704
39. Phạm Huy Kỳ (Chủ biên) (2012): Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị. Nxb. Lý luận chính trị. Hà Nội.
40. Phạm Huy Kỳ (2020): Nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông. Số 8.
41. Phạm Huy Kỳ (2021): Quan điểm phát triển, phối hợp các lực lượng bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong thời kỳ mới. Tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, Số 8.
42. Phạm Huy Kỳ (2024): Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tuyên giáo theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng. Tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, Số 5.
43. Vũ Trọng Lâm (2023), “Đổi mới nhận thức lý luận về đội ngũ trí thức và tiếp tục xây dựng đội ngũ trí thức trong điều kiện phát triển mới của đất nước”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 23/9/2023.
44. V.I.Lênin (2005): Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 42.
45. V.I.Lênin (1916), *Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, Nxb Helsinki, Phần Lan.
46. Phạm Văn Linh (2021), *Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của Đảng hiện nay - Thực tiễn và kinh nghiệm*, tại trang <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/cong-tac-giao-duc-chinh-tri-tu-tuong-cho-can-bo-dang-vien-cua-dang-hien-nay---thuc-tien-va-kinh-nghiem.html>, [truy cập ngày 15/5/2024].

47. Nguyễn Thắng Lợi, Nguyễn Thị Trang (2024), *Cơ hội và thách thức đối với trí thức Việt Nam, giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
48. Hồ Chí Minh (1947), *Sửa đổi lề lối làm việc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
49. Hồ Chí Minh (1969), “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, *Báo Nhân dân*, Tháng 6, Hà Nội.
50. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Modi (2023), *Án Độ toàn cầu*, Nxb New Deli, Ấn Độ.
58. Mai Đức Ngọc (2015), *Xử lý tình huống trong công tác tư tưởng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
59. Nguyễn Cẩm Ngọc (2024), “Đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức tinh hoa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Thành tựu và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản*.
60. Nguyễn Mộng Nguyên (2021), *Nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng trong giai đoạn hiện nay*, tại trang <https://truongchinhtri.camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=ct.chitiet&urile=wcm%3Apath%3A/truongchinhchilibrary/truongchinhtrisite/trangchu/nghiencuukhoahoc/hoithaokhoahoc/ncbvbnbvcvngdgfhgfdncbvbnbvnv>, [truy cập ngày 16/3/2024].
61. Richard Nixon (1953), *Chiến lược diễn biến hòa bình*, Nxb G. Washington, Mỹ.
62. Richard Nixon (1988), *Chiến thắng không cần chiến tranh*, Nxb Đại học Kansas.
63. Lưu Minh Phúc (2010), *Giấc mơ Trung Quốc - Tư duy nước lớn và định vị chiến lược trong thời đại hậu Mỹ*, Nxb Thời đại, Hà Nội.

64. Putin (2001), *Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của nước Nga*, Nxb Mátxcova, Nga.
65. Phạm Ngọc Quang, Trần Văn Phòng (2008), *Xây dựng đảng*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
66. Đào Duy Quát (2010), *Công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Nguyễn Ái Quốc (1925), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nxb Văn hóa Đông A, Sài Gòn.
68. Nguyễn Ái Quốc (1927), *Đường cách mệnh*, Nxb Tiếng Dân, Huế.
69. Nguyễn Duy Quỳnh (2021), *Xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/823769/xay-dung-doi-ngu-tri-thuc-viet-nam-hien-nay-theo-tu-tuong-ho-chi-minh.aspx>.
70. Đoàn Quang Thọ, Phạm Văn Sinh (2008), *Triết học*, Nxb Giáo dục Đào tạo, Hà Nội.
71. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Vị trí của Việt Nam trong nền kinh tế Đông Nam Á và thế giới*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 90, ngày 11/4, tr.11. Hà Nội.
72. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Chiến lược công nghệ cao của Mỹ dưới thời Biden*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 2, ngày 4/1, tr.7, Hà Nội.
73. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Chiến lược công nghệ quốc gia của Trung Quốc*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 50, ngày 27/3, tr.16, Hà Nội.
74. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Thông điệp Liên bang của Tổng thống Putin*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 33, ngày 13/3, tr.8, Hà Nội.
75. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Việt Nam: điểm đến mới trong chiến lược đầu tư của các cường quốc công nghệ*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 53, ngày 1/3, Tr.3.
76. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Xung đột Palestine-Israel khiến châu Âu khó khăn chòng chát*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 84, ngày 1/4, Tr.24, Hà Nội.

77. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Hợp tác quốc phòng Việt-Nga nhìn từ cuộc xung đột Nga-Ukraine*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 87, ngày 4/4, Tr.10. Hà Nội.
78. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Tại sao nông nghiệp quan trọng đối với EU và thế giới?* Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 69, ngày 17/3, Tr.5, Hà Nội.
79. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Philippines và Việt Nam có hợp tác “Kiềm chế Trung Quốc” ở Biển Đông?* Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 45, ngày 22/2, Tr.3, Hà Nội.
80. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Tình hình Biển Đông năm 2024*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 93, ngày 10/4, Tr.6, Hà Nội.
81. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Trung Quốc vẫn tăng 7,2% ngân sách quân sự trong bối cảnh khủng hoảng*, Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 80, ngày 28/3, Tr.7. Hà Nội.
82. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Dự báo bức tranh kinh tế châu Á năm 2024*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 76, ngày 24/3, Tr.12, Hà Nội.
83. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Nền kinh tế châu Á tiếp tục duy trì vị thế ổn định so với các khu vực khác*, Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 77, ngày 25/3, Tr.9. Hà Nội.
84. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Mong đợi gì từ Hội nghị cấp cao đặc biệt ASEAN-Australia?* Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 73, ngày 21/3, Tr.4. Hà Nội.
85. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Cuộc chiến tranh giành tài nguyên ở Biển Đông*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 47, ngày 24/2, Tr.2. Hà Nội.
86. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Vị trí của Việt Nam trên bản đồ công nghệ châu Á*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 66, ngày 14/3, Tr.3. Hà Nội.
87. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Sáu nội dung bắt buộc trong phát triển lực lượng sản xuất mới của Trung Quốc*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 82, ngày 30/3, Tr.7. Hà Nội.
88. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Hợp tác thăm dò tài nguyên biển của Việt Nam gặp phải thách thức từ nhân tố Trung Quốc*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 81, ngày 29/3, Tr.10. Hà Nội.

89. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Triển vọng hợp tác an ninh Việt-Mỹ trong khuôn khổ Đối tác chiến lược toàn diện*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 81, ngày 29/3, Tr.3. Hà Nội.
90. Thông tấn xã Việt Nam (2024), *Hợp tác giáo dục đào tạo Việt Nam-EU sau gần 30 năm hội nhập và phát triển*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Số 98, ngày 15/4, Tr.12. Hà Nội.
91. Thư viện Pháp luật (1993), *Nghị định số: 24/CP ngày 22/5/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia trên cơ sở tổ chức lại Viện Khoa học Việt Nam*, tại trang: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-24-CP-thanh-lap-Trung-tam-khoa-hoc-tu-nhien-va-cong-nghe-Quoc-gia-38572.aspx>, [Truy cập ngày: 20/5/2023].
92. Thư viện Pháp luật (2017), *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-60-2017-ND-CP-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-Vien-Han-lam-Khoa-hoc-va-Cong-nghe-Viet-Nam-349340.aspx>, [truy cập ngày: 15/8/2023].
93. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
94. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại mang bản sắc “Cây tre Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
95. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (1996), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
96. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
97. Nguyễn Quốc Tuấn (2023), “Nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp trí thức cho Quân đội trong tình hình mới”, *Tạp chí Quân đội nhân dân*, ngày 16/12/2023.

98. Đào Duy Tùng (1995), *Công tác chính trị tư tưởng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. Nguyễn Văn Út (2016), *Chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
100. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Liên Xô (1975), *Từ điển Triết học Liên Xô*, Nxb Khoa học Xã hội, Mátxcova.
101. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc (1982), *Từ điển Triết học Trung Quốc*, Nxb Trung Văn, Bắc Kinh.
102. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2023), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, kế hoạch năm 2024*, Nxb Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
103. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025*, Nxb Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
104. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
105. Phạm Ngọc Yến (2022), *Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng mới*, tại trang <https://tcnn.vn/news/detail/55783/Tiep-tuc-doi-moi-cong-tac-giao-duc-chinh-tri-tu-tuong-doi-voi-doi-ngu-can-bo-dang-vien-trong-giai-doan-cach-mang-moi.html>, [truy cập ngày 13/2/2024].
106. <https://nhandan.vn/vien-han-lam-khoa-hoc-va-cong-nghe-viet-nam-no-luc-thuc-day-ung-dung-cong-nghe-vao-doi-song-post911252.htm>
107. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/vien-han-lam-khoa-hoc-va-cong-nghe-viet-nam-de-xuat-chu-tri-che-bien-sau-dat-hiem-khoang-san-chien-luoc-cong-nghe-uav-1027270>

Tài liệu nước ngoài

108. Britannica (2024), *Tiananmen Square incident*. Tại trang: <https://www.britannica.com/event/Tiananmen-Square-incident>. Truy cập ngày: 20/4/2024.

109. Commerce senate of The United States (2022), *CHIPS Act of 2022*. Tại trang: <https://www.commerce.senate.gov/services/files/592E23A5-B56F-48AE-B4C1-493822686BCB>. Truy cập ngày: 20/3/2024.
110. 数字丝绸之路加速世界现代化 (Con đường tơ lụa kỹ thuật số tăng tốc hiện đại hóa thế giới) (2024), tại trang: <https://www.yidaiyilu.gov.cn/p/0RRKAALU.html>, [truy cập ngày: 21/3/2024].

PHỤ LỤC

Tổng hợp kết quả điều tra xã hội học

I. Về thông tin chung

- Có 305 người được khảo sát trong đó nam là 235 người chiếm 77 %; nữ là 70 người chiếm 23 %

+ tuổi đời từ 31 – 40 chiếm 12 %; từ 41 – 50 tuổi chiếm 52 %; từ 51 – 60 tuổi chiếm 32 %; trên 60 tuổi chiếm 4%

+ Trình độ văn hóa: 100 % tốt nghiệp Phổ thông trung học

+ Trình độ chuyên môn: Đại học chiếm 12%; trên đại học chiếm 88%

+ Trình độ lý luận: sơ cấp là 15%; trung cấp: 45%; cao cấp chiếm 35%

II. Về Nội dung

Câu 1: Đánh giá như thế nào về vai trò của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học trong Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay:

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không cần thiết	Khó trả lời
Tỷ lệ	30%	42%	15%	0%	13%

Câu 2: đánh giá chung về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian qua

Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó trả lời
Tỷ lệ	20	32	35	5%	8%

Câu 3: Đánh giá về thực hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện trong thời gian qua

Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó trả lời
Đảng ủy Viện Hàn lâm	12%	41%	32%	5%	10%
Cấp ủy các đơn vị trực thuộc	10%	42%	32%	7%	9%
Các tổ chức đoàn thể	8%	43%	28%	10%	11%
Ý thức tự nghiên cứu, tu dưỡng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học	18%	33%	30%	9%	10%

Câu 4: Ý kiến về việc bảo đảm các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ của Viện trong thời gian qua

Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó trả lời
Giáo dục Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	25%	31%	35%	5%	4%
Giáo dục truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng và dân tộc, tri thức chính trị của nhân loại	23%	35%	30%	4%	8%
Giáo dục lý tưởng, bản lĩnh chính trị	30%	29%	32%	4%	5%
Giáo dục tình hình thời sự trong nước và quốc tế:	34%	37%	20%	2%	7%
Giáo dục ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	18%	35%	30%	3%	14%

Câu 5: Ý kiến đánh giá của mình về phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện trong thời gian qua, đặc biệt từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XIII đến nay

Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó trả lời
Tỷ lệ	27%	25%	34%	7%	7%

Câu 6: Đánh giá của mình về hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ của Viện trong thời gian qua:

Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó trả lời
Tỷ lệ	25%	34%	28%	8%	5%

Câu 7: Đánh giá của mình về kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện trong thời gian qua

Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó trả lời
Về nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu (<i>được nâng lên</i>)	21%	34%	32%	2%	11%
Về thái độ, niềm tin chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu (<i>được chuyển biến</i>)	23%	35%	33%	0%	9%
Về hành động chính trị tích cực, tự giác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu (<i>được thay đổi</i>)	22%	32%	33%	4%	9%

Câu 8: Các yếu tố khách quan đóng vai trò thế nào đến kết quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện:

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	Khó trả lời
Tình hình thế giới	23%	18%	35%	15%	9%
Tình hình trong nước	37%	28%	25%	2%	8%
Sự tấn công chống phá của các thế lực thù địch	20%	35%	20%	5%	20%

Câu 9: các yếu tố chủ quan đóng vai trò thế nào đến kết quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	Khó trả lời
Chủ trương, chính sách phát triển khoa học và công nghệ của Đảng, nhà nước:	30%	33%	25%	5%	7%
Chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học	40%	32%	20%	0%	8%
Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, quản lý và các tổ chức đoàn thể của Viện	35%	25%	25%	3%	12%
Công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng	25%	26%	35%	6%	8%
Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên	22%	25%	40%	7%	6%
Cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng	25%	24%	38%	5%	7%
Ý thức, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu	27%	23%	37%	3%	10%

PHIẾU KHẢO SÁT

Kính gửi quý Ông/Bà!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài khoa học: **“Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tại Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam”**. Vì vậy, chúng tôi đang thu thập một số thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài. Do đó, rất mong được sự giúp đỡ của Quý Ông/Bà bằng cách dành thời gian để trả lời các câu hỏi mà chúng tôi nêu trong bảng hỏi dưới đây.

Để trả lời, Ông/Bà đọc kỹ câu hỏi và đưa ra câu trả lời bằng cách *tích dấu x vào mỗi ô trước phương án trả lời và ghi thông tin cụ thể vào phần được đánh dấu “...” của mỗi câu hỏi.*

Chúng tôi xin đảm bảo thông tin trả lời trong phiếu hỏi mà ông/bà chia sẻ sẽ được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác giúp đỡ của ông/bà!

Ngày khảo sát:/...../.....

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Xin Ông/bà vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

1. Tuổi đời:

- a. Dưới 30 b. Từ 31-40 c. Từ 41-50
d. Từ 51 – 60 e. Trên 60

2. Giới tính:

- a. Nam b. Nữ

3. Trình độ văn hóa:

- a. Tiểu học b. Trung học cơ sở c. Trung học phổ thông

4. Trình độ chuyên môn, đào tạo:

- a. Trung cấp b. Đại học c. Trên đại học

5. Trình độ lý luận chính trị

- a. Sơ cấp b. Trung cấp c. Cao cấp, cử nhân

6. Nghề nghiệp, chức vụ công tác:

PHẦN 2: NỘI DUNG

Câu 1. Ông/Bà đánh giá như thế nào về vai trò của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ nghiên cứu khoa học trong Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hiện nay:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không cần thiết e. Khó trả lời

Câu hỏi 2: Ý kiến đánh giá chung của Ông/Bà về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong thời gian qua:

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

Câu hỏi 3: Đánh giá của Ông/Bà về thực hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của chủ thể giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện trong thời gian qua

- Đảng ủy Viện Hàn lâm

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

- Cấp ủy các đơn vị trực thuộc

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

- Các tổ chức đoàn thể

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

- Ý thức tự nghiên cứu, tu dưỡng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

Câu hỏi 4: Ông/Bà cho biết ý kiến về việc bảo đảm các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ của Viện trong thời gian qua:

- Giáo dục Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh:

- a. Rất tốt b. Tốt c. Trung bình
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

- Về hành động chính trị tích cực, tự giác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu (*được thay đổi*)

- a. Rất tốt b. Tốt c. Bình thường
d. Chưa tốt e. Khó trả lời

Câu hỏi số 8: Theo Ông/bà, các yếu tố khách quan đóng vai trò thế nào đến kết quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện:

- Tình hình thế giới:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Tình hình trong nước:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Sự tấn công chống phá của các thế lực thù địch:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

Câu hỏi số 9: Theo Ông/bà, các yếu tố chủ quan đóng vai trò thế nào đến kết quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện:

- Chủ trương, chính sách phát triển khoa học và công nghệ của Đảng, nhà nước:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, quản lý và các tổ chức đoàn thể của Viện:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

- Ý thức, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ nghiên cứu:

- a. Rất quan trọng b. Quan trọng c. Bình thường
d. Không quan trọng e. Khó trả lời

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà./.